

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG VÀ KHUYẾN NGHỊ
CHO VIỆC XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN VÀ QUY CHUẨN KỸ THUẬT
CỦA VIỆT NAM

Nhóm Nghiên cứu

Đậu Anh Tuấn
Nguyễn Minh Đức
Phan Minh Thủy
Hoàng Thị Thanh



LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI
VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG VÀ KHUYẾN NGHỊ
CHO VIỆC XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN VÀ QUY CHUẨN KỸ THUẬT
CỦA VIỆT NAM



Lời giới thiệu

Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ban hành năm 2006 là một bước tiến quan trọng đối với môi trường kinh doanh của Việt Nam. Đạo luật này quy định về hoạt động xây dựng, công bố, và áp dụng các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, cũng như hoạt động đánh giá sự phù hợp với các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

Qua 17 năm thi hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp đã ban hành số lượng lớn các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật bao phủ nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống kinh tế - xã hội.

Hệ thống này đóng vai trò nền tảng trong việc đảm bảo chất lượng sản phẩm, dịch vụ, đáp ứng yêu cầu về an toàn sức khỏe con người, vệ sinh môi trường và lợi ích công cộng. Bên cạnh đó, trên tiến trình đất nước hội nhập kinh tế quốc tế, nhiều tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật đã được hài hòa với các tiêu chuẩn quốc tế và khu vực nhằm thực thi các cam kết tự do hoá thương mại, tạo điều kiện thuận lợi cho sản phẩm, hàng hoá Việt Nam vươn ra thị trường quốc tế. Đồng thời, hệ thống tiêu chuẩn được cập nhật thường xuyên để đáp ứng yêu cầu mới của khoa học kỹ thuật và nhu cầu của thị trường. Nhờ vậy, sức cạnh tranh của các ngành hàng trong nước ngày càng phát triển.

Mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, nhưng chất lượng của các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật vẫn chưa theo kịp nhu cầu của thực tiễn. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) vẫn ghi nhận phản ánh của doanh nghiệp về tình trạng một số tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật chưa thực sự hợp lý, minh bạch và khả thi, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có quy trình xây dựng các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật chưa được hoàn thiện, bao gồm cả công tác đầu tư nguồn lực, sự tham gia của nhiều bên và lấy ý kiến đối tượng chịu tác động.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật đang được Chính phủ trình Quốc hội thảo luận và dự kiến được thông qua vào kỳ họp tháng 5 năm 2025. Đây là cơ hội để các doanh nghiệp phản ánh về chất lượng của các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật có ảnh hưởng đến hoạt động của mình, từ đó đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng của các văn bản này. Để hướng đến mục tiêu trên, VCCI đã thực hiện ***Báo cáo Đánh giá chất lượng và khuyến nghị cho việc xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam***.

Chúng tôi hiểu rằng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật mang tính kỹ thuật cao nên tương đối khó hiểu đối với công chúng và cả những nhà làm luật. Thêm vào đó, với số lượng lên đến hơn 800 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) và gần 14.000 tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia (TCVN) đang có tại Việt Nam thì việc đánh giá chất lượng toàn bộ con số này là điều bất khả thi. Chính vì thế, chúng tôi mong báo cáo này có thể vẽ nên một bức tranh “dễ hiểu hơn” đối với người đọc và phản ánh mong muốn của cộng đồng doanh nghiệp đến các nhà làm luật liên quan đến việc cải thiện chất lượng các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

Chúng tôi chân thành cảm ơn các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp và chuyên gia đã giúp đỡ chúng tôi hoàn thành báo cáo này. Vì lý do giữ bí mật danh tính, chúng tôi xin phép không nêu tên cụ thể cá nhân, tổ chức đã tham gia trả lời phỏng vấn và đóng góp nội dung cho báo cáo này.

Mục lục

LỜI GIỚI THIỆU	3
MỞ ĐẦU	12
Bối cảnh	14
Mục đích nghiên cứu	15
Phạm vi nghiên cứu	16
Phương pháp nghiên cứu	17
Bố cục của báo cáo	18
TỔNG QUAN VỀ VIỆC BAN HÀNH CÁC TIÊU CHUẨN VÀ QUY CHUẨN KỸ THUẬT TẠI VIỆT NAM	20
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	22
Tiêu chuẩn quốc gia	34
Xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật	38
ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG MỘT SỐ TIÊU CHUẨN VÀ QUY CHUẨN KỸ THUẬT	42
Tiêu chí đánh giá chất lượng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật	44
Sự cần thiết ban hành	50
Tính hợp lý	60
Tính thống nhất	68
Tính khả thi	74
Tính minh bạch	84
Trình tự, thủ tục soạn thảo, ban hành	88
MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHUẨN VÀ QUY CHUẨN KỸ THUẬT	96
Về trình tự thủ tục xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật	98
Về nội dung của các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật	102



Danh mục từ viết tắt

AS	Tiêu chuẩn Quốc gia Australia
CODEX	Bộ Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế CODEX
ETSI	Viện Tiêu chuẩn Viễn thông Châu Âu – Tiêu chuẩn Châu Âu
IEC	Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế
ISO	Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế
MRA	Thỏa thuận công nhận lẫn nhau
QCĐP	Quy chuẩn kỹ thuật địa phương
QCKT	Quy chuẩn kỹ thuật
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
TCVN	Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia
VCCI	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới



Danh mục Hộp

Hộp 1:	Nội dung chi xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật	40
Hộp 2:	Các tiêu chí thẩm định TCVN, QCVN	45
Hộp 3:	Các tiêu chí thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	46
Hộp 4:	Mục đích ban hành tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật	51
Hộp 5:	Hiệu năng của pin lithium có phải hàng hoá nhóm 2?	53
Hộp 6:	Thép không gỉ có phải là hàng hoá nhóm 2?	54
Hộp 7:	Bảo hộ gạch ốp lát sản xuất trong nước?	55
Hộp 8:	Nâng cao chất lượng thép không gỉ?	56
Hộp 9:	Thúc đẩy tiêu thụ xi hạt lò cao để sản xuất xi măng?	57
Hộp 10:	Bảo đảm chất lượng thuốc thú y	58
Hộp 11:	Phân loại nước mắm và nước chấm, nước mắm truyền thống và nước mắm công nghiệp	61
Hộp 12:	Hiệu năng của pin lithium	62
Hộp 13:	Độ bền của giấy vệ sinh	63
Hộp 14:	Độ ẩm phân vi sinh	63
Hộp 15:	An toàn cháy nổ cho nhà và công trình	64
Hộp 16:	Hàm lượng melamine trong sữa	64
Hộp 17:	Hàm lượng photpho ngành thủy sản trong QCVN nước thải	65
Hộp 18:	Histamine trong nước mắm	65
Hộp 19:	Quy chuẩn 5G yêu cầu quá mức	66
Hộp 20:	Phóng xạ trong tro bay và xi lò cao	66
Hộp 21:	Chỉ tiêu kim loại nặng trong thức ăn chăn nuôi	69
Hộp 22:	Bắt buộc đo kiểm lại theo quy chuẩn Việt Nam dù sản phẩm đã đáp ứng đối với tiêu chuẩn quốc tế tương đương	70
Hộp 23:	Lập lại phép đo đối với các kiểu dáng tivi	71
Hộp 24:	Dây cáp điện phải kiểm tra quá nhiều mẫu	72
Hộp 25:	Điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo nằm trong QCVN	72
Hộp 26:	Chỉ tiêu thử nghiệm trong điều kiện băng giá, khắc nghiệt	73
Hộp 27:	Các tiêu chuẩn thép xây dựng	75
Hộp 28:	Sản phẩm sơn do hai Bộ quản	76

Hộp 29: Chứng nhận hợp quy và dán nhãn năng lượng	77
Hộp 30: Quản lý chất cấm, chất ô nhiễm trong thực phẩm, thức ăn chăn nuôi	77
Hộp 31: Không chỉ định đơn vị hợp quy keo dán gỗ	78
Hộp 32: Không có đơn vị đủ năng lực thử nghiệm công nghệ 5G	78
Hộp 33: Thiếu đơn vị thử nghiệm thuốc thú y	79
Hộp 34: Không đủ năng lực thử nghiệm máy phát điện xoay chiều sử dụng động cơ đốt trong pittong	79
Hộp 35: Thử nghiệm ra đa	80
Hộp 36: Thử nghiệm vật liệu xây dựng	81
Hộp 37: Thử nghiệm từ tính hàng không	81
Hộp 38: Thử nghiệm khoá vòi phun	82
Hộp 39: Thay đổi quy chuẩn vật liệu xây dựng	82
Hộp 40: Các quy chuẩn về an toàn điện và thu phát vô tuyến thiết bị điện tử	83
Hộp 41: Thay đổi chỉ tiêu sản phẩm thép ảnh hưởng đến bên cung cấp dịch vụ	85
Hộp 42: Camera giám sát hành trình lắp trên xe ô tô kinh doanh vận tải	85
Hộp 43: QCVN về nước thải công nghiệp	86
Hộp 44: Lộ trình áp dụng quy chuẩn đèn LED	87
Hộp 45: Lúng túng về môi trường đo kiểm	89
Hộp 46: Không tồn tại “phân silicat kiềm”	90
Hộp 47: Phân loại thực phẩm khó hiểu	90
Hộp 48: Quy chuẩn có tên chỉ tiêu, nhưng không có mức giới hạn yêu cầu	91
Hộp 49: Công tác tham vấn còn yếu	92
Hộp 50: Không đăng tải dự thảo QCVN	93
Hộp 51: Tham vấn đối với quy chuẩn an toàn thiết bị điện và điện tử	94
Hộp 52: QCVN về mức hấp thụ riêng đối với thiết bị vô tuyến	95
Hộp 53: Tiêu chuẩn hay quy chuẩn kỹ thuật?	95
Hộp 54: Đặc tính điện pin lithium - Tiêu chuẩn hay quy chuẩn kỹ thuật?	12
Hộp 55: Nhầm lẫn khi soạn thảo QCVN về mức hấp thụ riêng đối với thiết bị vô tuyến	12
Hộp 56: Khái niệm “baby foods” thực phẩm dành cho trẻ em	12
Hộp 57: Chậm điều chỉnh quy chuẩn sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ từ 6 tháng - 3 tuổi	12
Hộp 58: Chậm cập nhật tiêu chuẩn cấp điện	12

Danh mục Bảng

Bảng 1: Danh sách số lượng QCVN theo bộ ban hành và lĩnh vực	23
---	----

Danh mục Hình

Hình 1: Số lượng QCVN còn hiệu lực theo bộ ban hành	24
Hình 2: Số lượng QCVN được sửa đổi, bãi bỏ, thay thế theo bộ ban hành	25
Hình 3: Số lượng QCVN ban hành theo năm, bao gồm QCVN mới, thay thế và sửa đổi	26
Hình 4: Số lượng QCVN do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành theo năm	27
Hình 5: Số lượng QCVN do Bộ Y tế ban hành theo năm	28
Hình 6: Số lượng QCVN do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành theo năm	28
Hình 7: Số lượng QCVN do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành theo năm	29
Hình 8: Số lượng QCVN do Bộ Tài chính ban hành theo năm	29
Hình 9: Số lượng QCVN do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành theo năm	30
Hình 10: Số lượng QCVN do Bộ Xây dựng ban hành theo năm	30
Hình 11: Số lượng QCVN do Bộ Công Thương ban hành theo năm	31
Hình 12: Số lượng QCVN do Bộ Giao thông vận tải ban hành theo năm	31
Hình 13: Số lượng QCVN do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành theo năm	32
Hình 14: Số lượng TCVN ban hành theo lĩnh vực	36
Hình 15: Số lượng TCVN ban hành theo năm	37

Mở đầu





Bối cảnh

Việt Nam hiện có hơn 800 QCVN, gần 14.000 TCVN, cùng với một số ít các quy chuẩn kỹ thuật địa phương (QCVĐP). Việc ban hành các TCVN và QCVN này giúp tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất và lưu thông các loại sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cũng như giúp bảo vệ sức khoẻ con người, tài sản và môi trường.

Mặc dù vậy, trong vài năm trở lại đây, VCCI nhận được khá nhiều các ý kiến phản ánh của các doanh nghiệp về chất lượng của số lượng lớn QCVN và một số ít TCVN, tập trung chủ yếu vào những khó khăn, vướng mắc khi áp dụng. Điều này tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, từ đó cản trở sự phát triển kinh tế. Những vấn đề này dường như không mang tính đơn lẻ mà xuất phát từ nguyên nhân sâu xa hơn là do quy trình xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật chưa thực sự chặt chẽ, đặc biệt là việc thiếu tham vấn cũng như tiên liệu tác động.

Các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam được ban hành dựa trên các quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật. Các quy định này được đưa ra từ năm 2006, với mục đích chính là đáp ứng các yêu cầu hoàn thiện khung pháp lý, loại bỏ rào cản kỹ thuật thương mại để Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và các Hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương. Tuy nhiên, do sự thay đổi điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam, các quy định này đã bộc lộ nhiều thiếu sót và cần được mau chóng khắc phục, sửa đổi. Chính vì thế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật đang được Chính phủ trình và Quốc hội thảo luận và dự kiến được thông qua vào kỳ họp tháng 5 năm 2025.

Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm hướng đến một số mục tiêu sau:

- *Thứ nhất*, chúng tôi muốn vẽ lại bức tranh tổng quan về việc ban hành các TCVN, QCVN của Việt Nam trong thời gian qua, cả về số lượng, các bên tham gia và quy trình soạn thảo, ban hành.
- *Thứ hai*, chúng tôi phân tích một số vấn đề tồn tại liên quan đến chất lượng của các TCVN và QCVN. Các phát hiện này chỉ mang ý nghĩa là ví dụ minh họa nhằm rút kinh nghiệm chứ không mang tính phản biện từng vấn đề cụ thể.
- *Thứ ba*, chúng tôi đưa ra kiến nghị về quy trình xây dựng các TCVN và QCVN của Việt Nam trong thời gian tới nhằm nâng cao chất lượng của các văn bản này, khắc phục được những vấn đề tồn tại trước đây.

Phạm vi nghiên cứu

Do nguồn lực có hạn, VCCI không thể tiến hành rà soát toàn bộ các TCVN và QCVN đã được ban hành. Báo cáo chỉ tập trung vào một số TCVN, QCVN có liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và được các doanh nghiệp phản ánh đến VCCI hoặc qua các phương tiện thông tin đại chúng. Chúng tôi tập trung nhiều vào việc phân tích các QCVN vì đây là các quy định mang tính bắt buộc, các doanh nghiệp buộc phải tuân thủ và làm thủ tục hợp quy vì thế phát sinh nhiều vướng mắc hơn so với các TCVN vốn mang tính tự nguyện.

Phương pháp nghiên cứu

Báo cáo này được thực hiện dựa trên hai phương pháp nghiên cứu chính là phân tích nội dung của các TCVN, QCVN và phỏng vấn sâu các đối tượng có liên quan.

Việc phân tích nội dung của các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật được thực hiện theo các tiêu chí đánh giá chất lượng văn bản pháp luật vốn đang được sử dụng rộng rãi tại Việt Nam hiện nay. Các tiêu chí này bao gồm sự cần thiết, tính thống nhất, tính hợp lý, tính khả thi và tính minh bạch của mỗi TCVN, QCVN cũng như từng quy định cụ thể của chúng.

Chúng tôi đã tiến hành 17 cuộc phỏng vấn sâu, trao đổi ý kiến bằng văn bản với các cơ quan nhà nước có chức năng nhiệm vụ liên quan, các doanh nghiệp, các tổ chức đánh giá sự phù hợp và chuyên gia trong lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

Bố cục của báo cáo

Báo cáo gồm 3 phần chính:

- *Phần thứ nhất* là tổng quan về việc ban hành TCVN và QCVN tại Việt Nam hiện nay. Phần này cung cấp các thông tin cơ bản và đánh giá sơ bộ về hệ thống tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật dựa trên phân tích số liệu thống kê.
- *Phần thứ hai* là đánh giá chất lượng của một số TCVN và QCVN được doanh nghiệp phản ánh. Phần này được trình bày theo từng nhóm vấn đề và sử dụng một số tiêu chuẩn và quy chuẩn với vai trò ví dụ minh họa.
- *Phần thứ ba* là khuyến nghị cho việc ban hành các TCVN và QCVN trong tương lai, tập trung vào quy trình và tiêu chí đánh giá chất lượng TCVN và QCVN. Chúng tôi hy vọng một số khuyến nghị trong phần này có thể được sử dụng để đưa vào Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật đang được thảo luận tại Quốc hội cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành sau này.

1

2

3



Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia



Tính đến hết năm 2024, các cơ quan nhà nước đã ban hành 804 QCVN còn hiệu lực. Các quy chuẩn này hiện do 13 bộ quản lý.

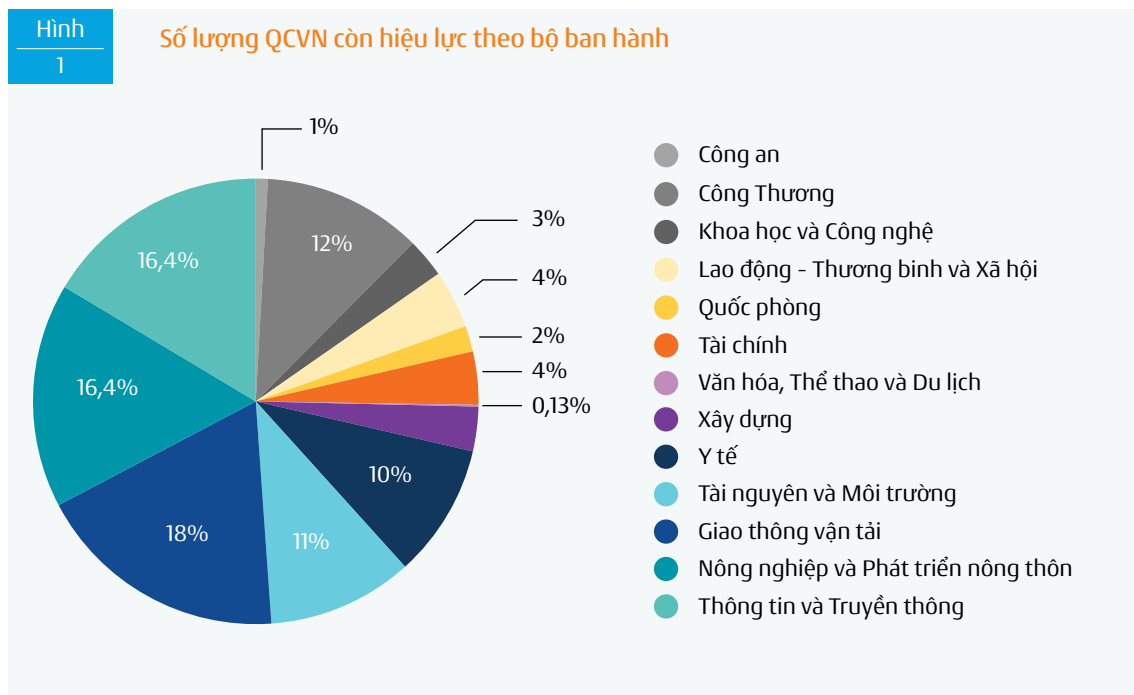
Bảng

1

Danh sách số lượng QCVN theo Bộ ban hành và lĩnh vực

TT	Bộ ngành	Lĩnh vực, đối tượng áp dụng QCVN	Số lượng QCVN
1	Công an	Kho chứa, vũ khí, vật liệu...	7
2	Công Thương	Trang thiết bị hệ thống điện, xăng dầu, an toàn vật liệu nổ công nghiệp...	93
3	Khoa học và Công nghệ	Thép, mũ bảo hiểm, xăng dầu, đồ chơi trẻ em, phóng xạ...	23
4	Lao động - Thương binh và Xã hội	An toàn lao động, trang thiết bị lao động...	34
5	Quốc phòng	Đạn, pháo, vũ khí, bảo mật dữ liệu...	15
6	Tài chính	Thiết bị cứu sinh, một số thiết bị dự trữ nhà nước...	31
7	Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Rạp chiếu phim	1
8	Xây dựng	Vật liệu xây dựng, QCVN về các loại công trình...	26
9	Y tế	Chất lượng thực phẩm, thuốc, nước...	78
10	Tài nguyên và Môi trường	Quan trắc môi trường, tiếng ồn, độ rung, yêu cầu đối với các loại chất thải ra môi trường...	85
11	Giao thông vận tải	Mũ bảo hiểm, yêu cầu vật liệu cho công trình giao thông, phương tiện giao thông...	148
12	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Phân bón, thú y, các loại thực phẩm...	131
13	Thông tin và Truyền thông	Thiết bị đầu đầu cuối, trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật...	132
Tổng			804

Số lượng QCVN giữa các bộ có sự chênh lệch đáng kể tùy theo đặc thù ngành. Có thể chia thành các nhóm như sau:



Ba bộ ban hành nhiều QCVN nhất là Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Thông tin và Truyền thông, với các con số lần lượt là 148, 131 và 132 QCVN còn hiệu lực. Tổng số QCVN mà ba Bộ này quản lý là 411 QCVN, chiếm hơn 50% tổng số QCVN hiện hành.

Nhóm tiếp theo là ba bộ gồm Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Y tế cũng ban hành số lượng khá lớn các QCVN, lần lượt là 93, 85 và 78 QCVN. Tổng số QCVN mà ba bộ này hiện quản lý là 256 QCVN, chiếm 32% trên tổng số.

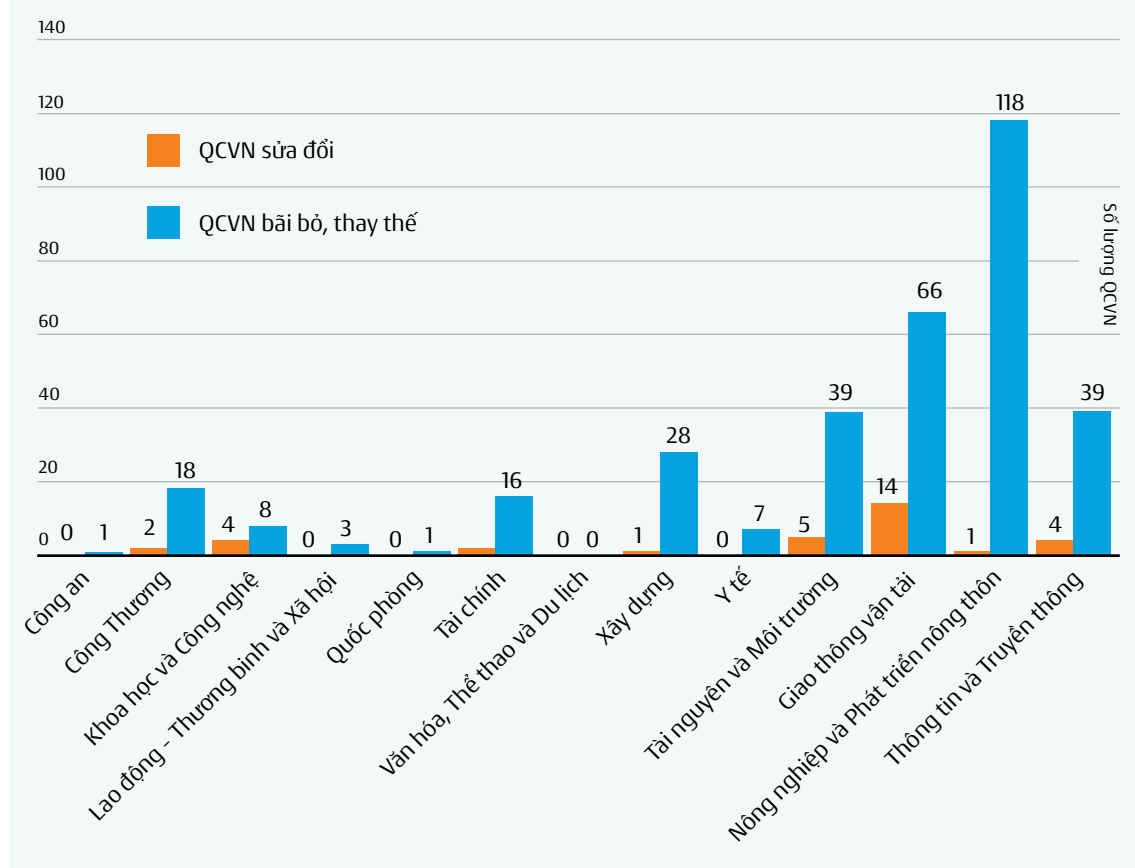
Các Bộ còn lại ban hành tương đối ít QCVN, gồm Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (34 QCVN), Bộ Tài chính (31 QCVN), Bộ Xây dựng (26 QCVN), Bộ Khoa học và Công nghệ (23 QCVN), Bộ Quốc phòng (15 QCVN), Bộ Công an (7 QCVN) và ít nhất là Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (1 QCVN).

Con số 804 trên đây là các QCVN còn hiệu lực. Nếu tính cả việc ban hành các QCVN ban hành mới và sửa đổi, bãi bỏ, thay thế các QCVN khác thì tổng số lên tới 1177 QCVN. Trong 17 năm qua, 377 QCVN đã được sửa đổi, thay thế hoặc bãi bỏ.¹ Phần lớn trong số này là các QCVN đã bị bãi bỏ hoặc thay thế (344 QCVN), gấp hơn 10 lần so với số QCVN sửa đổi (33 QCVN).

Phân tích riêng cho từng Bộ cho thấy, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã bãi bỏ tới 118 QCVN, tập trung vào các lĩnh vực giống cây trồng, vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi. Hầu hết các QCVN được bãi bỏ này nhằm tránh trùng lặp với các điều kiện đầu tư kinh doanh đã được ban hành ở cấp nghị định phù hợp với Luật Đầu tư. Một số bộ khác có số lượng QCVN được sửa đổi, thay thế nhiều gồm Bộ Thông tin và truyền thông, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng.

Hình
2

Số lượng QCVN được sửa đổi, bãi bỏ, thay thế theo bộ ban hành

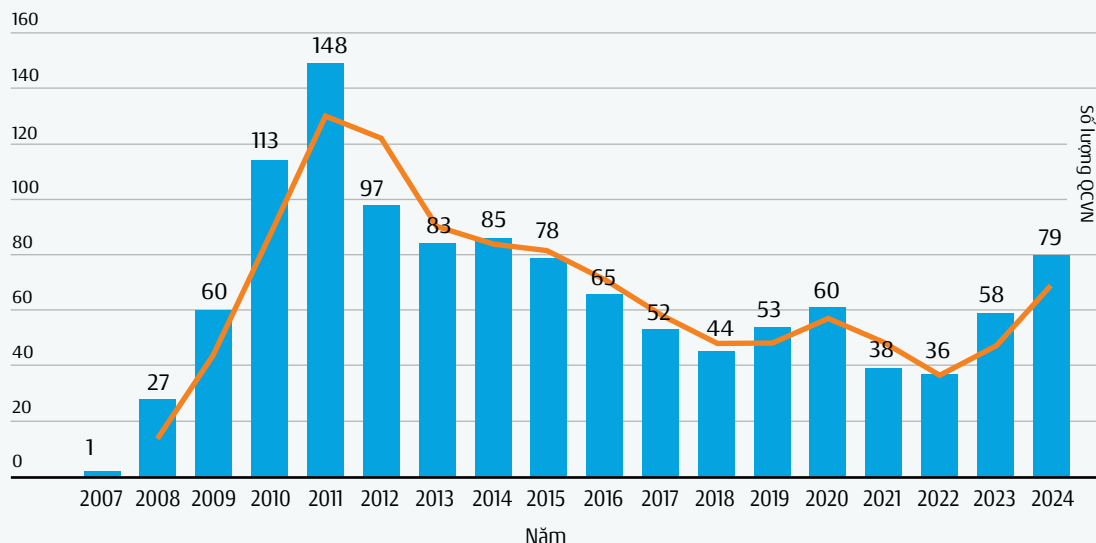


1 Không tính các sửa đổi về lộ trình áp dụng, hiệu lực thi hành và đính chính số hiệu. Khi thống kê số lượng văn bản bãi bỏ, không tính bổ sung QCVN sửa đổi QCVN.

Khi phân tích số lượng QCVN được ban hành theo thời gian, chúng tôi cũng nhận thấy một số xu hướng đáng chú ý.

Hình
3

Số lượng QCVN ban hành theo năm, bao gồm QCVN mới, thay thế và sửa đổi



Sau khi Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật có hiệu lực năm 2007, số lượng QCVN được ban hành tăng mạnh cho đến năm 2011. Năm 2011 cũng là năm có số lượng QCVN được ban hành cao nhất trong lịch sử, lên đến 148 QCVN.

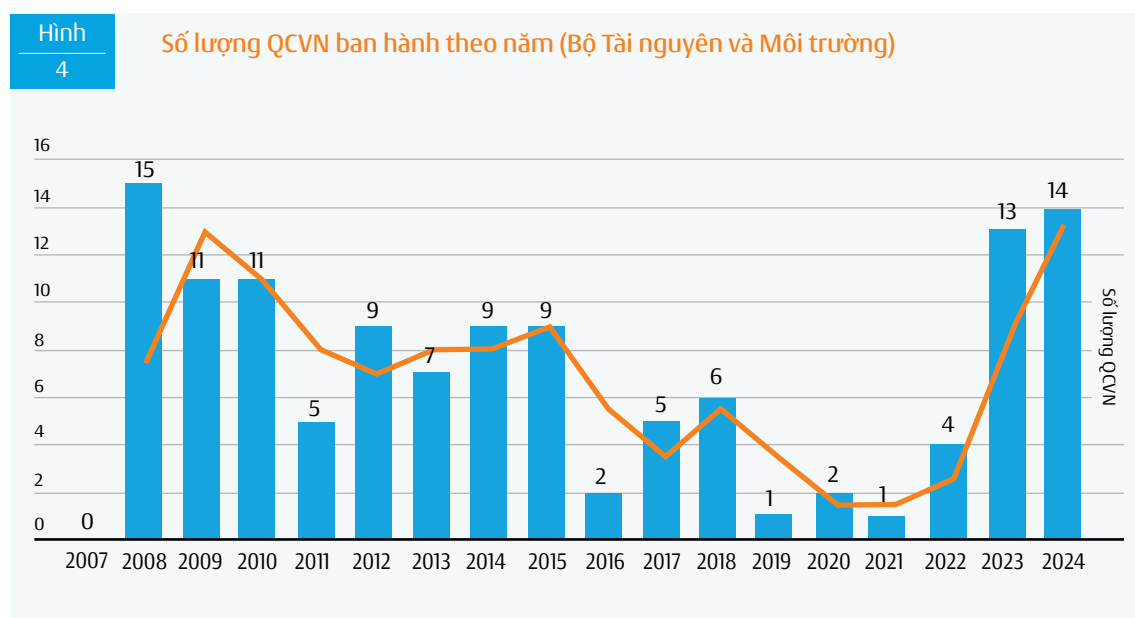
Các năm sau đó chứng kiến xu hướng giảm ban hành các QCVN. Từ 2012 đến 2015 số lượng QCVN được ban hành ở mức 80 đến hơn 90 văn bản mỗi năm. Từ năm 2016 đến năm 2023, số lượng QCVN ban hành mỗi năm tiếp tục xu hướng giảm, chỉ còn khoảng 40 đến 60 QCVN mỗi năm.

Năm 2019 và 2020, số lượng QCVN được ban hành có xu hướng tăng lên. Điều này có thể được giải thích bằng đợt cắt giảm quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh của năm 2018 khiến việc ban hành quy định ở cấp nghị định khó khăn hơn. Hai năm tiếp theo đó, 2021 và 2022, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid nên số lượng QCVN được ban hành giảm. Sau dịch bệnh, số lượng QCVN ban hành đang có chiều hướng tăng trở lại trong năm 2023-2024.

Số lượng các QCVN do từng bộ² ban hành được thể hiện chi tiết trong các đồ thị dưới đây.

Một số bộ có xu hướng ban hành một lượng lớn QCVN trong thời gian ngắn, sau đó giảm dần việc ban hành mới trong các năm tiếp theo. Điển hình trong số đó là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khi hầu hết QCVN của Bộ này được ban hành từ năm 2009 đến năm 2014. Trong khi đó, Bộ Y tế tập trung ban hành QCVN từ năm 2010 đến năm 2011. Chỉ trong hai năm này, Bộ đã ban hành tổng cộng 46 QCVN, chiếm hơn 50% trong tổng số 83 QCVN mà Bộ đã ban hành.

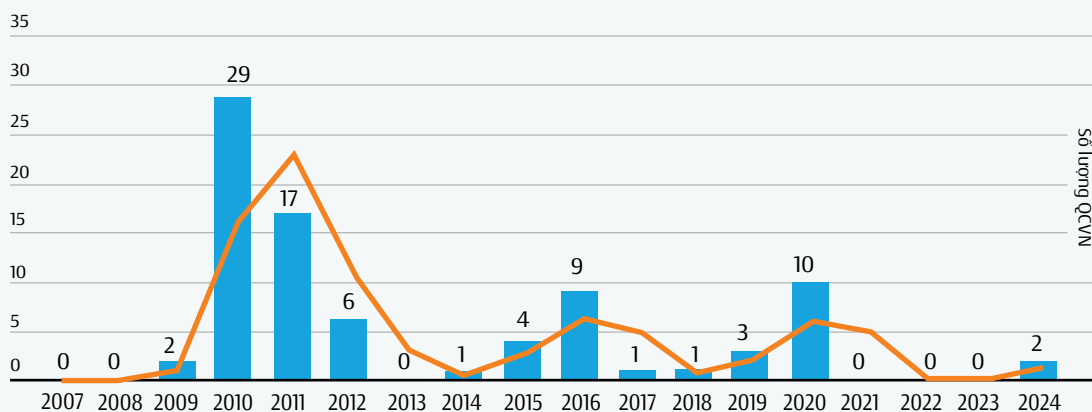
Các đồ thị từ Hình 4 đến Hình 10 thể hiện số lượng QCVN do các Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Xây dựng ban hành từ năm 2007-2024.



² Không bao gồm Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng do số lượng ban hành QCVN của các bộ này không đáng kể (dưới 20 QCVN trong vòng 17 năm).

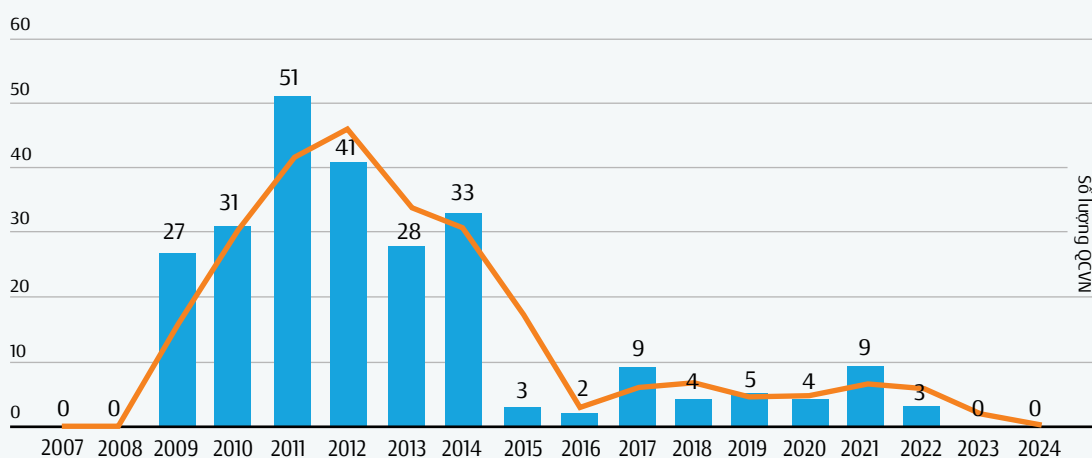
Hình
5

Số lượng QCVN ban hành theo năm (Bộ Y tế)



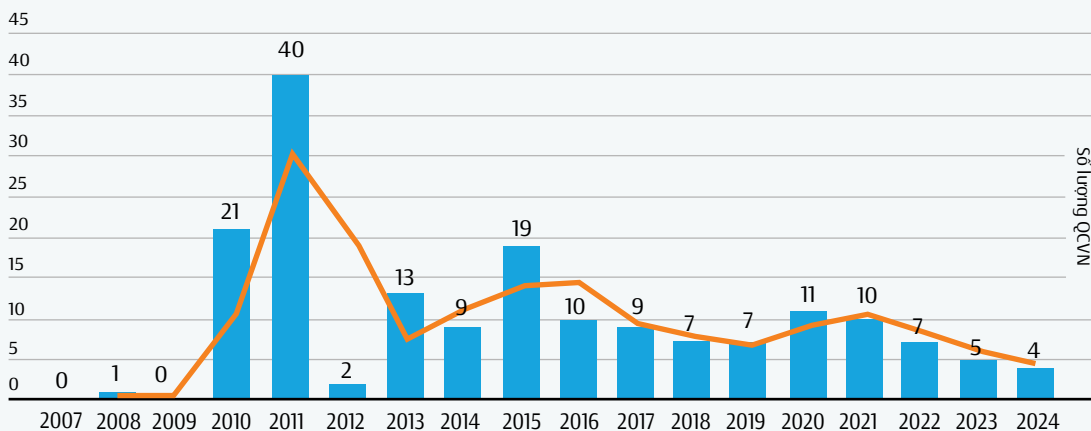
Hình
6

Số lượng QCVN ban hành theo năm (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



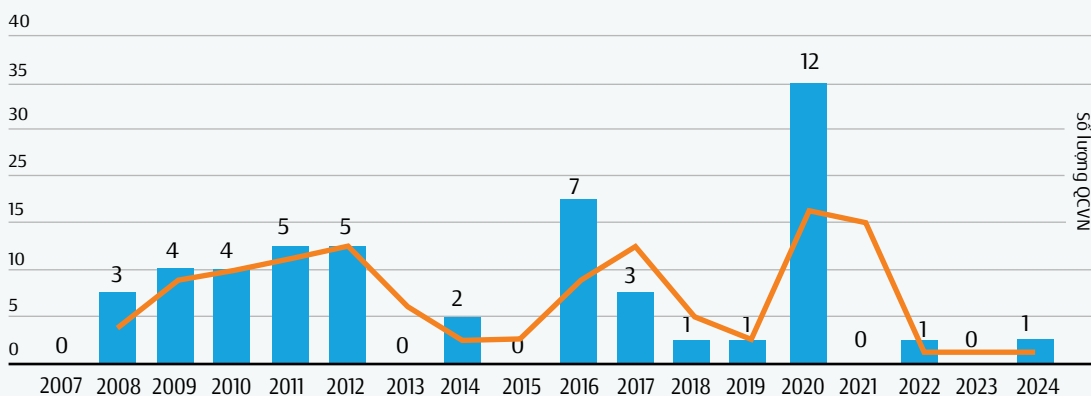
Hình
7

Số lượng QCVN ban hành theo năm (Bộ Thông tin và Truyền thông)



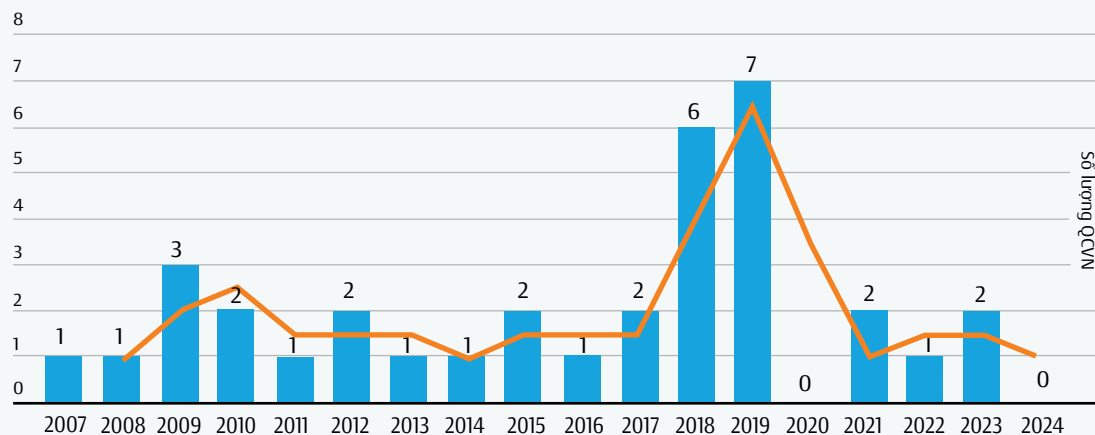
Hình
8

Số lượng QCVN ban hành theo năm (Bộ Tài chính)



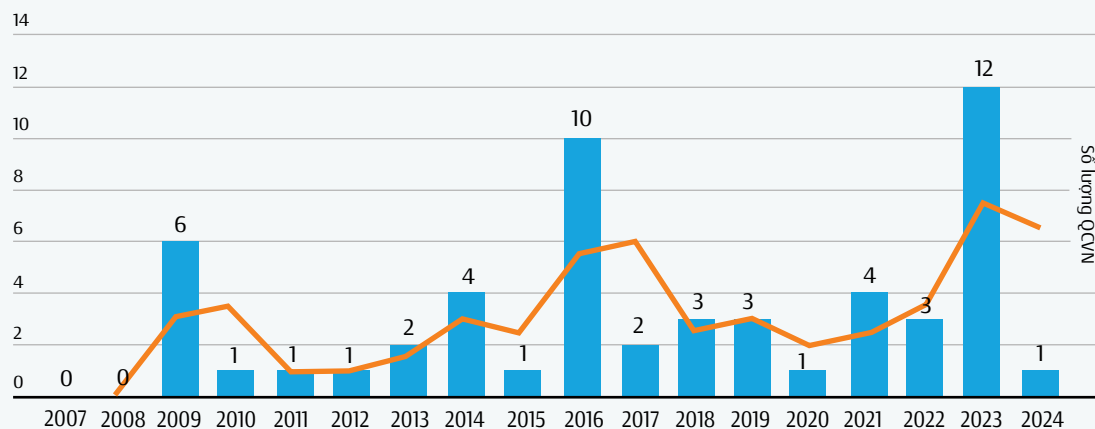
Hình
9

Số lượng QCVN ban hành theo năm (Bộ Khoa học và Công nghệ)



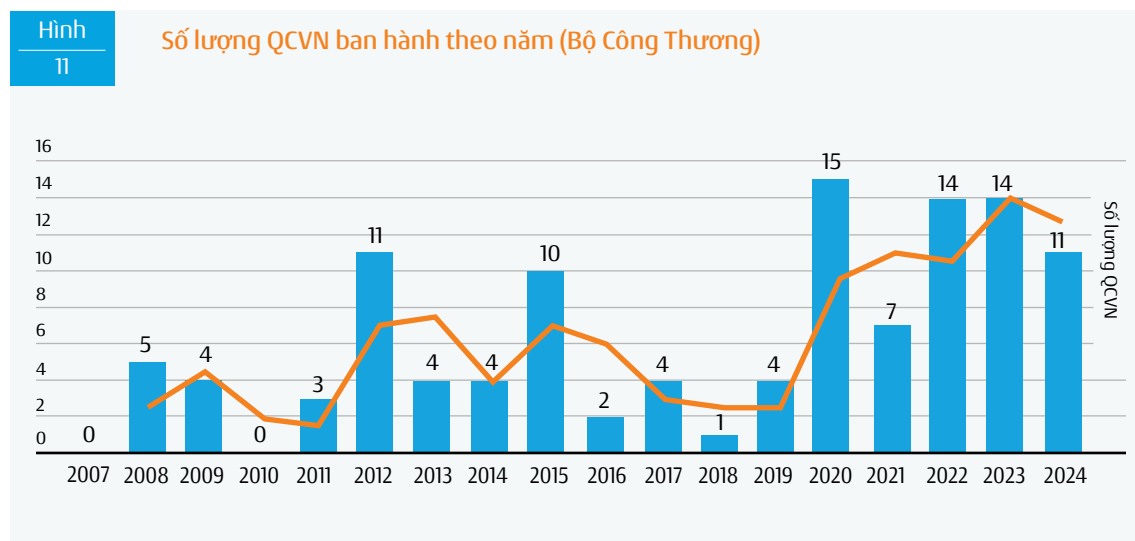
Hình
10

Số lượng QCVN ban hành theo năm (Bộ Xây dựng)



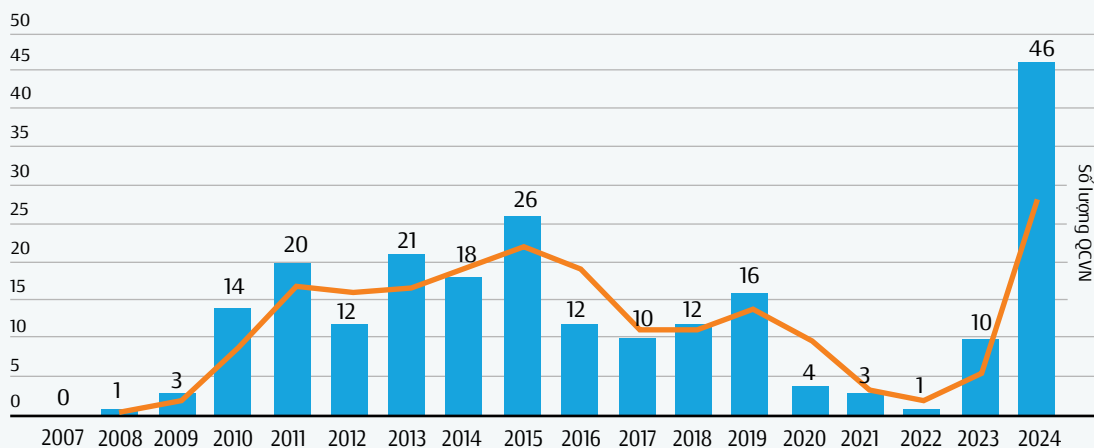
Nhìn chung, các bộ đều có xu hướng giảm dần số lượng QCVN được ban hành trong những năm gần đây. Tuy nhiên, Bộ Công Thương và Bộ Giao thông vận tải là những trường hợp hiếm hoi có xu hướng ngược lại. Đối với Bộ Công Thương, số lượng QCVN được ban hành liên tục tăng trong 5 năm qua, đạt khoảng 15 QCVN vào các năm 2020, 2022, và 2023. Đối với Bộ Giao thông vận tải, năm 2024 là năm ban hành QCVN kỷ lục với số lượng văn bản lên tới 46 QCVN. Nhiều trường hợp là các QCVN được bãi bỏ hoặc thay thế ngay sau khi ban hành trong cùng năm, nhằm đảm bảo phù hợp với các quy định mới của Luật Giao thông đường bộ năm 2024. Ngược lại, đối với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc cập nhật QCVN đã gián đoạn hoàn toàn trong 4-5 năm gần đây.

Các đồ thị từ Hình 11 đến Hình 13 thể hiện số lượng QCVN do các Bộ Công Thương, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành từ năm 2007-2024.



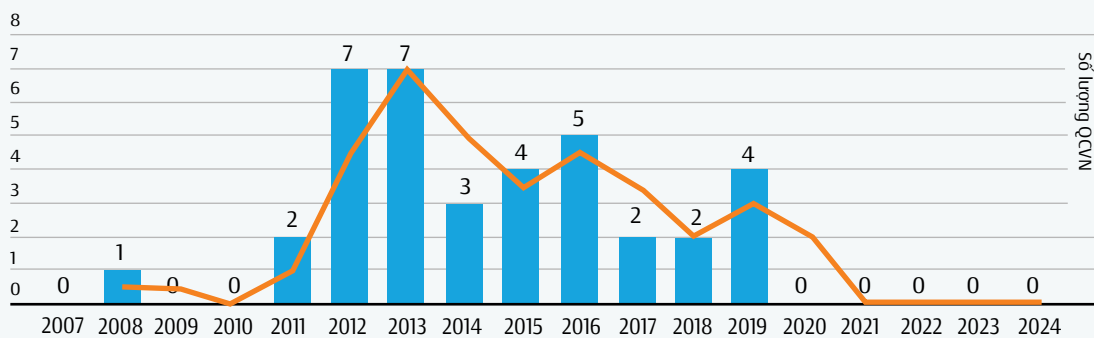
Hình
12

Số lượng QCVN ban hành theo năm (Bộ Giao thông vận tải)



Hình
13

Số lượng QCVN ban hành theo năm (Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)





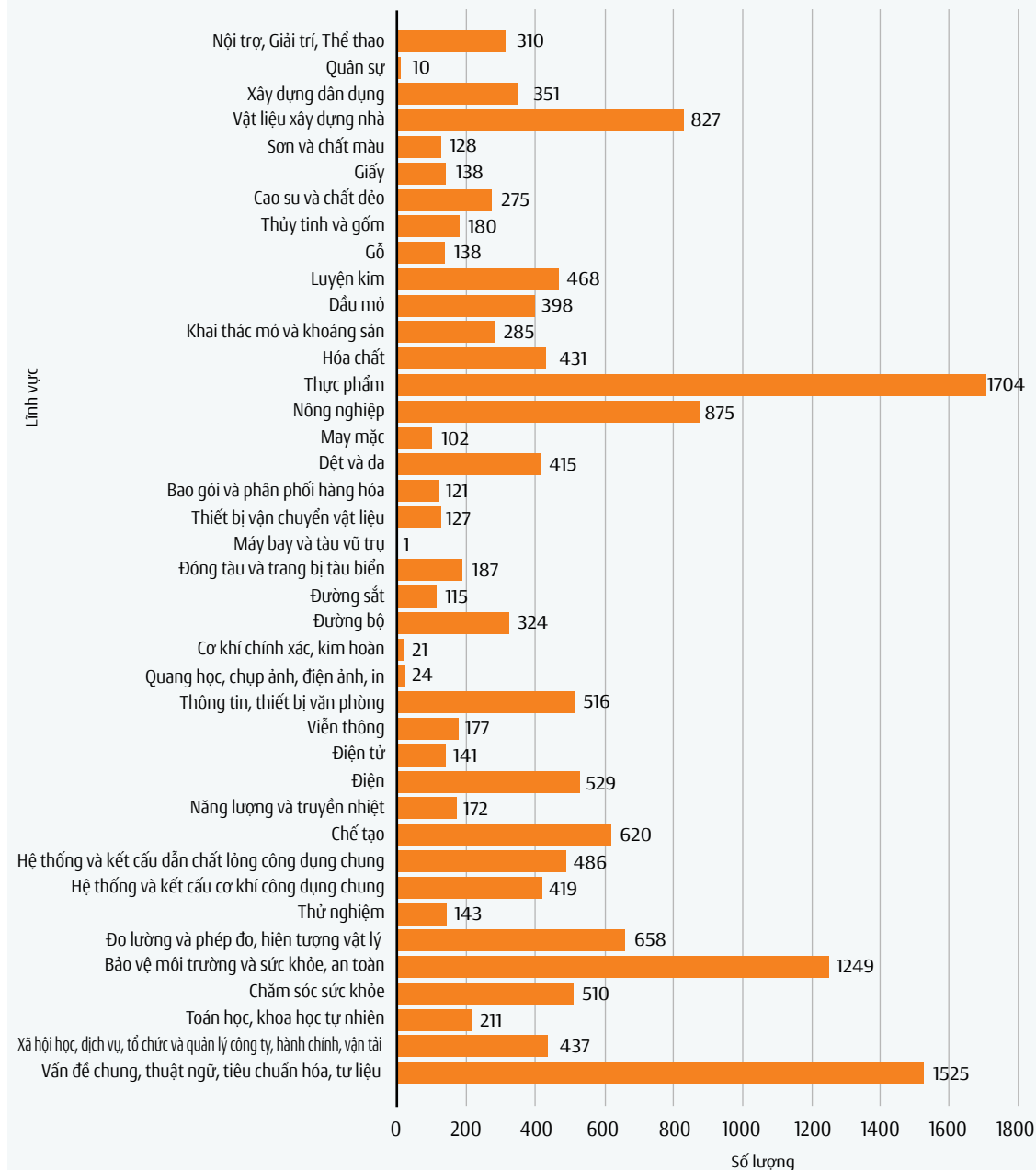
Tiêu chuẩn quốc gia



Khác với QCVN, các TCVN không mang tính chất bắt buộc. Các TCVN thường chứa đựng các yêu cầu kỹ thuật vượt trên mức tối thiểu, đồng thời là công cụ giúp doanh nghiệp khẳng định lợi thế cạnh tranh về chất lượng sản phẩm trên thị trường. Vì thế, nếu số lượng TCVN đối với sản phẩm hàng hoá càng nhiều, doanh nghiệp càng được cung cấp nhiều hướng dẫn hữu ích để cải thiện chất lượng sản phẩm.

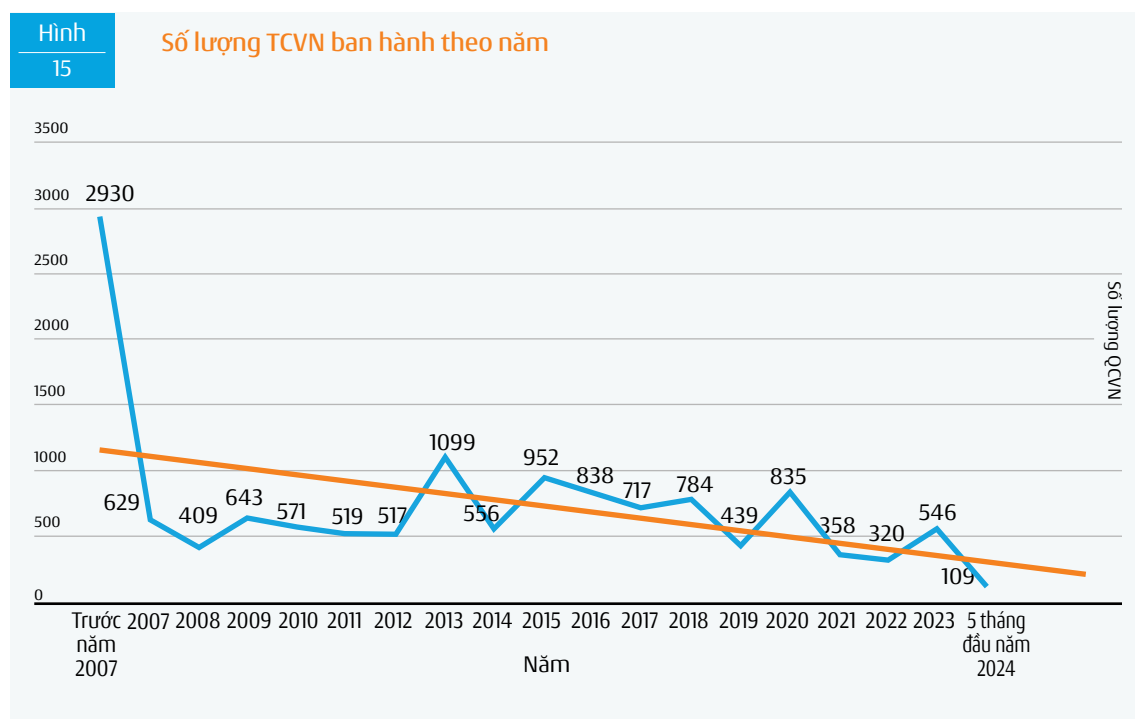
Hiện nay, Việt Nam có khoảng 14.000 TCVN và được phân loại theo 40 lĩnh vực. Số lượng TCVN của từng lĩnh vực được thể hiện trong đồ thị Hình 14 dưới đây. Lĩnh vực có nhiều TCVN nhất là thực phẩm với 1.700 TCVN. Các lĩnh vực khác có nhiều TCVN gồm vật liệu xây dựng, các vấn đề chung (thuật ngữ, tiêu chuẩn hoá...), bảo vệ môi trường, nông nghiệp. Một loạt các ngành có hơn 400 TCVN gồm luyện kim, hoá chất, chế tạo dệt may, da giày và thông tin văn phòng.

Số lượng TCVN ban hành theo lĩnh vực



Số lượng TCVN ban hành qua từng năm trong đồ thị Hình 15 cho thấy sự dao động đáng kể, nhưng xu hướng chung là giảm dần. Trước năm 2007, tổng cộng số lượng TCVN lên tới 2.930 văn bản trong bối cảnh Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật chưa có hiệu lực và chưa xuất hiện loại hình QCVN. Do đó, hầu hết các hoạt động quản lý chất lượng sản phẩm vào thời điểm này chủ yếu dựa trên công cụ TCVN.

Sau khi Luật đi vào hiệu lực, trung bình số lượng TCVN ban hành từ năm 2008 - 2012 ở mức ổn định 500 đến 600 văn bản hàng năm. Năm 2013 đánh dấu một bước ngoặt với số lượng TCVN tăng vọt lên 1.099 TCVN, gấp đôi số lượng trung bình những năm trước đó. Con số kỷ lục này có thể do nhiều nguyên nhân, trong số đó là nhu cầu nâng cao chất lượng sản phẩm nội địa, cạnh tranh quốc tế. Để tiếp nối mục tiêu này, trong năm 2014-2020, số lượng ban hành TCVN được đẩy mạnh lên trung bình 700-900 văn bản hàng năm (với hai năm 2014 và năm 2019 là ngoại lệ nhưng vẫn giữ ở mức ban hành 400-500 TCVN hàng năm). Từ năm 2021 đến 2024, tốc độ ban hành TCVN hàng năm chậm lại chỉ còn ở mức 300 văn bản hàng năm, nhiều nhất là 500 văn bản trong năm 2023 và kết thúc nửa đầu năm 2024 chỉ dừng lại ở mức 100 văn bản.



Xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật



Hiện nay, các TCVN và QCVN thường do các bộ, ngành trong Chính phủ xây dựng. Dự thảo các TCVN được gửi cho Bộ Khoa học và Công nghệ để thẩm định và công bố. Đối với các QCVN, Bộ Khoa học và Công nghệ chỉ có quyền thẩm định, việc ban hành cuối cùng vẫn do bộ quản lý ngành thực hiện. Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN³ và Thông tư 10/2023/TT-BKHCN⁴ quy định chi tiết việc xây dựng, thẩm định và ban hành QCVN.

Soạn thảo tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật

Theo ước tính của một số chuyên gia tham gia khảo sát, mỗi năm có khoảng 40-50 QCVN và khoảng 400-500 TCVN được dự thảo.

Đơn vị đầu mối phụ trách việc soạn thảo các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật này tùy thuộc ở các bộ. Một số bộ giao trách nhiệm chủ trì xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật cho Vụ Khoa học và Công nghệ. Một số Bộ khác lại giao cho cơ quan hành chính chuyên môn quản lý từng vấn đề, lĩnh vực. Một số Bộ khác lại giao việc này cho đơn vị sự nghiệp trực thuộc bộ như viện nghiên cứu hoặc một tổ chức khoa học công nghệ. Tuy nhiên, dù tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan chuyên môn soạn thảo thì vẫn có sự phối hợp với Vụ Khoa học và Công nghệ để bảo đảm chất lượng và tính thống nhất.

Kinh phí xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật hiện được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BTC⁵. Các nội dung chi được liệt kê tại Điều 4 của Thông tư này. Thông tư này có quy định về mức chi tối đa cho từng nội dung chi. Đơn vị chủ trì soạn thảo tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật phải lập dự toán đưa vào kế hoạch hàng năm, thực hiện phân bổ và giao dự toán, thực hiện chi và quyết toán.

3 Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành Quy chuẩn kỹ thuật.

4 Thông tư số 10/2023/TT-BKHCN ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 26/2019/TT-BKHCN ngày 25/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật.

5 Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 04 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật.

Nội dung chi xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật

Điều 4. Nội dung chi

1 Nội dung chi trực tiếp cho việc xây dựng TCVN và QCKT

- a | Chi công lao động thuê ngoài đối với các cán bộ, chuyên gia trực tiếp tham gia xây dựng dự thảo TCVN, QCKT;
- b | Chi công tác nghiên cứu, đánh giá thực trạng, nghiên cứu tài liệu kỹ thuật, phân tích kết quả điều tra, khảo sát, thử nghiệm, khảo nghiệm phục vụ cho việc xây dựng dự thảo TCVN, QCKT;
- c | Chi thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài phục vụ công tác xây dựng TCVN, QCKT (nếu có);
- d | Chi lấy ý kiến nhận xét của thành viên Ban kỹ thuật TCVN, Ban biên soạn hoặc tổ biên soạn xây dựng TCVN, các chuyên gia, nhà khoa học đối với dự thảo TCVN và QCKT;
- đ | Chi mua vật tư, văn phòng phẩm, nguyên, nhiên vật liệu, tiêu chuẩn, quy trình, tài liệu kỹ thuật, bí quyết công nghệ phục vụ cho việc xây dựng dự thảo TCVN, QCKT;
- e | Chi tổ chức các cuộc họp Ban kỹ thuật TCVN, Ban biên soạn hoặc Tổ biên soạn xây dựng TCVN, các chuyên gia, nhà khoa học đối với dự thảo TCVN và QCKT, hội nghị chuyên đề, hội thảo khoa học về dự thảo TCVN, QCKT;
- f | Chi dịch và hiệu đính tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và dịch TCVN, QCKT sang tiếng nước ngoài;
- g | Chi thực hiện các hoạt động khảo sát, điều tra phục vụ công tác xây dựng dự thảo TCVN, QCKT;
- h | Chi mua mẫu, thử nghiệm, khảo nghiệm trong nước, ngoài nước về các nội dung của dự thảo TCVN, QCKT (nếu có);
- i | Một số khoản chi khác liên quan trực tiếp đến việc xây dựng dự thảo TCVN, QCKT.

2 Nội dung chi phục vụ công tác quản lý của cơ quan có thẩm quyền quản lý hoạt động xây dựng TCVN, QCKT bao gồm:

- a | Chi tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo phục vụ công tác lập kế hoạch, rà soát chuyển đổi TCVN, QCKT;
- b | Chi họp Hội đồng thẩm tra, Hội đồng thẩm định dự thảo TCVN, QCKT;
- c | Chi nhận xét đánh giá phản biện của thành viên Hội đồng thẩm tra, Hội đồng thẩm định có báo cáo phản biện, đánh giá thẩm định về dự thảo TCVN, QCKT;
- d | Chi công tác phí cho các thành viên Hội đồng thẩm định (nếu có);
- đ | Các khoản chi văn phòng phẩm, chi phí in ấn, phô tô tài liệu liên quan đến việc thực hiện công tác quản lý của cơ quan có thẩm quyền quản lý hoạt động xây dựng TCVN, QCKT.

Theo phản ánh của một số đối tượng tham gia khảo sát, dù định mức chi theo Thông tư số 27/2020/TT-BTC năm 2020 đã tăng hơn so với quy định tại Thông tư liên tịch số 145/2009/TTLT-BTC-BKHCN⁶ năm 2009, nhưng vẫn khá eo hẹp. Để có thể thực hiện các bước nghiên cứu kỹ lưỡng hơn, một số Bộ đã kết hợp thêm nguồn kinh phí nghiên cứu khoa học được cấp cho đơn vị. Khoản tiền này góp phần tăng nguồn lực cho việc xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, nhưng hiệu quả cải thiện chất lượng dường như rất khó xác định.

Chính vì thế, nhiều ý kiến phản ánh rằng một tỷ lệ lớn các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam được xây dựng dựa trên việc tham khảo các tiêu chuẩn và quy chuẩn nước ngoài và quốc tế tương ứng. Chỉ một số ít các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật được soạn thảo hoàn toàn trong nước. Việc tham khảo tiêu chuẩn của nước ngoài và quốc tế là giải pháp phù hợp với trình độ phát triển của Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, điều này nảy sinh một số vấn đề về chất lượng của văn bản sẽ được phản ánh phần sau của báo cáo.

Thẩm định tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật

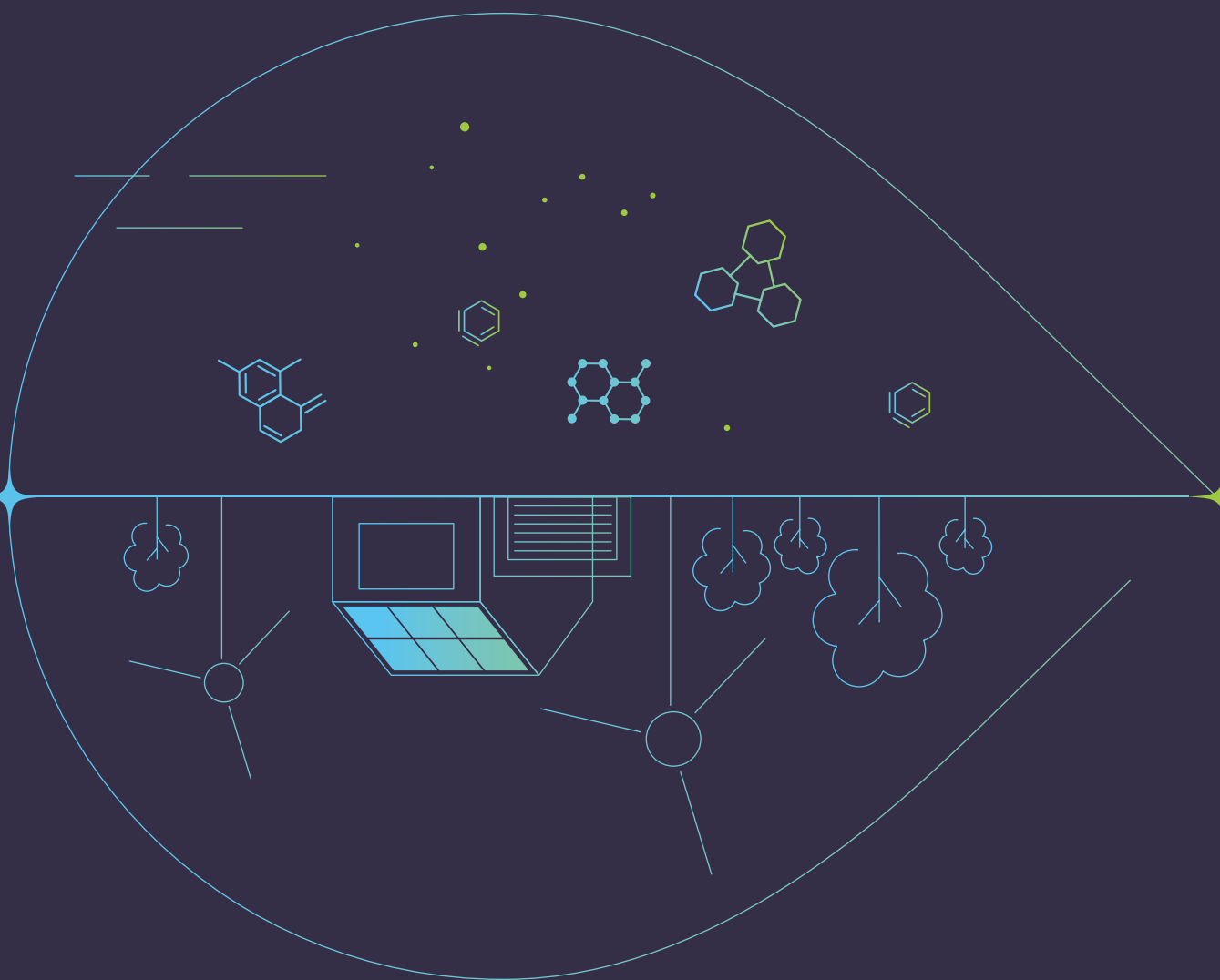
Thẩm quyền thẩm định các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện nay thuộc về Bộ Khoa học và Công nghệ. Bộ Khoa học và Công nghệ phân công cho Ban Tiêu chuẩn thuộc Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia làm đầu mối thực hiện việc thẩm định các quy chuẩn kỹ thuật. Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam là đầu mối thẩm định các tiêu chuẩn kỹ thuật.

Việc thẩm định quy chuẩn kỹ thuật thường được thực hiện theo hình thức cuộc họp với thành phần là các chuyên gia và đối tượng chịu tác động. Theo phản ánh của một số doanh nghiệp, việc mời đại diện của doanh nghiệp tham gia hội đồng thẩm định gần đây đã được tiến hành thường xuyên hơn. Báo cáo thẩm định sau đó được Bộ Khoa học và Công nghệ gửi cho Bộ chuyên ngành. Theo phản ánh, không nhiều trường hợp Bộ chuyên ngành gửi bản giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định cho Bộ Khoa học và Công nghệ trước khi ban hành.

⁶ Thông tư liên tịch 145/2009/TTLT-BTC-BKHCN ngày 17 tháng 07 năm 2009 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học Công nghệ hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật.

Đánh giá chất lượng một số tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật

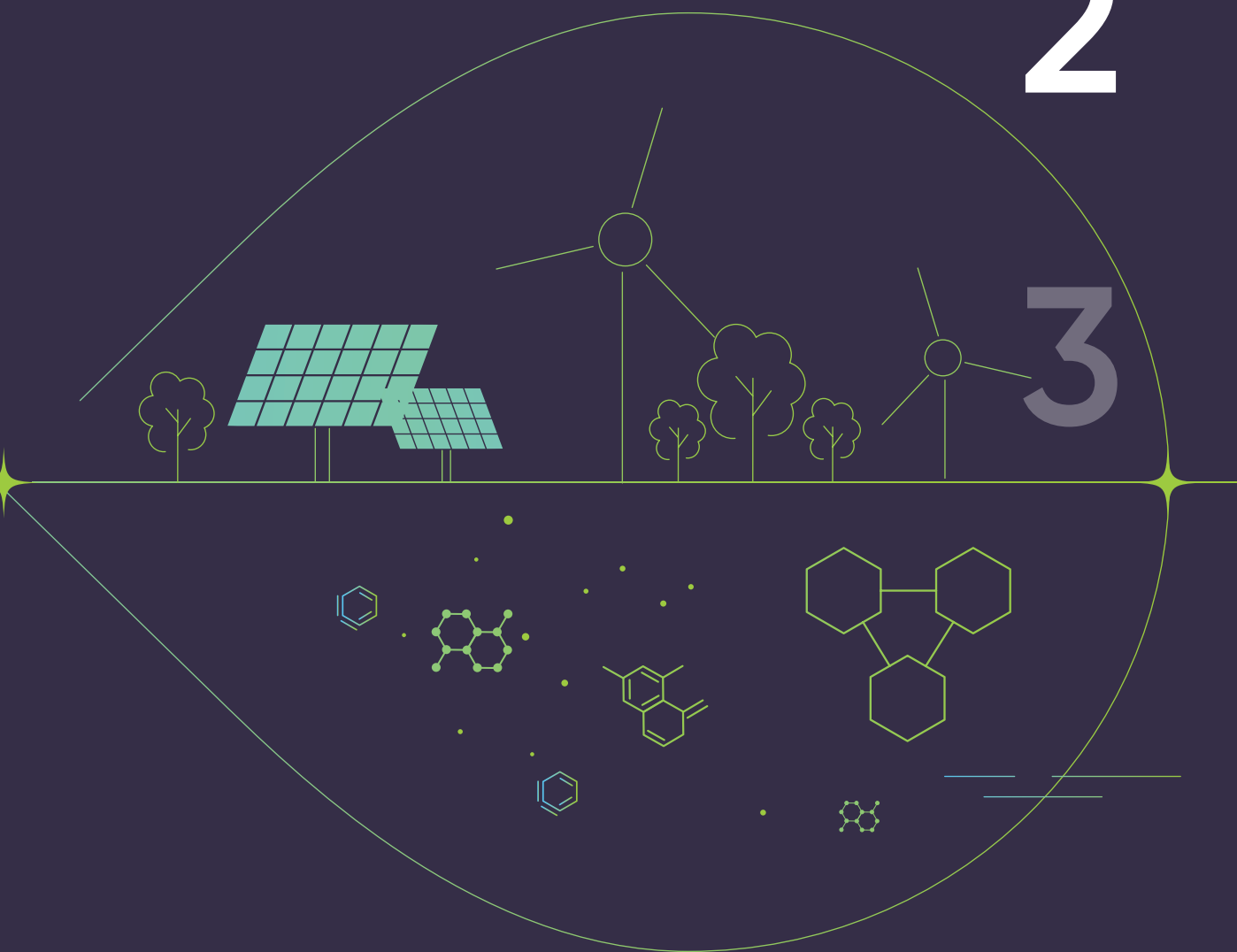
Phần tiếp theo của báo cáo sẽ trình bày các phát hiện trong quá trình đánh giá chất lượng một số tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật được doanh nghiệp phản ánh.



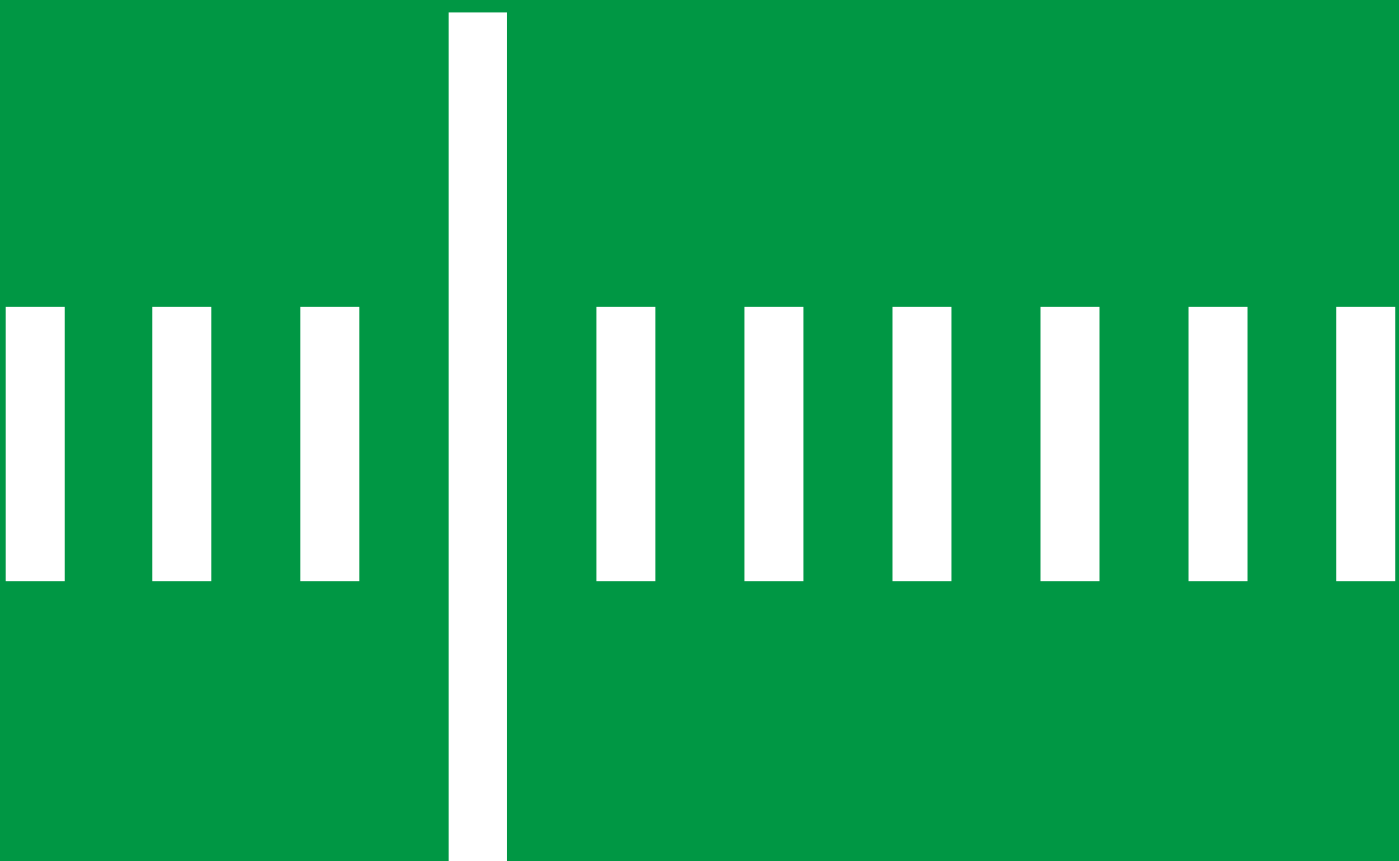
1

2

3



Tiêu chí đánh giá chất lượng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật



Các vấn đề vướng mắc, bất cập có liên quan đến tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật được doanh nghiệp phản ánh hết sức đa dạng. Nhóm nghiên cứu đã cố gắng hệ thống hoá các vướng mắc, bất cập này vào các nhóm vấn đề theo các tiêu chí đánh giá, giúp người đọc dễ nắm bắt và thuận tiện để xuất giải pháp chính sách.

Việc đánh giá chất lượng của các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật hiện chưa có tiêu chí thống nhất và cũng chưa có nhiều nghiên cứu về vấn đề này. Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật không trực tiếp đưa ra tiêu chí để đánh giá chất lượng của các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật mà chỉ có quy định gián tiếp về nội dung thẩm định dự thảo TCVN ở Điều 18 và nội dung thẩm định dự thảo QCVN ở Điều 33. Hai điều luật này có thể tạm coi là tiêu chí đánh giá chất lượng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

Các tiêu chí thẩm định TCVN, QCVN

Hộp
2

Điều 18. Nội dung thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia

- 1 Sự phù hợp của tiêu chuẩn với tiến bộ khoa học và công nghệ, điều kiện và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.
- 2 Sự phù hợp của tiêu chuẩn với quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật, cam kết quốc tế có liên quan, yêu cầu hài hoà với tiêu chuẩn quốc tế.
- 3 Tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, việc tuân thủ nguyên tắc đồng thuận và hài hoà lợi ích của các bên có liên quan.
- 4 Việc tuân thủ các yêu cầu nghiệp vụ, trình tự, thủ tục xây dựng tiêu chuẩn quốc gia.

Điều 33. Nội dung thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

- 1 Sự phù hợp của quy chuẩn kỹ thuật với quy định của pháp luật và cam kết quốc tế có liên quan;
- 2 Tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;
- 3 Việc tuân thủ các yêu cầu nghiệp vụ, trình tự, thủ tục xây dựng quy chuẩn kỹ thuật.

Điều 18 áp dụng đối với TCVN đưa ra một số tiêu chí như tính hợp lý, tính thống nhất, nguyên tắc đồng thuận, phù hợp với cam kết quốc tế và tuân thủ trình tự thủ tục. Điều 33 áp dụng đối với QCVN chỉ có tiêu chí về tính thống nhất, phù hợp với cam kết quốc tế và tuân thủ trình tự thủ tục. Như vậy, tiêu chí đánh giá QCVN có ít hơn hai tiêu chí so với TCVN là tính hợp lý và nguyên tắc đồng thuận. Đây có lẽ là một trong nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng một số QCVN chưa hợp lý và không nhận được sự đồng thuận của các doanh nghiệp như sẽ được trình bày ở phần sau của báo cáo.

Hiện nay, các QCVN đều được ban hành dưới hình thức Thông tư của Bộ trưởng, là một dạng văn bản quy phạm pháp luật. Vì thế nhóm nghiên cứu đã tham khảo các tiêu chí đánh giá chất lượng của văn bản quy phạm pháp luật. Về mặt lý luận, rất nhiều công trình nghiên cứu đã đưa ra các tiêu chí đánh giá chất lượng của văn bản pháp luật và hiện đang được sử dụng khá rộng rãi. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 cũng đưa ra nhiều tiêu chí được sử dụng làm nội dung thẩm định văn bản quy phạm pháp luật tại các khoản 3 Điều 39, khoản 3 Điều 58, khoản 3 Điều 88, khoản 3 Điều 92, khoản 3 Điều 98, khoản 3 Điều 102, khoản 3 Điều 121.

Hộp 3

Các tiêu chí thẩm định văn bản quy phạm pháp luật

Điều 39. Thẩm định đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh do Chính phủ trình

3 Nội dung thẩm định tập trung vào các vấn đề sau đây:

- a | Sự cần thiết ban hành luật, pháp lệnh; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của luật, pháp lệnh;
- b | Sự phù hợp của nội dung chính sách với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước;
- c | Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách với hệ thống pháp luật và tính khả thi, tính dự báo của nội dung chính sách, các giải pháp và điều kiện bảo đảm thực hiện chính sách dự kiến trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh;
- d | Tính tương thích của nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;
- đ | Sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nếu chính sách liên quan đến thủ tục hành chính; việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nếu chính sách liên quan đến vấn đề bình đẳng giới;
- e | Việc tuân thủ trình tự, thủ tục lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh.

Điều 58. Thẩm định dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết do Chính phủ trình

3 Nội dung thẩm định tập trung vào các vấn đề sau đây:

- a | Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với mục đích, yêu cầu, phạm vi điều chỉnh, chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh đã được thông qua;
- b | Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;
- c | Sự cần thiết, tính hợp lý và chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản, nếu trong dự thảo văn bản có quy định thủ tục hành chính;
- d | Điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

- d | Việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo văn bản, nếu trong dự thảo văn bản có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới;
- e | Ngôn ngữ, kỹ thuật và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản.

Trong trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định yêu cầu cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo về những vấn đề liên quan đến nội dung dự án, dự thảo.

Điều 102. Thẩm định dự thảo thông tư

3 Nội dung thẩm định tập trung vào những vấn đề sau đây:

- a | Sự cần thiết ban hành thông tư; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của thông tư;
- b | Sự phù hợp của nội dung dự thảo thông tư với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước;
- c | Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo thông tư với hệ thống pháp luật; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;
- d | Sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính trong dự thảo thông tư, nếu trong dự thảo thông tư có quy định thủ tục hành chính; việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo thông tư, nếu trong dự thảo thông tư có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới;
- đ | Điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính để thi hành thông tư;
- e | Ngôn ngữ, kỹ thuật và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản.

Các tiêu chí đánh giá chất lượng của văn bản quy phạm pháp luật được nêu tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật gồm sự cần thiết, sự phù hợp với chủ trương đường lối, tính thống nhất, tính khả thi, sự phù hợp với cam kết quốc tế, tính hợp lý, chi phí tuân thủ, tính khả thi, ngôn ngữ, kỹ thuật và trình tự thủ tục. Như vậy, có thể thấy các tiêu chí đánh giá chất lượng của văn bản quy phạm pháp luật đầy đủ và chi tiết hơn so với tiêu chí đánh giá chất lượng của tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Một số vấn đề có ảnh hưởng trực tiếp đến doanh nghiệp như tính hợp lý, chi phí tuân thủ, tính khả thi, ngôn ngữ kỹ thuật được đưa vào nội dung thẩm định văn bản quy phạm pháp luật, nhưng lại không được coi là nội dung thẩm định của tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

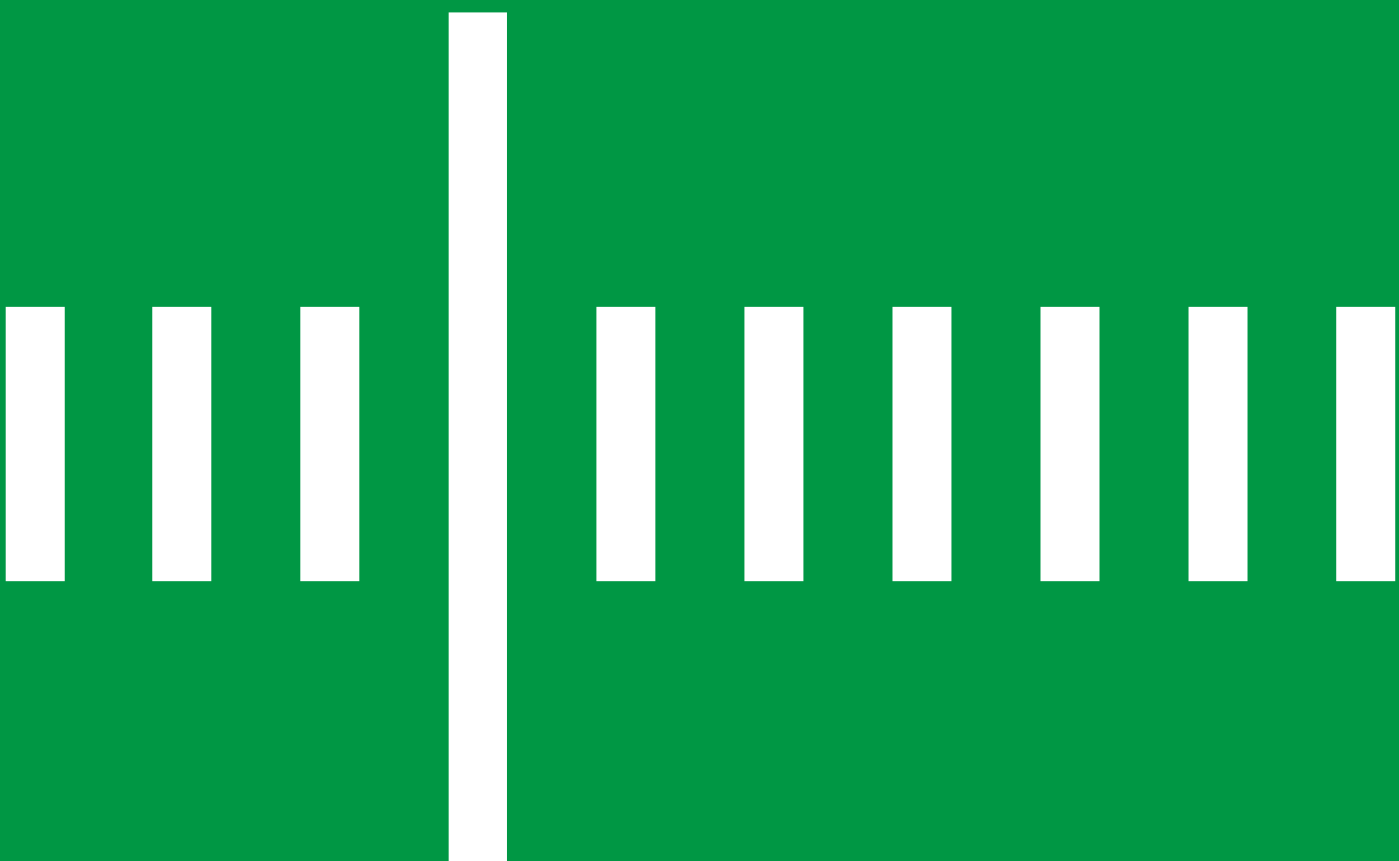
Nhóm nghiên cứu quyết định sử dụng các tiêu chí đánh giá chất lượng văn bản quy phạm pháp luật như trên khi tiến hành đánh giá chất lượng của các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Chúng tôi quan niệm rằng, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, dù mang nặng tính kỹ thuật, nhưng vẫn mang bản chất là các quy tắc xử sự dành cho các chủ thể có liên quan. Thêm vào đó, các quy chuẩn kỹ thuật, đối tượng đánh giá chính của báo cáo này, hiện cũng được coi là quy phạm pháp luật và chịu sự điều chỉnh của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Do đó, việc sử dụng tiêu chí cũng như các kết quả nghiên cứu trước đó về đánh giá chất lượng văn bản quy phạm pháp luật áp dụng cho tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật là khả thi và phù hợp.

Chúng tôi sử dụng các tiêu chí sau để đánh giá chất lượng của việc xây dựng và ban hành tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật:

- Sự cần thiết ban hành
- Tính hợp lý
- Tính thống nhất
- Tính khả thi
- Tính minh bạch
- Đúng trình tự, thủ tục



Sự cần thiết ban hành



Sự cần thiết ban hành một tiêu chuẩn hay quy chuẩn kỹ thuật để cập đến các mục tiêu chính sách của các văn bản này. Thông thường, các quy chuẩn kỹ thuật được ban hành nhằm bảo đảm an toàn, vệ sinh, sức khoẻ con người, bảo vệ động vật, thực vật, môi trường; bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia, quyền lợi của người tiêu dùng. Trong khi đó, các tiêu chuẩn kỹ thuật được ban hành nhằm để phân loại, đánh giá sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác.

Ban hành QCVN vì “các yêu cầu thiết yếu khác”

Khoản 2 Điều 3 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật 2006 quy định mục đích ban hành quy chuẩn kỹ thuật nhằm *bảo đảm an toàn, vệ sinh, sức khoẻ con người; bảo vệ động vật, thực vật, môi trường; bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia, quyền lợi của người tiêu dùng và các yêu cầu thiết yếu khác*. Như vậy, các cơ quan soạn thảo cần thuyết minh sự cần thiết của việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật dựa trên một hoặc một số lý do trên. Tuy nhiên, quy định này có điểm chưa minh bạch là cho phép ban hành quy chuẩn kỹ thuật phục vụ các yêu cầu thiết yếu khác, nhưng lại không có quy định rõ ràng đó là các yêu cầu gì.

Mục đích ban hành tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật

Hộp
4

- 1 Tiêu chuẩn là quy định về đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý *dùng làm chuẩn để phân loại, đánh giá sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của các đối tượng này*.

Tiêu chuẩn do một tổ chức công bố dưới dạng văn bản để tự nguyện áp dụng.

- 2 Quy chuẩn kỹ thuật là quy định về mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý mà sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội phải tuân thủ *để bảo đảm an toàn, vệ sinh, sức khoẻ con người; bảo vệ động vật, thực vật, môi trường; bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia, quyền lợi của người tiêu dùng và các yêu cầu thiết yếu khác*.

Quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành dưới dạng văn bản để bắt buộc áp dụng.

Trong khi đó, Hiệp định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại trong WTO chỉ cho phép áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật khi cần thiết để bảo đảm các mục tiêu hợp pháp, gồm an ninh quốc gia, ngăn ngừa gian lận và bảo vệ sức khỏe, an toàn cho con người, động thực vật, môi trường. Như vậy, việc cho phép ban hành quy chuẩn kỹ thuật phục vụ các yêu cầu thiết yếu khác chưa thực sự phù hợp với các quy định của WTO.

Hiến pháp 2013 cũng có quy định tại khoản 2 Điều 14 liệt kê một số các lợi ích công cộng để có thể hạn chế quyền con người, quyền công dân gồm lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng. Như vậy, việc liệt kê các yêu cầu thiết yếu khác tại khoản 2 Điều 3 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật đặt ra câu hỏi về việc các yêu cầu này có vượt quá phạm vi của khoản 2 Điều 14 của Hiến pháp.

Quy chuẩn kỹ thuật và hàng hóa nhóm 2

Theo khoản 4 Điều 3 của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hoá, hàng hóa nhóm 2 là các sản phẩm hàng hoá có khả năng mất an toàn, tức là trong điều kiện vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng hợp lý và đúng mục đích, vẫn tiềm ẩn khả năng gây hại cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường. Điểm b khoản 1 Điều 5 của Luật này quy định, hàng hóa nhóm 2 được quản lý chất lượng trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành. Như vậy, bất kỳ một loại hàng hoá nào có quy chuẩn kỹ thuật tương ứng thì được coi là hàng hóa nhóm 2 và ngược lại.

Tuy nhiên, đến đây nảy sinh một điểm không thống nhất giữa Luật Chất lượng sản phẩm hàng hoá và Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật. Luật Chất lượng sản phẩm hàng hoá chỉ cho phép phân loại hàng hoá vào nhóm 2 vì lý do tiềm ẩn khả năng gây hại cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường. Trong khi đó, việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật lại được phép đưa ra viện dẫn các lý do vì "các yêu cầu thiết yếu khác". Nếu cơ quan quản lý ban hành quy chuẩn kỹ thuật đối với một loại hàng hoá với lý do vì "các yêu cầu thiết yếu khác", mà không phải vì lý do tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn, thì lại không đủ cơ sở để bổ sung hàng hoá đó vào nhóm 2.

Hộp 5

Hiệu năng của pin lithium có phải hàng hoá nhóm 2?

Sản phẩm pin lithium dùng cho điện thoại di động, máy tính bảng, máy tính xách tay có bản chất hoạt động dựa trên phản ứng hoá học có thể sinh nhiệt, có nguy cơ gây mất an toàn cho sức khỏe của con người nếu không kiểm soát tốt. Do đó, việc đưa các sản phẩm này vào danh mục hàng hóa nhóm 2 là cần thiết.

Tuy nhiên, các yêu cầu về đặc tính điện của pin lithium trong QCVN 101:2020/BTTTT Pin lithium cho thiết bị cầm tay thì hoàn toàn không phải tiêu chí về an toàn. Chỉ tiêu về điện vốn dĩ được sử dụng để làm cơ sở cho nhà sản xuất pin để tùy chỉnh cấp độ chất lượng của sản phẩm tùy thuộc theo nhu cầu thị trường (ví dụ như dung lượng pin, khả năng sạc nhanh). Do đó việc đưa chỉ tiêu hiệu năng pin vào quản lý trong hàng hoá nhóm 2 là không phù hợp.

Thép không gỉ có phải là hàng hoá nhóm 2?

Quá trình thảo luận về QCVN 20:2019/BKHCN Thép không gỉ là một ví dụ điển hình cho các tranh luận về sự cần thiết ban hành quy chuẩn kỹ thuật. Thép không gỉ là bán thành phẩm, dùng làm nguyên liệu để sản xuất ra các loại hàng hoá khác. Một số hàng hoá trong đó không tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn như đồ trang trí, bàn, ghế, khung tranh, cửa sổ, thùng rác, tay vịn cầu thang... Một số hàng hoá khác có thể gây mất an toàn như dụng cụ tiếp xúc với thực phẩm (nguy cơ thôi nhiễm kim loại nặng), các bộ phận chi tiết của các loại hàng hoá có nguy cơ mất an toàn khác như phương tiện giao thông, máy móc lao động, thang máy... Tuy nhiên, các sản phẩm này đều đã có các QCVN tương ứng với từng sản phẩm (dành cho dụng cụ tiếp xúc với thực phẩm, ô tô, xe máy, thang máy...). Như vậy, việc đưa ra QCVN đối với thép không gỉ là không cần thiết và chồng chéo với các quy định khác.

Mục tiêu bảo hộ thị trường?

Bảo hộ thị trường là một trong những mục tiêu gây tranh cãi khi xây dựng các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Theo quy định của WTO và các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam tham gia, các quốc gia không được phép ban hành tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật nhằm bảo hộ thị trường, phân biệt đối xử giữa hàng hoá trong nước và nước ngoài. Mặc dù vậy, không ít trường hợp Chính phủ các nước vẫn cố gắng lợi dụng việc ban hành các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật nhằm mục đích bảo hộ, nhưng được trá hình bằng các lý do khác như bảo vệ con người, tài sản.

Mục tiêu bảo hộ thị trường có thể là một lý do khó nói công khai trong các tài liệu công bố, nhưng lại rất dễ thuyết phục các nhà làm luật về sự cần thiết ban hành của một quy chuẩn kỹ thuật. Tuy nhiên, cần hết sức lưu ý rằng việc sử dụng các quy chuẩn kỹ thuật với mục đích bảo hộ thị trường có thể là con dao hai lưỡi. Một mặt, nếu biện pháp bảo hộ được thiết kế tốt, doanh nghiệp trong nước sẽ có thêm thời gian và nguồn lực để tích lũy công nghệ, cải tiến quy trình nhằm cạnh tranh với hàng hoá nước ngoài trong tương lai. Mặt khác, nếu biện pháp bảo hộ được thiết kế tùy tiện và bị thao túng, doanh nghiệp trong nước sẽ lạm dụng, trở nên ỷ lại, không chịu đổi mới, cải tiến và người tiêu dùng sẽ phải gánh chịu chi phí trong một thời gian dài.

Thảo luận sâu về một chính sách bảo hộ tốt có thể nằm ngoài phạm vi của nghiên cứu này. Chúng tôi hiểu rằng, quy chuẩn kỹ thuật có thể là một công cụ tốt để thực hiện mục tiêu bảo hộ, nhưng để sử dụng nó một cách hiệu quả đòi hỏi sự khéo léo, kiên định của nhà làm chính sách và thậm chí cả may mắn. Do đó, nếu một quy chuẩn kỹ thuật được thuyết minh là nhằm mục tiêu tạo thuận lợi hơn cho sản xuất trong nước so với hàng nhập khẩu thì thuyết minh đó cần được bổ sung thêm rất nhiều thông tin như thực trạng phát triển ngành, cơ hội tích lũy vốn và công nghệ của các doanh nghiệp, lộ trình áp đặt và gỡ bỏ quy chuẩn kỹ thuật và các biện pháp bảo hộ ngành khác.

Bảo hộ gạch ốp lát sản xuất trong nước?

Việc đưa mặt hàng gạch ốp lát vào trong QCVN 16:2023/BXD Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng không mang nhiều ý nghĩa, vì mặt hàng này ít gây tác động nguy hiểm cho người dùng kể cả khi xảy ra hư hỏng hoặc bể vỡ. Tuy nhiên, hàng hoá nhập khẩu sẽ chịu nhiều tác động do phải kiểm tra theo lô theo thủ tục hợp quy. Trong khi đó, hàng hoá sản xuất trong nước ít chịu tác động hơn do được phép kiểm tra theo kiểu loại. Vì thế, có ý kiến doanh nghiệp phản ánh cho rằng mục tiêu chính của việc đưa mặt hàng gạch ốp lát vào QCVN 16:2023/BXD nhằm hỗ trợ hàng hoá sản xuất trong nước trước áp lực của hàng hoá nhập khẩu hơn là để bảo đảm an toàn cho người sử dụng.

Mục tiêu nâng cao chất lượng của sản phẩm, hàng hoá

Trong nhiều trường hợp, các cơ quan soạn thảo đưa ra lập luận rằng việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật sẽ giúp nâng cao chất lượng của sản phẩm, hàng hoá. Tuy nhiên, lập luận này vừa không phù hợp với quy định của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, vừa sử dụng sai công cụ quản lý. Khoản 1 Điều 3 và khoản 2 Điều 3 của Luật này đã quy định rất rõ quy chuẩn kỹ thuật được sử dụng để bảo đảm an toàn. Mặt khác, nếu muốn nâng cao chất lượng của sản phẩm, hàng hoá, cơ quan nhà nước cần sử dụng các tiêu chuẩn.

Trên thực tế, đúng là các quy chuẩn kỹ thuật có thể giúp nâng cao chất lượng của sản phẩm, hàng hoá do các mặt hàng kém chất lượng hơn không đáp ứng quy chuẩn sẽ không được lưu thông. Tuy nhiên, điều này sẽ làm tăng chi phí sản xuất, giảm sự cạnh tranh trên thị trường từ đó đẩy giá bán của sản phẩm hàng hoá lên và hạn chế lựa chọn của người tiêu dùng. Người tiêu dùng sẽ phải trả nhiều tiền hơn cho một sản phẩm vượt quá nhu cầu của họ vì sản phẩm rẻ tiền hơn, dù an toàn, đã bị loại bỏ do không đáp ứng quy chuẩn. Do đó, vấn đề chất lượng và giá cả của sản phẩm nên để người tiêu dùng tự quyết định.

Trong trường hợp cơ quan nhà nước lo ngại doanh nghiệp cung cấp hàng hoá có chất lượng thấp nhưng lại gian dối rằng chất lượng cao để có thể bán với giá cao hơn, thì nên sử dụng công cụ quản lý là tiêu chuẩn. Theo đó, chỉ những hàng hoá có chất lượng cao mới được phép sử dụng tên gọi phù hợp với tiêu chuẩn, và những trường hợp gian dối về tiêu chuẩn sẽ phải chịu xử phạt nghiêm minh. Người tiêu dùng dựa vào tên gọi theo tiêu chuẩn để nắm rõ chất lượng hàng hoá.

Nâng cao chất lượng thép không gỉ?

Trong quá trình thảo luận về QCVN 20:2019/BKHCN Thép không gỉ, cơ quan nhà nước cho rằng quy chuẩn này giúp loại bỏ các loại thép chất lượng thấp trên thị trường, giúp người tiêu dùng được sử dụng hàng hoá chất lượng tốt hơn. Tuy nhiên, đi kèm với chất lượng thì giá thành của sản phẩm cũng tăng lên. Nếu như trước đây người tiêu dùng được chủ động lựa chọn hàng hoá với chất lượng và giá cả phù hợp với nhu cầu thì nay QCVN 20:2019/BKHCN đã loại bỏ một số loại thép có giá thành rẻ, buộc người tiêu dùng phải bỏ nhiều tiền hơn để mua sản phẩm được làm từ inox có chất lượng cao hơn so với nhu cầu của họ. Ví dụ, nhiều trường hợp doanh nghiệp chỉ có nhu cầu sử dụng loại thép không gỉ chất lượng vừa phải để làm đồ trang trí, cốc áo, nắp bút, phụ kiện... Như vậy, quy chuẩn kỹ thuật này làm tăng chi phí của các doanh nghiệp này một cách không cần thiết.

Mục tiêu thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm?

Trong nhiều trường hợp, việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật còn nhắm đến mục tiêu giúp bên mua và bên bán có cơ sở để đàm phán về chất lượng hàng hoá, từ đó thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm. Mục tiêu này được đặt ra đối với các loại sản phẩm, hàng hoá cần được tiêu thụ để giúp giảm tác động tiêu cực đến môi trường, xã hội.

Thúc đẩy tiêu thụ xi hạt lò cao để sản xuất xi măng?

Xi hạt lò cao là sản phẩm đầu ra của quá trình luyện thép và có thể sử dụng làm nguyên liệu đầu vào của quá trình sản xuất xi măng. Chỉ số hoạt tính cường độ của xi hạt lò cao là một trong những chỉ tiêu đánh giá chất lượng của sản phẩm này.

Các nhà máy xi măng luôn muốn mua xi hạt lò cao với chỉ số hoạt tính cao (trên 95%) để tối ưu chi phí. Tuy nhiên, nếu chỉ số hoạt tính cao như vậy thì chỉ có một số lượng ít xi hạt lò cao được các nhà máy xi măng tiêu thụ. Lượng xi dư của các nhà máy thép sẽ phải tiêu thụ theo các hình thức khác với giá trị thấp hơn hoặc phải thải bỏ tốn kém chi phí. Dưới góc độ quản lý, các cơ quan nhà nước sẽ muốn thúc đẩy tiêu thụ tối đa lượng xi nhằm tránh lãng phí và giảm tác động tiêu cực đến môi trường. Vì vậy, Bộ Xây dựng đã ban hành QCVN 16:2023/BXD Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng, trong đó, tại Số thứ tự 5, Bảng 1, quy định chỉ số hoạt tính cường độ trong 28 ngày của xi hạt lò cao dùng để sản xuất xi măng không nhỏ hơn 75%. Nói cách khác, xi lò cao chỉ cần có chỉ số hoạt tính 75% là được coi đạt chất lượng để đưa vào tiêu thụ trên thị trường. Điều này khiến các nhà máy sản xuất xi măng khó có cơ sở pháp lý để đàm phán với các nhà cung cấp xi có chỉ số hoạt tính cường độ nhỏ hơn 95%.

Tuy nhiên, các nhà máy sản xuất xi măng phản ứng bằng cách đưa ra tiêu chuẩn cơ sở về nguyên liệu hạt xi đầu vào với chỉ số hoạt tính 95%. Điều này khiến chi phí thử nghiệm chỉ tiêu bị đội lên gấp đôi, một lần phục vụ chứng nhận hợp quy, một lần phục vụ chứng nhận hợp chuẩn.

Ví dụ trên cho thấy, các cơ quan nhà nước có thể ban hành quy chuẩn kỹ thuật không chỉ nhằm hướng đến sự an toàn mà còn làm cơ sở để thúc đẩy đàm phán hợp đồng, giảm chi phí giao dịch. Nếu chỉ xét về mục tiêu an toàn, việc ban hành quy chuẩn đối với xi hạt lò cao dường như không cần thiết, vì bên mua là các doanh nghiệp sản xuất xi măng có đủ năng lực và hiểu biết để lựa chọn nguyên liệu đầu vào có chất lượng tốt. Họ phải chịu trách nhiệm về chất lượng của sản phẩm xi măng đầu ra cuối cùng nên sẽ không để nguyên liệu kém lọt vào quá trình sản xuất. Còn nếu xét về mục tiêu thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, việc ban hành quy chuẩn này dường như không hiệu quả khi thị trường tìm cách phản ứng lại sao cho tối ưu chi phí. Chính sách này lại gây chi phí xã hội không cần thiết của việc thử nghiệm hai lần cùng một chỉ tiêu. Thay vào đó, nếu hướng đến mục tiêu hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm thì Nhà nước nên sử dụng công cụ chính sách khác, như giảm thuế đối với sản phẩm xi măng sử dụng xi lò cao có chỉ số hoạt tính dưới 95%.

Có biện pháp quản lý khác tốt hơn

Cùng một mục tiêu chính sách là nhằm bảo đảm an toàn cho sản phẩm, hàng hoá, quy chuẩn kỹ thuật không phải là giải pháp chính sách duy nhất. Khi bàn về sự cần thiết của việc ban hành tiêu chuẩn và quy chuẩn, nhà làm luật nên cân nhắc khả năng áp dụng các giải pháp hiệu quả hơn.

Bảo đảm chất lượng thuốc thú y

QCVN 01-187:2018/BNNPTNT Thuốc thú y - Yêu cầu chung đi kèm với thủ tục chứng nhận hợp quy của mặt hàng này gây nhiều khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp. Để bảo đảm tính an toàn và hiệu quả của mỗi loại thuốc thú y, có nhiều giải pháp khác nhau như đăng ký lưu hành và quản lý quy trình sản xuất. Mặt hàng thuốc thú y đã được quản lý bằng hai biện pháp này và bảo đảm tính an toàn cũng như chất lượng của hàng hoá. Vì thế, việc phải chứng nhận hợp quy đối với thuốc thú y trong trường hợp này là không cần thiết.

Hộp
10

Tiêu chuẩn kỹ thuật là để phân loại, đánh giá

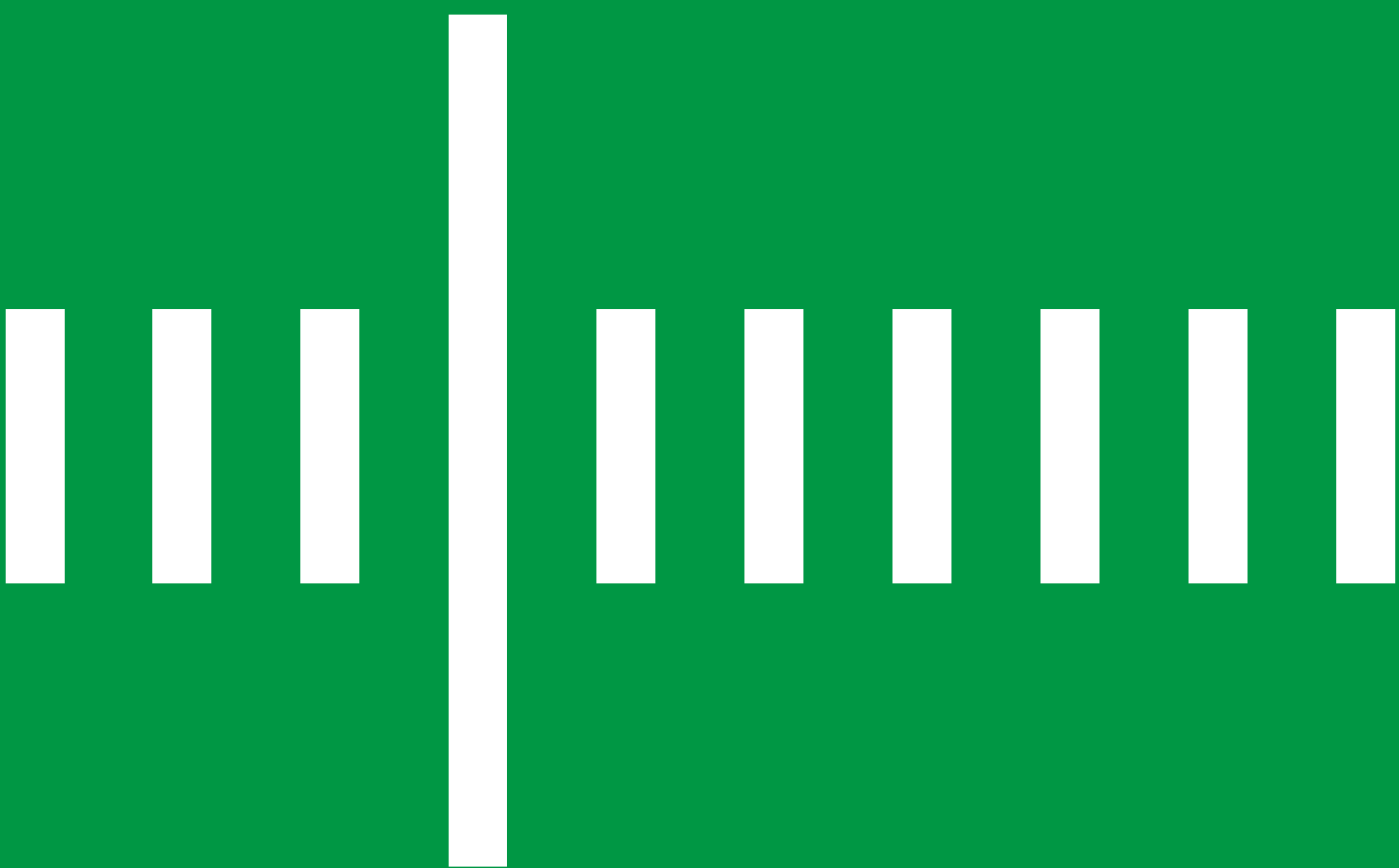
Tiêu chuẩn kỹ thuật là các quy định được đưa ra nhằm làm chuẩn để phân loại, đánh giá, từ đó nâng cao chất lượng và hiệu quả. Tiêu chuẩn là văn bản tự nguyện áp dụng, không bắt buộc như quy chuẩn. Thông thường, các tiêu chuẩn đối với sản phẩm, hàng hoá được ban hành với mục đích để gọi tên cho đúng, cho phép doanh nghiệp lựa chọn tuân thủ hoặc không. Vì thế, các doanh nghiệp ít nảy sinh vướng mắc khi áp dụng tiêu chuẩn. Tuy nhiên, các tiêu chuẩn có ảnh hưởng lớn đến cách doanh nghiệp đặt tên và mô tả sản phẩm, hàng hoá của mình. Do đó, trong một số trường hợp, nảy sinh nhiều tranh luận xoay quanh sự cần thiết của việc ban hành các tiêu chuẩn có ảnh hưởng đến tên gọi của sản phẩm, từ đó tác động đến sức cạnh tranh của các doanh nghiệp trên thị trường.

Phân loại nước mắm và nước chấm, nước mắm truyền thống và nước mắm công nghiệp

Trong quá trình soạn thảo các TCVN có liên quan đến nước mắm (gồm TCVN về nước mắm, TCVN về thực hành sản xuất nước mắm và TCVN về nước mắm truyền thống), vấn đề sự cần thiết ban hành là chủ đề thảo luận trọng tâm. TCVN 5107:2018 về Nước mắm được ban hành năm 2018 do nhiều doanh nghiệp kiến nghị cần có sự phân loại rõ ràng giữa nước mắm và các loại nước chấm khác để tránh người tiêu dùng hiểu nhầm. Tiêu chuẩn này tập trung quy định về thành phần hoá học của nước mắm. Sau đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục đưa ra Dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12607:2019 về Quy phạm thực hành sản xuất nước mắm năm 2019 và Tiêu chuẩn quốc gia về Nước mắm truyền thống năm 2024. Cả hai văn bản này tập trung vào quá trình sản xuất nước mắm. Trong đó, TCVN về nước mắm truyền thống được hiểu rằng sẽ có sự phân biệt giữa nước mắm truyền thống và nước mắm công nghiệp. Tuy nhiên, khá nhiều ý kiến trong quá trình soạn thảo đặt vấn đề về tính cần thiết của việc phân loại này. Đến cuối năm 2024, hai tiêu chuẩn này chưa được ban hành.



Tính hợp lý



Tính hợp lý của tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật là mức độ đạt được mục tiêu chính sách ban đầu với chi phí xã hội và tác động tiêu cực thấp nhất.

Các chỉ tiêu đánh giá trong quy chuẩn kỹ thuật

Các quy chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm, hàng hoá thường bao gồm nhiều chỉ tiêu đánh giá, trong đó có thể lẫn các chỉ tiêu nhằm bảo đảm an toàn và các chỉ tiêu không có mục đích này. Đây là một điểm tương đối khó khăn cho các bên liên quan và đặc biệt là các doanh nghiệp trong việc góp ý, thẩm định, đánh giá và phản ánh về các quy chuẩn kỹ thuật. Tình trạng trộn lẫn các chỉ tiêu bảo đảm an toàn và các chỉ tiêu khác trong các quy chuẩn kỹ thuật diễn ra khá phổ biến, xuất hiện ở nhiều loại sản phẩm, hàng hoá.

Thực tiễn này có lẽ xuất phát từ việc cắt khúc khi làm chính sách. Theo đó, việc đưa một loại hàng hoá vào danh mục hàng hóa nhóm 2 được thực hiện tách rời với việc đưa các chỉ tiêu đánh giá loại hàng hoá đó. Quá trình quyết định đưa hàng hoá vào danh mục hàng hóa nhóm 2 có xem xét đến nguy cơ mất an toàn của hàng hoá đó. Tuy nhiên, quá trình quyết định đưa chỉ tiêu nào vào thì ít xem xét đến yếu tố nguy cơ mất an toàn. Vì thế, các chỉ tiêu không hướng đến mục đích an toàn dễ dàng được đưa vào quy chuẩn kỹ thuật.

Hiệu năng của pin lithium

Hộp
12

Sản phẩm pin lithium dùng cho điện thoại di động, máy tính bảng, máy tính xách tay có bản chất hoạt động dựa trên phản ứng hoá học có thể sinh nhiệt, có nguy cơ gây mất an toàn cho sức khoẻ của con người nếu không kiểm soát tốt. Do đó, việc đưa các sản phẩm này vào danh mục hàng hóa nhóm 2 là cần thiết.

QCVN 101:2020/BTTTT Pin lithium cho thiết bị cầm tay đưa ra các chỉ tiêu đánh giá, được chia thành 2 nhóm là chỉ tiêu điện (tại Mục 2.4, 2.5) và chỉ tiêu an toàn (tại Mục 2.6). Trong đó, nhóm chỉ tiêu an toàn là nhằm bảo đảm an toàn cho người sử dụng. Riêng nhóm chỉ tiêu điện là không cần thiết vì không hề giúp giảm rủi ro cho sản phẩm. Chỉ tiêu điện (tương đương với tiêu chuẩn quốc tế IEC 61960-3) vốn dĩ được sử dụng để làm cơ sở cho nhà sản xuất pin để tùy chỉnh cấp độ chất lượng của sản phẩm tùy thuộc theo nhu cầu thị trường (ví dụ như dung lượng pin, khả năng sạc nhanh) và không phải tiêu chí về an toàn của sản phẩm. Đây là các chỉ tiêu giúp nâng cao chất lượng của sản phẩm, và nên được quy định theo hướng tự nguyện áp dụng.

Độ bền của giấy vệ sinh

Sản phẩm khăn giấy và giấy vệ sinh là loại hàng hoá được sử dụng tiếp xúc trực tiếp với con người, nên có nguy cơ gây mất an toàn cho sức khoẻ của con người nếu chúng còn tồn dư các loại hoá chất, vi sinh vật gây hại. Do đó, việc đưa các sản phẩm này vào danh mục hàng hóa nhóm 2 là cần thiết.

QCVN 09:2015/BCT Sản phẩm khăn giấy và giấy vệ sinh đưa ra nhiều chỉ tiêu đánh giá, được chia thành 3 nhóm là chỉ tiêu cơ lý, chỉ tiêu hoá học và chỉ tiêu vi sinh. Trong đó, hai nhóm chỉ tiêu hoá học và vi sinh là nhằm bảo đảm an toàn cho người sử dụng. Riêng nhóm chỉ tiêu cơ lý là không cần thiết vì không giúp giảm rủi ro cho sản phẩm khăn giấy và giấy vệ sinh. Thay vào đó, các chỉ tiêu cơ lý này chủ yếu nhằm đến việc nâng cao chất lượng sản phẩm (tính bền dai, tính thấm nước). Đây là các chỉ tiêu giúp nâng cao chất lượng của sản phẩm, và nên được quy định theo hướng tự nguyện áp dụng.

Một số chỉ tiêu nghiêm ngặt quá so với thực tiễn

Quy chuẩn kỹ thuật là những yêu cầu tối thiểu của pháp luật mà sản phẩm, hàng hóa phải đáp ứng để bảo vệ các lợi ích công cộng. Nếu các yêu cầu này quá thấp, lợi ích công cộng không được bảo đảm, tiềm ẩn nguy cơ gây hại cho con người, tài sản, môi trường. Ngược lại, nếu các yêu cầu này quá cao thường sẽ cản trở quá trình lưu thông hàng hoá, tác động tiêu cực đến kinh tế. Do đó, việc đưa ra ngưỡng giới hạn của mỗi chỉ tiêu đánh giá trong các quy chuẩn là bài toán đánh đổi giữa các lợi ích chính sách. Để làm được việc này, các cơ quan tham mưu cần sử dụng nhiều kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước, tham khảo kinh nghiệm quốc tế, đồng thời tính toán tác động đến các hoạt động kinh tế.

Ở Việt Nam, do nguồn kinh phí cho nghiên cứu còn hạn chế và đặc biệt là chưa thực hiện đầy đủ việc đánh giá tác động đến doanh nghiệp, nền kinh tế, nên trong nhiều trường hợp, các yêu cầu kỹ thuật được đưa ra chủ yếu dựa trên kinh nghiệm chủ quan của cán bộ quản lý hoặc sao chép từ tiêu chuẩn nước ngoài. Vì vậy, tình trạng một số chỉ tiêu quá cao hoặc quá thấp trong các quy chuẩn kỹ thuật vẫn xuất hiện. Khi gặp những tình trạng như vậy, các doanh nghiệp thường sẽ phản ánh, kiến nghị cơ quan nhà nước điều chỉnh cho phù hợp.

Độ ẩm phân vi sinh

Bảng 23, Phụ lục II của QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Chất lượng phân bón quy định độ ẩm của một số loại phân bón vi sinh không trên 30%. Chỉ tiêu này đặt ra một yêu cầu quá khắt khe đối với loại phân vốn có đặc tính giữ lại một lượng lớn nước tự nhiên. Mục đích của quy định này là để đảm bảo phân bón khô, được tính đúng giá bán theo cân cho nông dân. Tuy nhiên, một số doanh nghiệp kiến nghị nên nâng ngưỡng chỉ tiêu tối đa lên 40%-45% để phù hợp với đặc tính ẩm của phân vi sinh.

An toàn cháy nổ cho nhà và công trình

Hộp
15

QCVN 06:2022/BXD An toàn cháy cho nhà và công trình có tác động rất lớn đến các công trình xây dựng trên toàn bộ đất nước. Nếu các yêu cầu trong quy chuẩn này quá thấp sẽ làm tăng rủi ro cháy nổ, ảnh hưởng đến tính mạng, tài sản của người dân và doanh nghiệp. Ngược lại, nếu các yêu cầu này quá cao sẽ khiến chi phí xây dựng tăng cao, nhiều công trình sẽ giảm công năng sử dụng, gây thiệt hại kinh tế rất lớn.

Một trong những nội dung các doanh nghiệp phản ánh về QCVN 06:2022/BXD là quy định về bậc chịu lửa. Theo quy chuẩn được ban hành trước đó, các công trình xây dựng phải đáp ứng các bậc chịu lửa yêu cầu cao, từ bậc I đến bậc IV, tùy theo loại hình công trình, mức độ quan trọng, mức độ nguy hiểm. Việc đáp ứng các bậc chịu lửa yêu cầu cao gặp nhiều khó khăn, như: chi phí cao, thiết kế phức tạp, thi công khó khăn, vật liệu khó tìm, chất lượng khó đảm bảo, kiểm tra khó thực hiện, bảo trì khó duy trì, khó thích ứng với thay đổi, khó phù hợp với điều kiện khí hậu, khó thẩm mỹ, khó thân thiện với môi trường, v.v. Hiện nay, Bộ Xây dựng đã tiến hành sửa đổi QCVN 06:2022/BXD theo hướng tăng diện tích khoang cháy phải đáp ứng bậc chịu lửa đối với các công trình như nhà xưởng. Lý do vì các công trình này được kiểm tra các yếu tố phòng cháy chữa cháy khác tốt hơn, người lao động được huấn luyện đầy đủ, ít khi có người ngủ đêm trong công trình nên nguy cơ cháy nổ không cao và thiệt hại về người khá thấp. Nói cách khác, sửa đổi này cho phép giảm chi phí tuân thủ quy định về phòng cháy chữa cháy cho doanh nghiệp, phù hợp hơn với điều kiện của Việt Nam.

Hàm lượng melamine trong sữa

Hộp
16

Trước đây, các quy chuẩn kỹ thuật về sản phẩm sữa không có chỉ tiêu về melamine. Năm 2008, tại Trung Quốc xuất hiện sản phẩm sữa với lượng melamine rất cao, được nhà sản xuất cố tình đưa vào nhằm giảm chi phí sản xuất. Lượng melamine cao như vậy gây tác hại đến sức khỏe người dùng.

Chính phủ Việt Nam đã có phản ứng quyết liệt ban đầu, yêu cầu thu hồi và tiêu hủy tất cả sản phẩm có chứa chất melamine, kể cả những sản phẩm với hàm lượng melamine rất thấp⁷. Quyết định này tương đương với việc quy định bắt buộc ngưỡng chỉ tiêu melamine trong sữa bằng 0, đặt ra một yêu cầu không công bằng đối với các doanh nghiệp không cố ý sử dụng chất mà do thôi nhiễm từ bao bì, hộp đựng thực phẩm.

Cuối năm 2018, Bộ Y tế ban hành Quyết định số 38/2008/QĐ-BYT⁸, sửa đổi mức giới hạn tối đa của melamine trong thực phẩm thành 1,0 mg/kg cho thực phẩm dành cho trẻ em dưới 36 tháng tuổi và 2,5mg/kg cho các loại thực phẩm khác. Tuy nhiên, quyết định cấm tuyệt đối melamine ban đầu đã gây ra ách tắc lưu thông hàng hoá và các thiệt hại kinh tế nghiêm trọng đối với doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu sữa.

⁷ Theo công văn số 7652/VPCP-KGVX ngày 06 tháng 11 năm 2008 của Văn phòng Chính phủ về việc triển khai thực hiện các biện pháp xử lý đối với các sản phẩm sữa nhiễm Melamine.

⁸ Quyết định số 38/2008/QĐ-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Bộ Y tế về việc ban hành “Quy định mức giới hạn tối đa của melamine nhiễm chéo trong thực phẩm”.

Hàm lượng photpho ngành thủy sản trong QCVN nước thải

QCVN 11-MT:2015/BTNMT Nước thải chế biến thủy sản là một trong những ví dụ rõ nét về sự đánh đổi giữa các lợi ích. Nếu quy chuẩn này quá chặt chẽ, môi trường sẽ được bảo vệ tốt hơn, nhưng đổi lại thì các hoạt động sản xuất sẽ bị đình trệ. Nếu quy chuẩn quá thấp thì sẽ khiến tình trạng ô nhiễm môi trường kéo dài, gây tác động tiêu cực đến sức khỏe con người.

Trong quá trình soạn thảo quy chuẩn đối với nước thải công nghiệp, chỉ tiêu photpho đối với nước thải ngành thủy sản là một trong những nội dung có nhiều tranh luận. Năm 2011, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành QCVN 40:2011/BTNMT Nước thải công nghiệp, trong đó chỉ tiêu photpho là 4 mg/l cho cột A và 6 mg/l cho cột B. Năm 2015, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành QCVN 11-MT:2015/BTNMT, trong đó chỉ tiêu photpho là 10 mg/l và 20 mg/l. Theo các doanh nghiệp ngành thủy sản, mức này đã được coi là rất nghiêm ngặt.

Gần đây, Bộ Tài nguyên và Môi trường đưa ra Dự thảo QCVN về nước thải công nghiệp, thay thế QCVN 40:2011/BTNMT và nhập QCVN 11-MT:2015/BTNMT. Như vậy, các doanh nghiệp thủy sản sẽ phải tuân theo quy chuẩn chung với mức chỉ tiêu photpho thấp, thay vì áp dụng quy chuẩn riêng như hiện nay. Các doanh nghiệp cho rằng, chỉ tiêu như vậy là quá thấp và không khả thi bởi các công nghệ xử lý nước thải hiện nay không thể làm giảm photpho xuống thấp như vậy. Tuy nhiên, Bộ Tài nguyên và Môi trường cho rằng việc đưa ra quy chuẩn nghiêm ngặt như vậy là thực hiện quan điểm “không đánh đổi kinh tế lấy môi trường”.

Histamine trong nước mắm

Dự thảo TCVN 12607:2019 Quy phạm thực hành sản xuất nước mắm quy định hàm lượng histamine trong nước mắm phải dưới 400 ppm (tương đương 40 mg/100 gam nước mắm). Tuy nhiên, ngưỡng chỉ tiêu này được đánh giá là quá thấp so với đặc thù của phương pháp sản xuất nước mắm truyền thống Việt Nam, vốn sử dụng cá biển nguyên chất với hàm lượng đạm từ 20-40 độ, dẫn đến mức histamine trung bình dao động từ 800-1.000 ppm.

Song song đó, ngưỡng chỉ tiêu histamine dưới 400ppm cũng được quy định trong Tiêu chuẩn CODEX 302-2011 về nước mắm, do Ủy ban CODEX Việt Nam và Thái Lan đồng chủ trì biên soạn. Tuy nhiên, tại thời điểm soạn thảo, Ban soạn thảo Việt Nam chưa đánh giá đầy đủ tính tương thích của chỉ tiêu này với điều kiện sản xuất đặc thù của ngành nước mắm truyền thống, vốn là sản phẩm độc đáo chỉ riêng Việt Nam sở hữu. Tiêu chuẩn CODEX được các thành viên công nhận tự động và thường xuyên trở thành cơ sở cho các quy định chất lượng hàng hóa của nhiều quốc gia trên thế giới.

Do đó, nước mắm truyền thống Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn trong việc đáp ứng yêu cầu này, khiến sản phẩm gần như không thể xuất khẩu ra thị trường quốc tế, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến giá trị thương mại và uy tín của ngành.

Quy chuẩn 5G yêu cầu quá mức

Hộp
19

Thông tư số 02/2024/TT-BTTTT⁹ đặt ra yêu cầu thiết bị 5G phải đáp ứng đồng thời cả hai QCVN 127:2021/BTTTT Thiết bị đầu cuối mạng thông tin di động 5G độc lập - Phần truy nhập vô tuyến và QCVN 129:2021/BTTTT Thiết bị đầu cuối mạng thông tin di động 5G lai ghép - Phần truy nhập vô tuyến cho 2 kiến trúc mạng 5G độc lập và 5G lai ghép (hoạt động phải dựa trên mạng 4G).

Tuy nhiên, công nghệ 5G đã có nhiều bước tiến nâng cấp, công nghệ cũ được thay thế bởi công nghệ mới. Việc bắt buộc thiết bị phải hỗ trợ công nghệ lỗi thời (5G lai ghép) là quá mức, cản trở đổi mới sáng tạo, cần thiết phải loại bỏ.

Một số chỉ tiêu quá dễ đáp ứng, gây tổn kém chi phí kiểm tra

Nếu như các chỉ tiêu quá cao, quá nghiêm ngặt khiến doanh nghiệp phải tốn kém chi phí để đáp ứng thì các chỉ tiêu quá thấp cũng là vấn đề. Chỉ tiêu quá thấp đồng nghĩa với việc tất cả các loại hàng hoá trên thị trường dễ dàng đáp ứng, dù có hay không có chỉ tiêu đó trong quy chuẩn. Như vậy, chi phí thử nghiệm, chứng nhận sẽ bị lãng phí không cần thiết. Mặc dù các chỉ tiêu này có thể cần thiết để bảo đảm sản phẩm, hàng hoá không vượt quá ngưỡng an toàn, nhưng rủi ro vi phạm rất thấp và gần như bằng không, nên chi phí thử nghiệm, chứng nhận sẽ bị lãng phí. Trong những trường hợp như vậy, cần loại bỏ chỉ tiêu đó ra khỏi quy chuẩn.

Phóng xạ trong tro bay và xỉ lò cao

Hộp
20

Tro bay và xỉ lò cao là những phế phẩm thiết yếu được tái sử dụng làm vật liệu đầu vào trong sản xuất bê tông, vữa xây và xi măng. Tro bay là sản phẩm phụ của than đốt trong nhà máy nhiệt điện, còn xỉ lò cao đến từ quá trình luyện gang thép. Trên quan điểm kỹ thuật, các chỉ tiêu về hoạt độ phóng xạ đối với xỉ lò cao tại Số thứ tự 5 tại Bảng 1 và tro bay tại Số thứ tự 6 tại Phụ lục B trong QCVN 16:2023/BXD Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng là không cần thiết, vì các loại phế phẩm này thông thường không có mức độ phóng xạ cao, rủi ro gây hại không đáng kể. Theo thống kê của doanh nghiệp, kết quả thử nghiệm hầu như không bao giờ vượt quá chỉ tiêu được quy định. Trên thị trường Việt Nam chỉ có một vài đơn vị đủ năng lực và thiết bị thử nghiệm hoạt độ phóng xạ. Chi phí thử nghiệm không bị đội cao, trung bình chỉ ở mức vài triệu đồng cho mỗi lô hàng. Tuy nhiên đối với những doanh nghiệp có mô hình sản xuất, nhập khẩu số lượng nhỏ tùy theo nhu cầu thời điểm, tổng chi phí của tất cả lần thử nghiệm sẽ trở nên rất đắt đỏ. Vì vậy, kiến nghị loại bỏ chỉ tiêu này nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp, đồng thời vẫn đảm bảo an toàn xã hội.

⁹ Thông tư số 02/2024/TT-BTTTT ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông

Chỉ tiêu kim loại nặng trong thức ăn chăn nuôi

QCVN 01-190:2020/BNNPTNT Thức ăn chăn nuôi quy định hàm lượng tối đa các loại chất gây hại được phép tồn tại trong thức ăn chăn nuôi. Các chất thường gặp là kim loại nặng và một số loại vi sinh.

Trên thực tế, nguy cơ nhiễm kim loại nặng thường gặp tại các sản phẩm có nguồn gốc thủy sản và động vật phổ biến hơn so với các loại thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc từ thực vật như thóc gạo, lúa mì, ngô, đậu, bông, lạc, cò, cải, vừng, hướng dương, sắn, cỏ, cây... Qua quá trình áp dụng, cơ quan quản lý cũng nhận thấy các mẫu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc từ thực vật đều đạt khi kiểm tra các chỉ tiêu về kim loại nặng. Nếu tiếp tục phải kiểm tra thì sẽ gây lãng phí chi phí thử nghiệm mà không mang lại hiệu quả cần thiết.

Do đó, năm 2021, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã ban hành QCVN sửa đổi 1:2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT, bãi bỏ việc kiểm tra đối với các chỉ tiêu asen, cadimi, chì, thủy ngân. Điều này giúp giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.

Phép đo trùng lặp phép đo không cần thiết

Một vấn đề chúng tôi nhận được nhiều lượt ý kiến là tình trạng trùng lặp quá nhiều phép đo không cần thiết. Theo phản ánh của các doanh nghiệp, đây là các trường hợp mà các phép đo có bản chất tương tự nhau, hoàn toàn có thể sử dụng kết quả của phép đo trước cho sản phẩm sau, nhưng pháp luật vẫn yêu cầu phải lặp đi lặp lại các phép đo, gây tốn kém chi phí cho doanh nghiệp. Vấn đề này dường như xuất phát từ thực tiễn là các cơ quan soạn thảo không dự liệu chi phí thử nghiệm trong quá trình soạn thảo quy chuẩn.

Bắt buộc đo kiểm lại theo quy chuẩn Việt Nam dù sản phẩm đã đáp ứng đối với tiêu chuẩn quốc tế tương đương

Các quy chuẩn của Bộ Thông tin và Truyền thông đa phần sao chép từ tiêu chuẩn quốc tế (châu Âu). Mặc dù sản phẩm đã được đo kiểm và đáp ứng theo tiêu chuẩn quốc tế nhưng vẫn phải thực hiện lặp lại cùng các phép đo này nhưng theo quy chuẩn Việt Nam. Điển hình là các quy chuẩn về mạng 5G/4G; Wifi.

Các kết quả đo theo tiêu chuẩn quốc tế không được phép sử dụng. Điều này khiến cho chi phí tuân thủ tăng cao, thời gian thực hiện kéo dài. Hàng hoá dù đã đáp ứng theo tiêu chuẩn quốc tế và áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến (châu Âu, Hoa Kỳ) vẫn phải thực hiện lặp lại phép đo theo quy chuẩn của Việt Nam, dù nội dung hoàn toàn như nhau.

Lập lại phép đo đối với các kiểu dáng tivi

Một số doanh nghiệp sản xuất mặt hàng điện tử phản ánh tình trạng họ phải thực hiện các phép đo lặp đi lặp lại đối với các loại hàng hoá này. Theo đó, thông thường, khi sản xuất tivi và các loại mặt hàng điện tử, doanh nghiệp sẽ có nhiều dòng sản phẩm khá giống nhau, như có chung phần thiết bị chủ yếu, chỉ khác nhau về một số cấu hình gia tăng. Ví dụ, hai dòng sản phẩm tivi có chung thiết kế bộ vi mạch, chỉ khác nhau về kích thước màn hình. Khi đó, các phép đo đối với phần vi mạch của dòng sản phẩm này không được phép sử dụng cho dòng sản phẩm khác, dù hoàn toàn như nhau.

Dây cáp điện phải kiểm tra quá nhiều mẫu

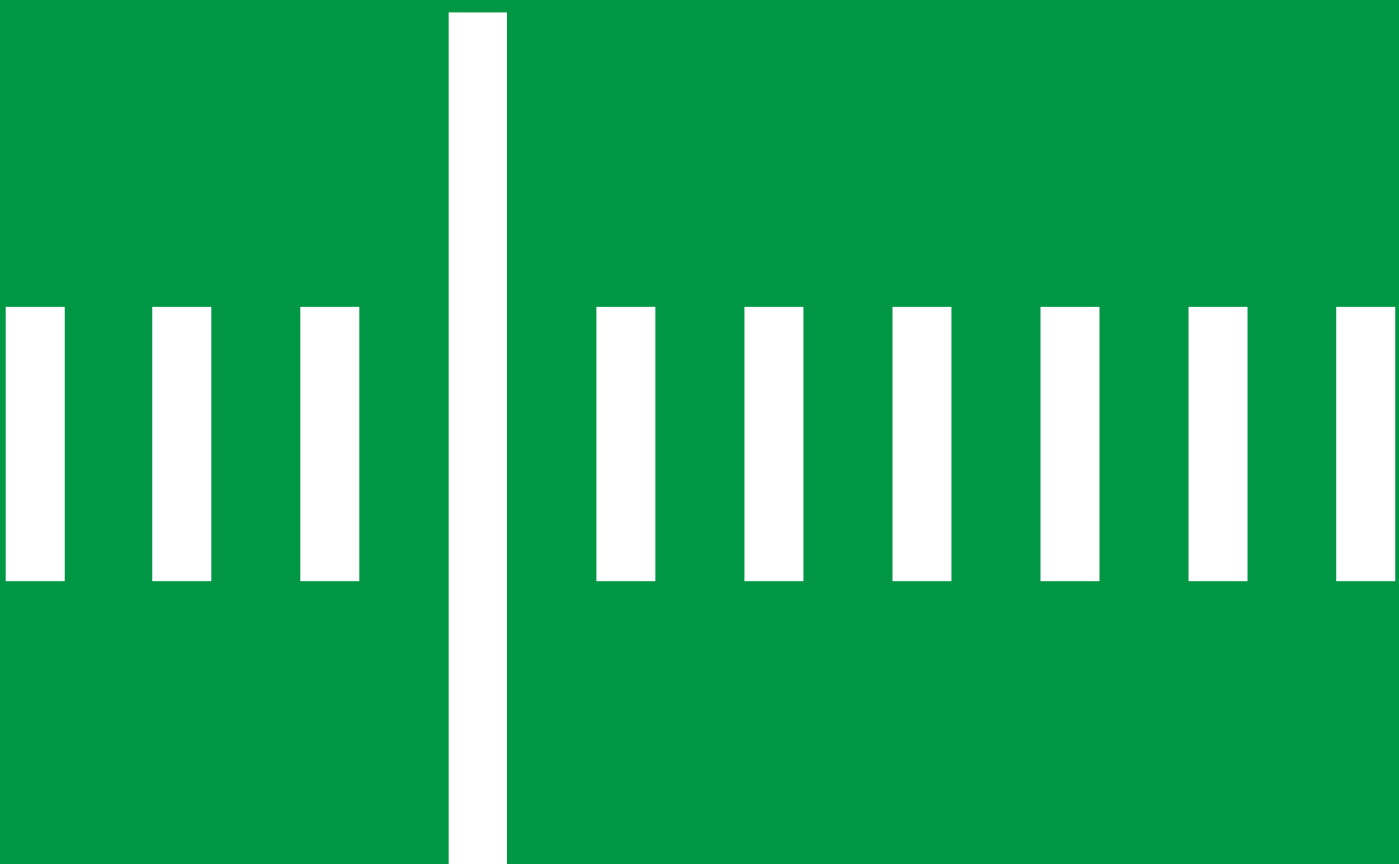
Theo Quyết định số 1989/QĐ-TĐC năm 2019¹⁰, mỗi kiểu loại (model) cáp điện có đặc điểm khác nhau về dài tiết diện, lớp cách điện, và các yếu tố khác phải được lấy mẫu riêng biệt để kiểm tra. Cách lấy mẫu này chỉ phù hợp với dây điện dân dụng có ít chủng loại, không yêu cầu phân loại kỹ thuật phức tạp. Đối với dây điện công nghiệp, ước tính có khoảng 22 dài tiết diện và đa dạng chất liệu vỏ như vỏ bọc PE, PC, chống cháy khói, giáp bảo vệ..., tổng số kiểu loại cần lấy mẫu có thể lên tới 600-700, thậm chí 800 đối với một số doanh nghiệp. Nếu sản xuất đủ số lượng này, toàn bộ nhà máy sẽ phải ngừng hoạt động trong nửa năm. Chưa kể đến phương thức sản xuất cáp điện công nghiệp phức tạp và công kênh. Cáp điện thường được làm rất dài và bọc nhiều lớp. Để sản xuất một đoạn cáp dài 6 mét, người ta phải làm trước 200 mét rồi sau đó cắt ra, vì không thể lắp ghép như cáp điện dân dụng. Vì vậy, chi phí sản xuất mẫu và thử nghiệm để có đủ 700-800 mẫu có thể lên tới con số khổng lồ, khoảng 700-800 triệu.

Các doanh nghiệp kiến nghị sửa đổi phương pháp lấy mẫu theo thông lệ quốc tế như ở Trung Quốc và Singapore. Ví dụ, chọn một mẫu nhỏ nhất và một mẫu lớn nhất trong cùng dài cáp có kết cấu tương tự. Việc giám sát định kỳ sẽ được thực hiện theo xác suất, lấy 01 tiết diện trong dài để đánh giá. Một cách khác là chia theo 02 nhóm vật liệu cách điện, mỗi kiểu loại lấy mẫu theo 03 nhóm dài tiết diện, gồm nhóm 1,5 - 50 mm², nhóm 50 - 150 mm², nhóm trên 150 mm². Phương pháp này sẽ giúp giảm đáng kể tổng số kiểu loại cần phải lấy mẫu.

¹⁰ Quyết định số 1989/QĐ-TĐC ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về việc ban hành Hướng dẫn chứng nhận thiết bị điện và điện tử phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN.



Tính thống nhất



Tính thống nhất đề cập đến việc nội dung của văn bản pháp luật phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước; không trái với các văn bản pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn; không chồng chéo, mâu thuẫn, trùng lặp với các văn bản khác; không trái với các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia. Các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, ngoài đáp ứng các tiêu chí trên, còn cần bảo đảm tính tương thích so với các tiêu chuẩn của thế giới nhằm giảm tạo sự thuận lợi cho quá trình áp dụng, giảm hiểu nhầm hoặc chi phí cho quá trình đánh giá sự phù hợp.

Trên thực tế, các doanh nghiệp ít khi phản ánh về tính thống nhất của tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, do đây là nội dung đòi hỏi chuyên môn sâu về hệ thống pháp luật. Vấn đề chỉ ảnh hưởng đến doanh nghiệp khi tính thống nhất không được bảo đảm dẫn đến khó khăn vướng mắc trong quá trình áp dụng của doanh nghiệp.

Quy chuẩn kỹ thuật chứa đựng điều kiện đầu tư kinh doanh

Điều 7 của Luật Đầu tư năm 2014 đã cấm việc ban hành điều kiện đầu tư kinh doanh tại văn bản cấp thông tư. Các quy chuẩn kỹ thuật hiện nay được ban hành dưới hình thức thông tư của Bộ quản lý. Nói cách khác, các quy chuẩn kỹ thuật không được phép chứa đựng các quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh. Điều kiện đầu tư kinh doanh, hay còn gọi là giấy phép con, là các điều kiện doanh nghiệp phải đáp ứng khi muốn thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong một ngành nghề lĩnh vực nào đó.

Điều 74 của Luật Đầu tư quy định các điều kiện đầu tư kinh doanh được ban hành ở cấp thông tư đã hết hiệu lực kể từ ngày 01/7/2016. Do đó, trong các năm 2016 và năm 2018, Chính phủ đã có các đợt rà soát, cắt giảm các điều kiện đầu tư kinh doanh trong các văn bản cấp thông tư và đưa lên cấp nghị định. Do đó, hiện nay hầu như không còn các quy định mang tính điều kiện đầu tư kinh doanh tại các quy chuẩn kỹ thuật. Tuy nhiên, trên thực tế qua rà soát, vẫn còn một số quy định như vậy.

Điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo nằm trong QCVN

Hộp
25

Hai QCVN 01-133:2013/BNNPTNT Kho chứa thóc và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-134: 2013/BNNPTNT Cơ sở xay, xát thóc gạo được sử dụng làm các điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực xuất khẩu gạo theo Nghị định số 107/2018/NĐ-CP¹¹. Các QCVN này được ban hành từ năm 2013, trước khi có Luật Đầu tư năm 2014. Các QCVN này thậm chí còn có nội dung về dung tích kho chứa, công suất máy xay xát. Đây là một rào cản gia nhập thị trường phân biệt đối xử về quy mô doanh nghiệp, không liên quan đến các yếu tố về an toàn hay lợi ích công cộng.

¹¹ Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo.

Sao chép máy móc tiêu chuẩn nước ngoài

Các QCVN của Việt Nam hiện nay chủ yếu được soạn thảo dựa trên việc tham khảo các tiêu chuẩn nước ngoài hoặc tiêu chuẩn quốc tế. Trong quá trình này, các cơ quan soạn thảo thường loại bỏ hoặc điều chỉnh các nội dung không phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, việc sao chép máy móc vẫn xảy ra.

Hộp
26

Chỉ tiêu thử nghiệm trong điều kiện băng giá, khắc nghiệt

Bộ Xây dựng từng soạn thảo và ban hành Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6415-12:2016 Gạch gốm ốp, lát - Xác định độ bền băng giá, trong đó hướng dẫn thử nghiệm độ bền của gạch ốp lát trong điều kiện băng giá. Tiêu chuẩn này được soạn thảo trên cơ sở tham khảo Tiêu chuẩn ISO 10545-12:1995 trên thế giới. Tuy nhiên, chỉ tiêu này dường như không cần thiết trong điều kiện khí hậu Việt Nam. Tại QCVN 16:2023/BXD Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng, Bộ Xây dựng không đưa ra chỉ tiêu về độ bền băng giá và cũng không viện dẫn phép thử tại TCVN 6415-12:2016.

Các QCVN thiết bị công nghệ thông tin thường yêu cầu đo kiểm sản phẩm trong điều kiện khắc nghiệt nhất để đảm bảo hoạt động bình thường trong các môi trường nhiệt cực cao và cực thấp. Các yêu cầu kỹ thuật này được Bộ Thông tin và Truyền thông phát triển dựa trên nền tảng các tiêu chuẩn ETSI EN của EU nhằm đảm bảo an toàn cho con người, đặc biệt quan trọng đối với các thiết bị thông tin liên lạc, GPS hoặc các thiết bị phục vụ tìm kiếm, cứu nạn hoặc an ninh quốc gia. Vì vậy, phần lớn QCVN của các thiết bị chuyên dụng hàng hải, thiết bị vô tuyến điện cự ly ngắn, thiết bị điện thoại vô tuyến MF và HF... tham khảo các ngưỡng nhiệt độ đo kiểm trong điều kiện cực đoan từ quy định Châu Âu. Các thông số đo kiểm tới hạn trong các tiêu chuẩn quốc tế này, tuy phù hợp với các nước có vùng lãnh thổ trải dài và biên nhiệt độ chênh lệch lớn, lại trở nên không phù hợp với môi trường khí hậu của Việt Nam. Trong khi Mỹ có biên nhiệt độ phổ biến ở dải -30°C tới 40°C hoặc Châu Âu có biên nhiệt độ ở nhiều nơi với mức -20°C tới 40°C, Việt Nam có điều kiện khí hậu ôn hòa với dải nhiệt độ môi trường tương đối ổn định và trung bình chỉ ở mức 10°C tới 40°C. Vì vậy, các điều kiện đo kiểm tới hạn thấp ở mức -20°C, thậm chí xuống -40°C và tới hạn cao ở +55°C là không cần thiết trong bối cảnh khí hậu Việt Nam.

Tiêu chuẩn có sự khác biệt nhỏ so với tiêu chuẩn của nước ngoài làm tăng chi phí đánh giá sự phù hợp

Trong một số trường hợp ngược lại, tiêu chuẩn của Việt Nam được xây dựng với một số sai khác rất nhỏ so với tiêu chuẩn nước ngoài cũng có thể gây ra vấn đề bất cập. Các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật nên được xây dựng theo hướng tương đồng với các tiêu chuẩn của quốc tế nhằm tạo sự thuận lợi cho hoạt động thương mại. Tuy nhiên, có doanh nghiệp phản ánh tình trạng tiêu chuẩn của Việt Nam được xây dựng với nội dung khác biệt nhỏ so với tiêu chuẩn nước ngoài, khiến cho mặt hàng này phải thực hiện lại thủ tục đánh giá sự phù hợp gây tốn kém không cần thiết.

Các tiêu chuẩn thép xây dựng

Một số doanh nghiệp phản ánh với VCCI tình trạng các TCVN 1651-1:2018 Thép cốt bê tông - Phần 1: Thép thanh tròn trơn và TCVN 1651-2:2008 Thép cốt bê tông - Phần 2: Thép thanh vằn có sự khác biệt rất nhỏ so với một số tiêu chuẩn khác trên thế giới về các chỉ tiêu như giới hạn chảy, giới hạn bền, độ giãn dài sau khi đứt. Sự khác biệt này không đáng kể và không ảnh hưởng đến chất lượng thép sử dụng cho các công trình. Tuy nhiên, sự khác biệt này khiến cho các tiêu chuẩn của nước ngoài không được sử dụng tại Việt Nam và các sản phẩm thường sẽ phải thực hiện lại thủ tục hợp chuẩn.

Hộp
27

Chống chéo giữa các bộ, ngành về quản lý sản phẩm hàng hoá

Tình trạng một loại hàng hoá do hai bộ, ngành khác nhau quản lý diễn ra khá phổ biến trước đây. Năm 2018, trong đợt cắt giảm, đơn giản hoá các quy định về đầu tư kinh doanh của Chính phủ, tình trạng này đã được giải quyết tương đối triệt để. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn một số trường hợp chống chéo gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Hộp
28

Sản phẩm sơn do hai bộ quản lý

Tình trạng một sản phẩm được chia thành nhiều hạng mục con, trong đó mỗi hạng mục con thuộc sự quản lý của các bộ khác nhau, gây ra sự chống chéo trong quản lý và khó khăn cho doanh nghiệp trong việc tuân thủ quy định. Đơn cử, mặt hàng sơn được chia ra thành sơn làm từ polyme thuộc sự quản lý của Bộ Công Thương theo QCVN 08:2020/BCT Giới hạn hàm lượng chì trong sơn và sơn tường dạng nhũ tương thuộc sự quản lý của Bộ Xây dựng theo QCVN 16:2023/BXD Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng. Điều gây khó khăn là mã số HS của hai loại sơn (sơn tường dạng nhũ tương và sơn làm từ các loại polyme tổng hợp hoặc các polyme tự nhiên đã biến đổi về mặt hóa học, phân tán hoặc hòa tan trong môi trường nước) đều là 3209.10.90. Mã số HS trùng lặp gây vướng mắc trong quá trình hợp quy để thông quan hàng hoá.

Hộp
29

Chứng nhận hợp quy và dán nhãn năng lượng

Hiện tại, đối với một nhóm sản phẩm các thiết bị điện, doanh nghiệp đang phải thực hiện hai thủ tục chứng nhận hợp quy, một là dán nhãn năng lượng dưới sự quản lý của Bộ Công Thương, hai là chứng nhận an toàn tương thích điện từ bởi Bộ Khoa học và Công nghệ. Qua rà soát hệ thống QCVN, các nhóm sản phẩm này trải dài từ đèn LED, máy giặt tới tủ lạnh, điều hoà không khí... Doanh nghiệp nhập khẩu và sản xuất các mặt hàng này phải tốn phí thực hiện thủ tục chứng nhận, công bố hợp quy hai lần theo quy định riêng của mỗi bộ quản lý. Nếu hai thủ tục này được hợp nhất dưới một đầu mối quản lý, doanh nghiệp chỉ cần thực hiện chứng nhận hợp quy một lần, giúp giảm đáng kể gánh nặng chi phí và thời gian khi lưu thông hàng hoá.

Không thống nhất về biện pháp quản lý

Hệ thống pháp luật về vệ sinh dịch tễ đang bị phân mảnh với hai hình thức quản lý song song, bằng quy chuẩn kỹ thuật và bằng các văn bản quy phạm pháp luật. Dù rằng mục đích và nội dung của hai hình thức văn bản này có nhiều trùng lặp và đều mang tính bắt buộc. Đối với các quy chuẩn kỹ thuật, doanh nghiệp phải làm thủ tục hợp quy. Còn đối với các văn bản quy phạm pháp luật khác, doanh nghiệp được quản lý bằng hình thức thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước.

Quản lý chất cấm, chất ô nhiễm trong thực phẩm, thức ăn chăn nuôi

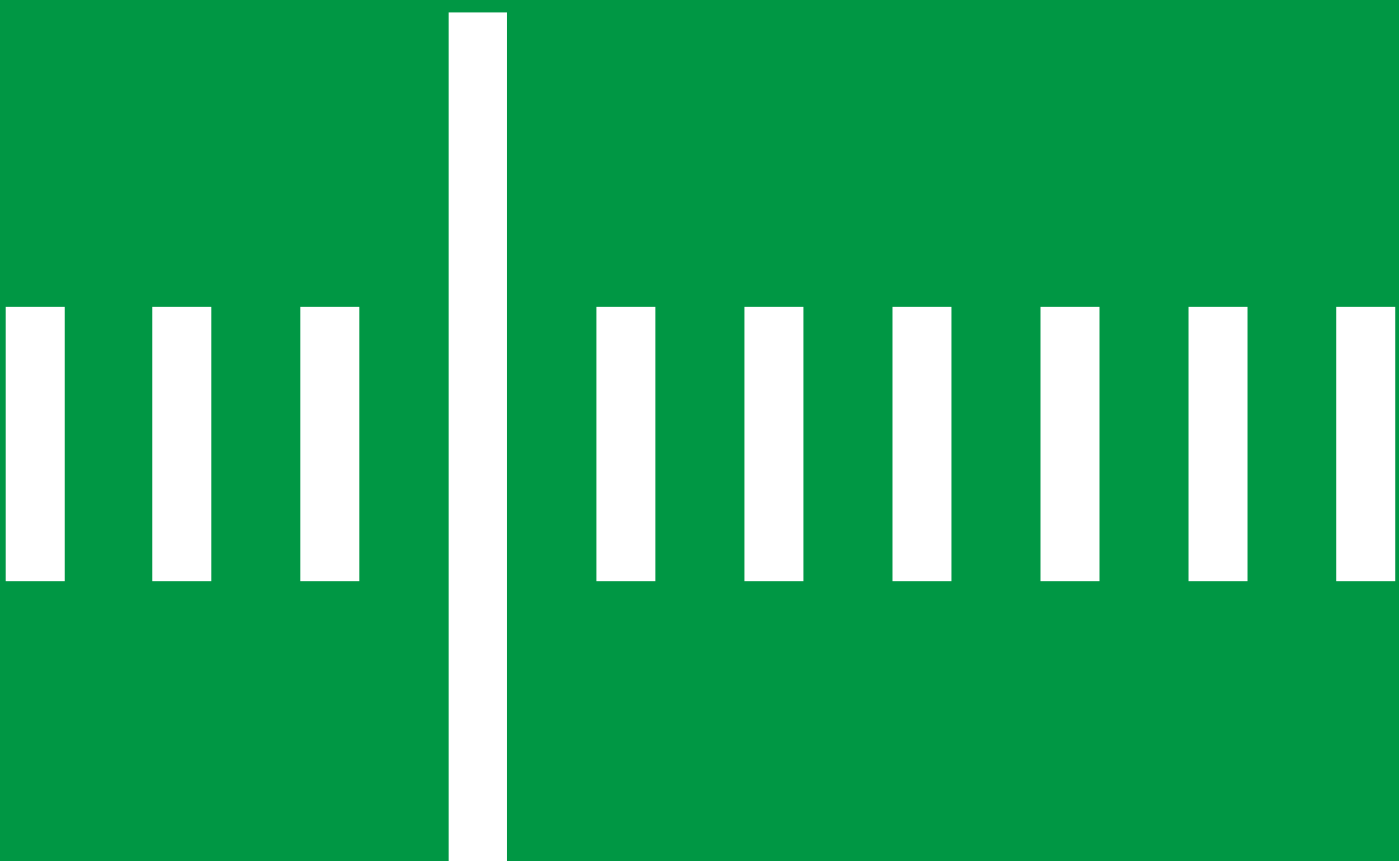
Các chất ô nhiễm sinh học và hoá học đang được Bộ Y tế giới hạn chỉ tiêu ở QCVN 8-1:2011/BYT Giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm; QCVN 8-2:2011/BYT Giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm; QCVN 8-3:2012/BYT Ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm, đồng thời trong Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT¹² của Bộ Y tế. Trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, các doanh nghiệp đang phải đáp ứng chỉ tiêu giới hạn tại các QCVN trên, và kiểm soát các loại hóa chất cấm (như kháng sinh, chất kích thích sinh trưởng, chất tạo màu...) trong Thông tư số 21/2019/TT-BNNPTNT¹³.

Hộp
30

¹² Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ Y tế về việc ban hành "Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hoá học trong thực phẩm".

¹³ Thông tư số 21/2019/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về thức ăn chăn nuôi.

Tính khả thi



Tính khả thi đề cập đến các điều kiện cần thiết để thi hành được chính sách đã đề ra trong văn bản pháp luật. Đối với các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, tính khả thi phụ thuộc nhiều vào đối tượng điều chỉnh của tiêu chuẩn và quy chuẩn đó. Ví dụ, quy chuẩn kỹ thuật về nước thải sẽ được áp dụng khác với quy chuẩn kỹ thuật về sản phẩm, hàng hoá. Mặc dù vậy, một trong những điều kiện để thi hành các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật là phải có hoạt động chứng nhận sự phù hợp đủ năng lực.

Không có hoặc không đủ đơn vị đánh giá sự phù hợp

Theo quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Luật Chất lượng sản phẩm hàng hoá, việc ban hành QCVN và việc chỉ định đơn vị đánh giá sự phù hợp được thực hiện độc lập và tương đối tách biệt. Trong giai đoạn xây dựng QCVN, chưa có quy định bắt buộc phải thuyết minh hay thẩm định về năng lực của các đơn vị đánh giá sự phù hợp. Điều này dẫn đến nguy cơ các quy chuẩn được ban hành nhưng không có đơn vị đánh giá sự phù hợp có khả năng làm thủ tục hợp quy. Đây là một rủi ro rất lớn vì có thể làm ách tắc toàn bộ việc cung ứng loại sản phẩm, hàng hoá thuộc diện phải áp dụng quy chuẩn.

Kể cả trường hợp có đơn vị đánh giá sự phù hợp, nhưng nếu số lượng quá ít hoặc không đủ công suất thì cũng có thể khiến hàng hoá bị ách tắc hoặc dẫn đến tình trạng độc quyền trong cung cấp dịch vụ, gây cản trở cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Không chỉ định đơn vị hợp quy keo dán gỗ

Phiên bản QCVN 03-01:2018/BNNTNT Keo dán gỗ năm 2018 yêu cầu kết quả chứng nhận hợp quy phải được cấp bởi tổ chức đánh giá sự phù hợp được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định. Tuy nhiên, không tổ chức nào được chỉ định sau khi QCVN có hiệu lực thi hành, gây ách tắc lưu thông hàng hoá nhập khẩu tại cảng. Bộ đã phải chỉ định gấp 03 tổ chức ngay trong ngày và loại bỏ yêu cầu này tại phiên bản sửa đổi 2022, công nhận kết quả chứng nhận hợp quy bởi các tổ chức thực hiện đăng ký hoạt động chứng nhận theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP¹⁴.

Hộp
31

¹⁴ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp.

Không có đơn vị đủ năng lực thử nghiệm công nghệ 5G

Hai QCVN 127:2021/BTTTT về Thiết bị đầu cuối mạng thông tin di động 5G độc lập - Phần truy nhập vô tuyến và QCVN 129:2021/BTTTT về Thiết bị đầu cuối mạng thông tin di động 5G lai ghép - Phần truy nhập vô tuyến áp dụng cho công nghệ 5G chủ yếu tại các thiết bị đầu cuối như điện thoại di động. Vào thời điểm các QCVN này được ban hành và có hiệu lực, Việt Nam không có phòng thử nghiệm nào có thể cung cấp dịch vụ cho tất cả các chỉ tiêu của 02 QCVN này. Bộ Thông tin và Truyền thông sau đó đã có văn bản cho phép miễn một số chỉ tiêu thử nghiệm tại hai QCVN này mà Việt Nam chưa có nhà cung cấp dịch vụ. Tuy nhiên, đến năm 2023, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư số 04/2023/BTTTT¹⁵ yêu cầu phải thực hiện tất cả các chỉ tiêu với thời hạn có hiệu lực là 45 ngày. Điều này gây tác động rất lớn đến chuỗi cung ứng điện thoại di động tại Việt Nam vào thời điểm đó do không có đơn vị đánh giá sự phù hợp có thể đáp ứng.

Bộ Thông tin và Truyền thông sau đó đã phải gấp rút đơn phương công nhận phòng thử nghiệm tại nước ngoài để giúp giải phóng hàng hoá cho doanh nghiệp. Bộ cũng làm việc với các đơn vị thử nghiệm trong nước để nhanh chóng chỉ định được đơn vị đánh giá sự phù hợp. Theo phản ánh của một số doanh nghiệp, chi phí đầu tư máy móc thử nghiệm đáp ứng yêu cầu lên đến hàng chục tỷ đồng. Do số lượng đơn vị được chỉ định ít nên chi phí thử nghiệm cho mỗi model hiện rất cao.

¹⁵ Thông tư 04/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Theo ý kiến phản ánh của nhiều doanh nghiệp, tình trạng thiếu năng lực thử nghiệm trong nước diễn ra khá phổ biến đối với các sản phẩm công nghệ thông tin và viễn thông thuộc sự quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông. Trong bối cảnh đó, Bộ trưởng đã ban hành Thông tư số 10/2023/TT-BTTTT¹⁶ và Thông tư 02/2024/TT-BTTTT¹⁷ nhằm ngưng hiệu lực thi hành của một phần hoặc toàn bộ quy chuẩn đối với các thiết bị 5G, WiFi, NFC, sạc không dây, v.v như QCVN 117:2020/BTTTT Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất - Phần truy nhập vô tuyến; QCVN 53:2017/BTTTT Thiết bị vi ba số điểm-Điểm; QCVN 55:2023/BTTTT Về thiết bị vô tuyến cự ly ngắn dải tần từ 9 kHz đến 25 MHz và thiết bị vòng từ hoạt động trong dải tần từ 9 kHz đến 30 MHz TTT. Việc tạm hoãn hiệu lực này được giải thích là nhằm đợi các phòng thử nghiệm trong nước nâng cấp năng lực trước khi có thể áp dụng đầy đủ. Nếu điều này được tiên liệu và đưa ra lộ trình áp dụng ngay từ khi ban hành quy chuẩn lần đầu thì khó khăn vướng mắc đã không xảy ra.

Thiếu đơn vị thử nghiệm thuốc thú y

Hộp

33

QCVN 01-187:2018/BNNPTNT Thuốc thú y - Yêu cầu chung yêu cầu phải thử nghiệm đối với mặt hàng thuốc thú y. Hiện chỉ có ba đơn vị đủ năng lực thử nghiệm trên toàn quốc và đều là các đơn vị công lập. Cụ thể là Trung Tâm Kiểm Nghiệm Thuốc Thú Y Trung Ương I, Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc Thú y Trung ương II trực thuộc Cục Thú y, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia trực thuộc Bộ Y tế. Việc có quá ít đơn vị cung cấp dịch vụ khiến các doanh nghiệp sản xuất thuốc thú y phải mất nhiều thời gian để làm thủ tục và chi phí cao.

Không đủ năng lực thử nghiệm máy phát điện xoay chiều sử dụng động cơ đốt trong pittong

Hộp

34

Một số doanh nghiệp phản ánh tình trạng chỉ tiêu trong các TCVN về máy phát điện xoay chiều sử dụng động cơ đốt trong pittong như TCVN 9729-1:2013 ISO 8528-1:2005 Tổ máy phát điện xoay chiều dẫn động bởi động cơ đốt trong kiểu pit tông-Phần 1: Ứng dụng, công suất danh định và tính năng; TCVN 9729-2:2013 ISO 8528-2:2005 Tổ máy phát điện xoay chiều dẫn động bởi động cơ đốt trong kiểu pit tông-Phần 2: Động cơ;...không thể tiến hành thử nghiệm trong nước do hạn chế về năng lực thử nghiệm. Tuy nhiên, việc gửi thiết bị ra phòng thử nghiệm nước ngoài cũng gặp khó khăn vì thiết bị có trọng lượng lên tới vài tấn.

¹⁶ Thông tư số 10/2023/TT-BTTTT ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ngưng hiệu lực áp dụng quy định thi hành một phần/toàn bộ của một số quy chuẩn kỹ thuật tại Thông tư số 04/2023/TT-BTTTT ngày 31/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

¹⁷ Thông tư số 02/2024/TT-BTTTT ngày 29 tháng 03 năm 2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Phương pháp thử bó buộc, lạc hậu hoặc quá tốn kém

Phương pháp thử nghiệm rất quan trọng vì là cơ sở thực hiện các thủ tục hợp chuẩn, hợp quy. Các phương pháp thử nghiệm này thường được ban hành dưới dạng tiêu chuẩn và được dẫn chiếu trong quy chuẩn kỹ thuật để các bên liên quan áp dụng. Tuy nhiên, một số doanh nghiệp phản ánh tình trạng các quy định về phép đo kiểm này bó buộc và lạc hậu so với sự thay đổi của xã hội.

Hộp
35

Thử nghiệm ra đa

Thiết bị ra đa hiện nay phải đáp ứng một số quy chuẩn kỹ thuật như QCVN 119:2019/BTTTT Tương thích điện từ đối với thiết bị thông tin vô tuyến và dẫn đường hàng hải, QCVN 47:2015/BTTTT Phổ tần số và bức xạ vô tuyến điện áp dụng cho các thiết bị thu phát vô tuyến điện... Đây là các thiết bị có kích thước và công suất lớn, nên việc thử nghiệm gặp nhiều khó khăn. Nếu yêu cầu phải được đo kiểm trong môi trường chuẩn của phòng thí nghiệm thì không khả thi và gây tác động tiêu cực cho sức khỏe của người thực hiện phép đo. Có ý kiến cho rằng nên cho phép thử nghiệm các thiết bị này tại môi trường ngoài trời hoặc trên tàu biển để bảo đảm tính khả thi.

Hộp
36

Thử nghiệm vật liệu xây dựng

Phương pháp thử nghiệm chỉ tiêu ứng suất bề mặt kính của loại kính phẳng tối nhiệt trong QCVN 16:2023/BXD Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng được viện dẫn từ Số thứ tự 3 tại Phụ lục L của Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 8261:2009 Kính xây dựng-Phương pháp thử-Xác định ứng suất bề mặt và ứng suất cạnh của kính bằng phương pháp quang đàn hồi không phá hủy sản phẩm. Đây là một trong số các văn bản do Bộ Xây dựng tự soạn thảo. Các doanh nghiệp phản ánh rằng phương pháp thử nghiệm của QCVN này đóng khung cứng nhắc, chưa cho phép sự linh hoạt điều chỉnh nếu công nghệ thử nghiệm thay đổi. Theo TCVN 8261:2009, từng bước thử nghiệm được mô tả chi tiết, bao gồm cố định các mẫu mã thiết bị được phép sử dụng. Trong trường hợp xuất hiện các mẫu thiết bị thử nghiệm tân tiến, hiện đại hơn hoặc khi các loại thiết bị cũ nêu trong TCVN 8261:2009 không còn được sản xuất, doanh nghiệp không có đủ tính linh hoạt để điều chỉnh các quy trình thử nghiệm theo yêu cầu thực tế.

Thử nghiệm từ tính hàng không

Hộp
37

Dựa trên khuyến cáo trong Cuốn cẩm nang vận chuyển Hàng hóa nguy hiểm của Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA Dangerous Goods Regulations Manual), các hãng hàng không yêu cầu thử nghiệm từ tính các sản phẩm nguy hiểm như pin lithium và dán nhãn, đóng gói tuân thủ theo tiêu chuẩn IATA để đảm bảo an toàn vận chuyển. Trong khi các phòng thí nghiệm đã sử dụng thiết bị hiệu chuẩn hiện đại để thử nghiệm từ tính với độ chính xác cao, các cơ quan chức năng và các hãng tiếp tục yêu cầu thử nghiệm bằng la bàn, là một phương pháp thử nghiệm lỗi thời với độ chính xác thấp. Đặc biệt, nếu dùng la bàn, điều kiện thử nghiệm phải đảm bảo khử hoàn toàn tiếng ồn và điện trong vòng 100 mét. Yêu cầu này quá cồng kềnh và khó thực hiện nhưng lại không đảm bảo độ chính xác.

Thử nghiệm khoá vòi phun

Hộp
38

Phương pháp thử khoá vòi phun tại Phụ lục 7 trong QCVN 01-182:2015/BNNPTNT Bơm phun thuốc trừ sâu đeo vai yêu cầu tổng số chu kỳ thử là 25.000. Nếu thực hiện, phòng thí nghiệm sẽ phải bơm thủ công khoá vòi phun 25 ngàn lần bằng tay. Phương pháp thử nghiệm vừa lỗi thời vừa tốn thời gian và khó giám sát thực hiện.

Thời hạn áp dụng, lộ trình và quy định chuyển tiếp

Thời hạn phải áp dụng quy chuẩn kỹ thuật mới cũng là một yếu tố rất quan trọng đối với các doanh nghiệp. Theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày ban hành. Tuy nhiên, cần phải hiểu rất rõ đây là yêu cầu tối thiểu, tùy từng vấn đề cụ thể, cơ quan ban hành QCVN có thể xác định thời hạn có hiệu lực dài hơn để tăng tính khả thi của quy định. Mặc dù vậy, khá nhiều cơ quan mặc định luôn thời hạn có hiệu lực của thông tư là 45 ngày mà ít xem xét đến vấn đề kéo dài thời hạn cho phù hợp với thực tiễn.

Nhiều trường hợp doanh nghiệp phản ánh thời hạn áp dụng QCVN mới trong vòng 45 ngày là quá ngắn để doanh nghiệp có thể đáp ứng. Điều này có thể gây cản trở rất lớn đến chuỗi cung ứng và làm giảm khả năng dự báo của môi trường đầu tư kinh doanh.

Hộp
39

Thay đổi quy chuẩn vật liệu xây dựng

Mỗi lần sửa đổi các bản quy chuẩn kỹ thuật về sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng, danh mục các sản phẩm gạch, đá ốp lát có sự thay đổi khá lớn. Trong QCVN 16:2014/BXD Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng, có 6 loại sản phẩm gạch, đá ốp lát phải được kiểm tra chất lượng. QCVN 16:2017/BXD Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng thay thế phiên bản năm 2014 đã loại bỏ 3 loại gạch gốm ốp lát ra khỏi danh sách kiểm tra chất lượng, gồm gạch ngoại thất Mosaic, gạch terrazzo và đá ốp lát nhân tạo trên cơ sở chất kết dính hữu cơ. Tới phiên bản năm 2019, chỉ tiêu chất lượng cho đá ốp lát nhân tạo trên cơ sở chất kết dính hữu cơ lại được đưa vào danh mục kiểm tra. Doanh nghiệp phản ánh rằng cơ sở không rõ ràng cho những thay đổi này khiến họ rất khó tuân thủ. Trong nhiều trường hợp, do không có sự phổ biến và thông báo đầy đủ, doanh nghiệp sẽ không để ý phải chuyển sang hợp chuẩn, hợp quy theo quy định mới.

QCVN 16:2023/BXD năm 2013 thay thế phiên bản năm 2019 có hiệu lực trong một khoảng thời gian rất ngắn, chỉ 06 tháng sau khi ban hành. Điều khoản chuyển tiếp trong QCVN 16:2023/BXD cho phép doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu vật liệu xây dựng được tiếp tục sử dụng giấy chứng nhận hợp quy và dấu hợp quy phù hợp với phiên bản năm 2019 cho đến hết hiệu lực. Tuy nhiên, điều này chỉ áp dụng với các sản phẩm có bao bì đang được lưu hành, mà không áp dụng với bao bì tồn dư. Trong khi đó, một số doanh nghiệp có mô hình kinh doanh yêu cầu phải dự tính và đặt trước số lượng bao bì cho cả năm, trên đó có in trước dấu hợp quy đang hiện hành. Trong trường hợp này, QCVN 16:2023/BXD có hiệu lực vào 01/01/2024, thay đổi cả dấu hợp quy, bắt buộc doanh nghiệp phải hủy bỏ toàn bộ bao bì tồn dư đặt trước cho năm 2024 và chuyển sang dùng bao bì mới. Một số doanh nghiệp ước tính đã phải hủy bỏ 3-4 triệu tấn bao bì trữ trong nhà máy, thiệt hại lên đến 7 tỷ đồng. Cơ quan quản lý tại Tp. Hồ Chí Minh đã ban hành hướng dẫn cho phép sử dụng song song 2 loại bao bì, bao gồm bao bì tồn dư cho đến hết hiệu lực, nhưng doanh nghiệp sẽ gặp phải rủi ro bị xử phạt bất cứ lúc nào nếu chỉ đạo này không được phổ biến rộng rãi.

Các quy chuẩn về an toàn điện và thu phát vô tuyến thiết bị điện tử

Hộp
40

Các sản phẩm máy in, máy tính xách tay, máy tính bàn và màn hình phải chứng nhận hợp quy theo nhiều QCVN thành phần cho các tiêu chí về an toàn điện và thu phát vô tuyến do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành. Mặc dù giấy chứng nhận hợp quy thường có hiệu lực ba năm nhưng các QCVN này được sửa đổi thường xuyên, khi đó, bắt buộc các sản phẩm phải thay đổi giấy chứng nhận hợp quy theo chỉ tiêu thử nghiệm mới nhất. Hầu hết các QCVN về thu phát vô tuyến đều gặp phải tình trạng phổ biến này. Các quy chuẩn này thường có thời hạn áp dụng ngắn, không có lộ trình hoặc quy định chuyển tiếp phù hợp. Mỗi khi có sửa đổi quy chuẩn kỹ thuật, doanh nghiệp phải làm rất nhiều thủ tục như đo kiểm, chứng nhận lại cho toàn bộ quy chuẩn áp dụng của sản phẩm (kể cả với quy chuẩn không có sự thay đổi) trong một khoảng thời gian ngắn. Nếu không thực hiện kịp sẽ gây ra tình trạng tồn kho, ách tắc lưu thông hàng hóa nghiêm trọng.

Với những lý do trên, khoảng chuyển tiếp giữa QCVN mới và cũ nên diễn ra tối thiểu 12 tháng, trong thời gian đó, các doanh nghiệp được quyền lựa chọn áp dụng QCVN cũ hoặc mới; đồng thời cho phép giấy chứng nhận hợp quy còn hiệu lực tiếp tục được sử dụng. Một ví dụ tích cực là lộ trình áp dụng của QCVN 65:2021/BTTTT về Thiết bị truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz. Bộ Thông tin và Truyền thông đã cho phép thời hạn chuyển tiếp trong 01 năm với quyền lựa chọn áp dụng phiên bản quy chuẩn năm 2013 hoặc phiên bản năm 2021.

Việc thay đổi các quy chuẩn kỹ thuật quá nhanh không chỉ gây thiệt hại cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh mặt hàng đó, mà còn ảnh hưởng đến các bên cung cấp dịch vụ thử nghiệm. Nhiều trường hợp thay đổi quy chuẩn khiến cho các khoản đầu tư máy móc, thiết bị để cung cấp dịch vụ thử nghiệm bị lãng phí. Chính sự rủi ro này khiến các đơn vị thử nghiệm không mặn mà đầu tư máy móc mới dù thị trường có nhu cầu, do lo ngại quy định có thể thay đổi trước khi kịp thu hồi vốn.

Thay đổi chỉ tiêu sản phẩm thép ảnh hưởng đến bên cung cấp dịch vụ

Hộp
41

Các QCVN đối với thép nhập khẩu đã được thay đổi tổng cộng 04 lần kể từ Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BCT-BKHCN¹⁸ được sửa đổi bởi Quyết định 2711/QĐ-BKHCN¹⁹ năm 2022. Mỗi lần thay đổi chỉ tiêu, các đơn vị thử nghiệm phải đầu tư máy thử nghiệm mới, trong khi đó máy thử nghiệm cũ mua với giá trung bình 600 triệu đồng đến 1 tỷ đồng bị bỏ phí hoàn toàn. Điều này xảy ra vì các máy thử nghiệm được thiết kế để tương thích chính xác với các con số trong chỉ tiêu kỹ thuật. Chỉ cần có sự thay đổi nhỏ, chẳng hạn như tăng hoặc giảm 0,001 đơn vị trong chỉ tiêu, máy móc cũ sẽ không còn phù hợp và không thể sử dụng được nữa.

¹⁸ Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BCT-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về quản lý chất lượng thép sản xuất trong nước và thép nhập khẩu.

¹⁹ Quyết định số 2711/QĐ-BKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Camera giám sát hành trình lắp trên xe ô tô kinh doanh vận tải

Nghị định số 10/2020/NĐ-CP²⁰ và Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT²¹ yêu cầu lắp camera trên xe. Tuy nhiên, khi quy định này được ban hành lại chưa có tiêu chuẩn hay quy chuẩn kỹ thuật về camera giám sát hành trình. Nhiều doanh nghiệp đã bỏ chi phí lớn để lắp camera nhằm tránh bị xử phạt.

Năm 2021, TCVN 13396:2021 Camera giám sát hành trình dùng trên xe ô tô - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử được ban hành. Nhiều camera mà các doanh nghiệp đã lắp trước đó không đáp ứng nên các doanh nghiệp phải thay sang camera mới, gây tổn kém chi phí.

Thêm vào đó, quy định này được ban hành dưới hình thức tiêu chuẩn, tức là không bắt buộc mọi camera hành trình phải tuân thủ. Các nhà sản xuất, kinh doanh camera hành trình và chủ phương tiện không kinh doanh vận tải vẫn được phép lựa chọn. Tuy nhiên, quy định này lại mang tính bắt buộc đối với các chủ phương tiện ô tô kinh doanh vận tải. Đây là khoảng mờ giữa hai khái niệm tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Do văn bản này được ban hành theo hình thức tiêu chuẩn nên thủ tục ban hành đơn giản hơn và không được đăng tải công khai.

QCVN về nước thải công nghiệp

QCVN về nước thải công nghiệp là một ví dụ cho vấn đề lộ trình áp dụng khi có sự thay đổi quy chuẩn. QCVN nước thải công nghiệp có tác động rất lớn đến các dự án đầu tư và có thể khiến nhiều dự án phải đóng cửa.

Dự thảo QCVN này đưa ra thời điểm có hiệu lực từ năm 2025 cho các dự án mới, và có lộ trình riêng cho các dự án đang hoạt động đến năm 2027 và 2029 tùy lĩnh vực. Tuy nhiên, lộ trình này dường như vẫn gây tác động lớn đến các dự án đầu tư đang hoạt động.

Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP²² có quy định trong trường hợp thay đổi QCVN môi trường thì doanh nghiệp được áp dụng QCVN cũ cho đến hết thời hạn của giấy phép môi trường cấp cho doanh nghiệp đó (thời hạn của giấy phép môi trường tối đa là 10 năm).

Quy định này là sự cân bằng giữa việc ổn định pháp luật cho doanh nghiệp khi bỏ tiền đầu tư và nhu cầu nâng cao chất lượng môi trường sống của người dân theo thời gian.

- 20 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.
- 21 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.
- 22 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Lộ trình áp dụng quy chuẩn đèn LED

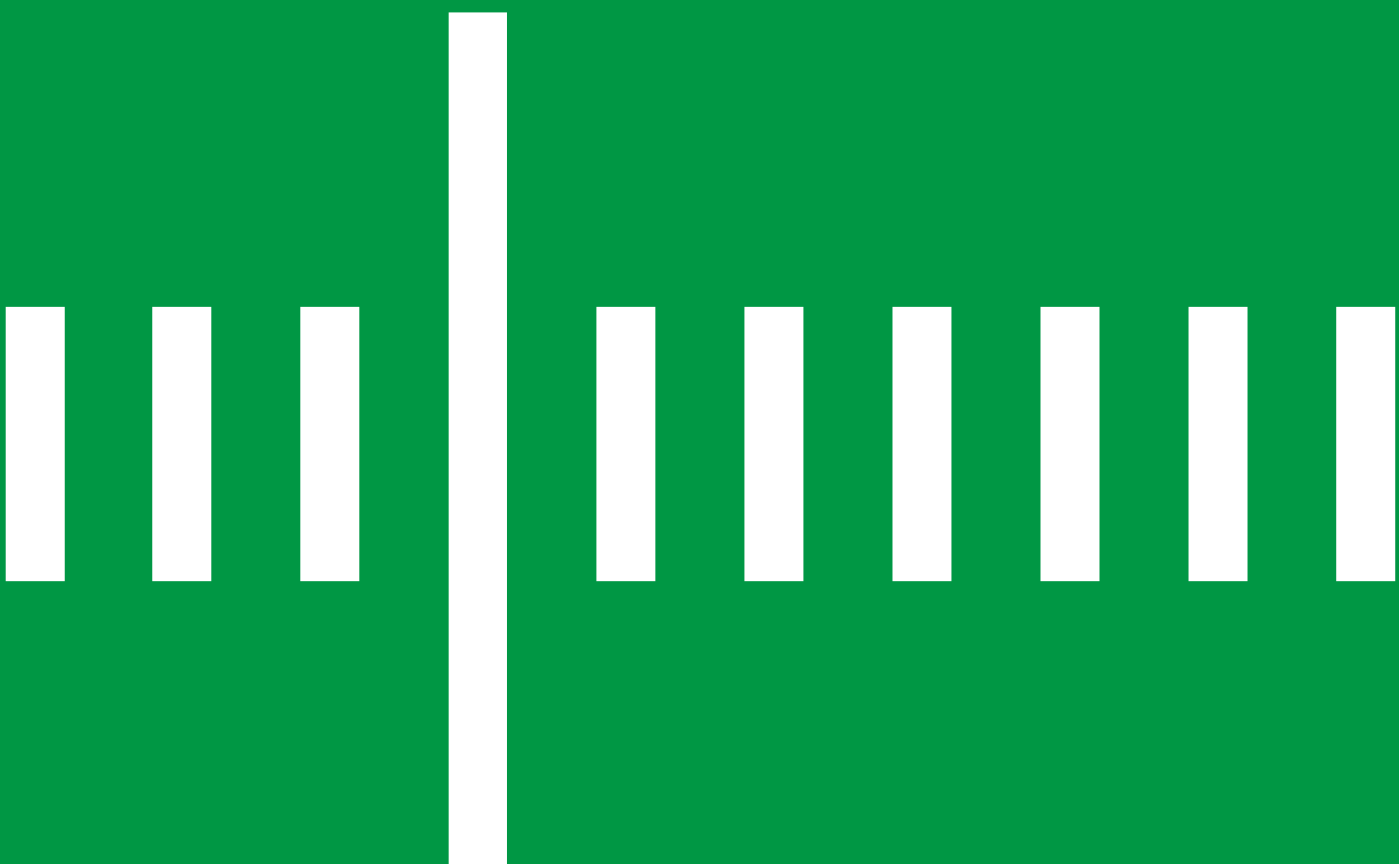
Hộp
44

Năm 2019, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành QCVN 19:2019/BKHCN Sản phẩm chiếu sáng bằng công nghệ LED. Bộ đã thiết kế lộ trình áp dụng từng thành phần chỉ tiêu trong Thông tư 08/2019/TT-BKHCN²³, đầu tiên áp dụng các tiêu chuẩn an toàn và giới hạn nhiễu điện từ (EMI) trước khi yêu cầu tuân thủ toàn bộ QCVN. Lý do là vì bộ nhận thấy các phòng thử nghiệm không đáp ứng năng lực, công suất. Đây là một cách tiếp cận thận trọng, đáng hoan nghênh nhằm tạo điều kiện cho thị trường thí nghiệm và doanh nghiệp thích nghi với những yêu cầu kỹ thuật mới.

²³ Thông tư số 08/2019/TT-BKHCN ngày 25 tháng 09 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm chiếu sáng bằng công nghệ LED".



Tính minh bạch



Tính minh bạch đề cập đến việc nội dung của các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật rõ ràng, khách quan, dễ hiểu, không bị diễn giải theo nhiều cách khác nhau, thuận tiện cho việc áp dụng.

Nội dung tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật không rõ ràng, gây tranh cãi trong quá trình áp dụng

Chúng tôi nhận được một số ví dụ phản ánh từ các doanh nghiệp về tình trạng các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật có nội dung không rõ ràng, vô nghĩa, hoặc nhiều nghĩa, gây tranh cãi trong quá trình áp dụng.

Lúng túng về môi trường đo kiểm

Hộp
45

Khoản a tại Mục 2.1.2.3 của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 91:2015/BTTTT Thiết bị âm thanh không dây dải tần 25MHz đến 2000MHz cho phép doanh nghiệp tự do lựa chọn ngưỡng môi trường đo kiểm bình thường theo công bố của nhà sản xuất. Tuy nhiên, QCVN 91:2015/BTTTT lại cố định nhiệt độ đo kiểm từ +15°C đến +35°C và độ ẩm tương đối từ 20 % đến 75 % tại Mục 2.1.2.3.1. Hai quy định này mâu thuẫn nhau. Như vậy, doanh nghiệp không rõ phải chấp hành theo điều nào.

Tương tự, trong QCVN 73:2013/BTTTT Thiết bị vô tuyến cự ly ngắn dải tần 25 MHz-1 GHz và QCVN 74:2020/BTTTT Thiết bị vô tuyến cự ly ngắn băng tần 1 GHz đến 40 GHz, môi trường đo kiểm được quy định ở điều kiện bình thường nhưng chỉ tiêu bao gồm cả thử nghiệm trong điều kiện khắc nghiệt.

Không tồn tại “phân silicat kiềm”

Hộp
46

Năm 2020, Cục Bảo vệ thực vật, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 772:2020/BVTV Phân bón - xác định hàm lượng silic hữu hiệu trong phân silicat kiềm bằng phương pháp khối lượng. Tuy nhiên, theo phản ánh của các doanh nghiệp, trên thực tế không có sản phẩm nào được gọi là “phân silicat kiềm”. Vì thế, khi doanh nghiệp sử dụng TCCS 772:2020/BVTV để thử nghiệm các loại phân bón có gốc kiềm của mình thì không được một số cơ quan nhà nước chấp nhận. Các cơ quan này cho rằng, TCCS 772:2020/BVTV chỉ được áp dụng cho *phân silicat kiềm*, còn các loại phân bón khác phải được thử nghiệm bằng phương pháp tại TCVN 11407:2019 Phân bón - Xác định hàm lượng silic hữu hiệu bằng phương pháp phổ hấp thụ phân tử. Chỉ tiêu silic của phân bón thử nghiệm bằng phương pháp này cho ra giá trị thấp hơn nhiều.

Sự không thống nhất về ngôn từ này dẫn đến việc sản phẩm phân bón của một số doanh nghiệp bị coi là hàng giả, hàng kém chất lượng khi chỉ tiêu silic (được thử bằng phương pháp TCVN 11407:2019) thấp hơn chỉ tiêu silic doanh nghiệp ghi trên bao bì (được thử bằng TCCS 772:2020/BVTV). Một số doanh nghiệp đã bị xử phạt và tịch thu hàng hoá vì vấn đề này.

Phân loại sản phẩm khó tra cứu

Thông thường mỗi tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật sẽ ứng với một loại hàng hoá cụ thể. Ví dụ, quy chuẩn kỹ thuật đối với bóng đèn LED, tiêu chuẩn kỹ thuật đối với nước mắm. Tuy nhiên, một số tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật lại áp dụng cho nhóm chỉ tiêu trong các mặt hàng khác nhau. Ví dụ, các quy chuẩn về thực phẩm của Bộ Y tế lại phân loại theo từng nhóm chỉ tiêu như vi chất, phụ gia hương liệu, chất hỗ trợ chế biến. Ở cuối mỗi quy chuẩn này lại liệt kê các loại thực phẩm phải đáp ứng quy chuẩn.

Điều này dẫn đến mỗi mặt hàng sản phẩm phải áp dụng nhiều QCVN nếu chứa các thành phần rải rác tại nhiều QCVN, ví dụ như QCVN 8-1:2011/BYT (giới hạn độc tố vi nấm), QCVN 8-2:2011/BYT (giới hạn kim loại nặng), QCVN 8-3:2012/BYT (giới hạn vi sinh vật)... Nếu doanh nghiệp tự công bố hợp quy theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật An toàn thực phẩm²⁴, họ sẽ mất nhiều thời gian tra cứu các QCVN liên quan để đảm bảo sản phẩm đáp ứng đầy đủ các chỉ tiêu hợp quy.

Hộp
47

Phân loại thực phẩm khó hiểu

QCVN 8-2:2011/BYT Giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm và QCVN 8-3:2012/BYT Ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm có sự phân loại hàng hóa không thống nhất định nghĩa. Một sản phẩm có thể vừa được coi là “sữa dạng bột/dạng lỏng” vừa được coi là “sản phẩm/thức ăn dinh dưỡng dành cho trẻ dưới 36 tháng tuổi”. Như vậy, doanh nghiệp sẽ không rõ phải áp dụng ngưỡng chỉ tiêu giới hạn ô nhiễm theo hạng mục sản phẩm nào. Một cách tiếp cận hiệu quả hơn là xây dựng hệ thống phân loại theo 14 nhóm sản phẩm chính và các nhóm sản phẩm phụ của Tiêu chuẩn CODEX.

²⁴ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

Sai sót về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo

Các văn bản pháp luật có thể mắc một số sai sót về ngôn ngữ và kỹ thuật soạn thảo và chỉ được phát hiện ra sau đó. Không ít các sai sót này là các lỗi chính tả, lỗi diễn đạt mà không ảnh hưởng đến quá trình áp dụng. Tuy nhiên, một số trường hợp mắc lỗi sai sót nghiêm trọng được các doanh nghiệp phản ánh. Điều này cho thấy công tác soạn thảo các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật chưa được đầu tư đúng mức.

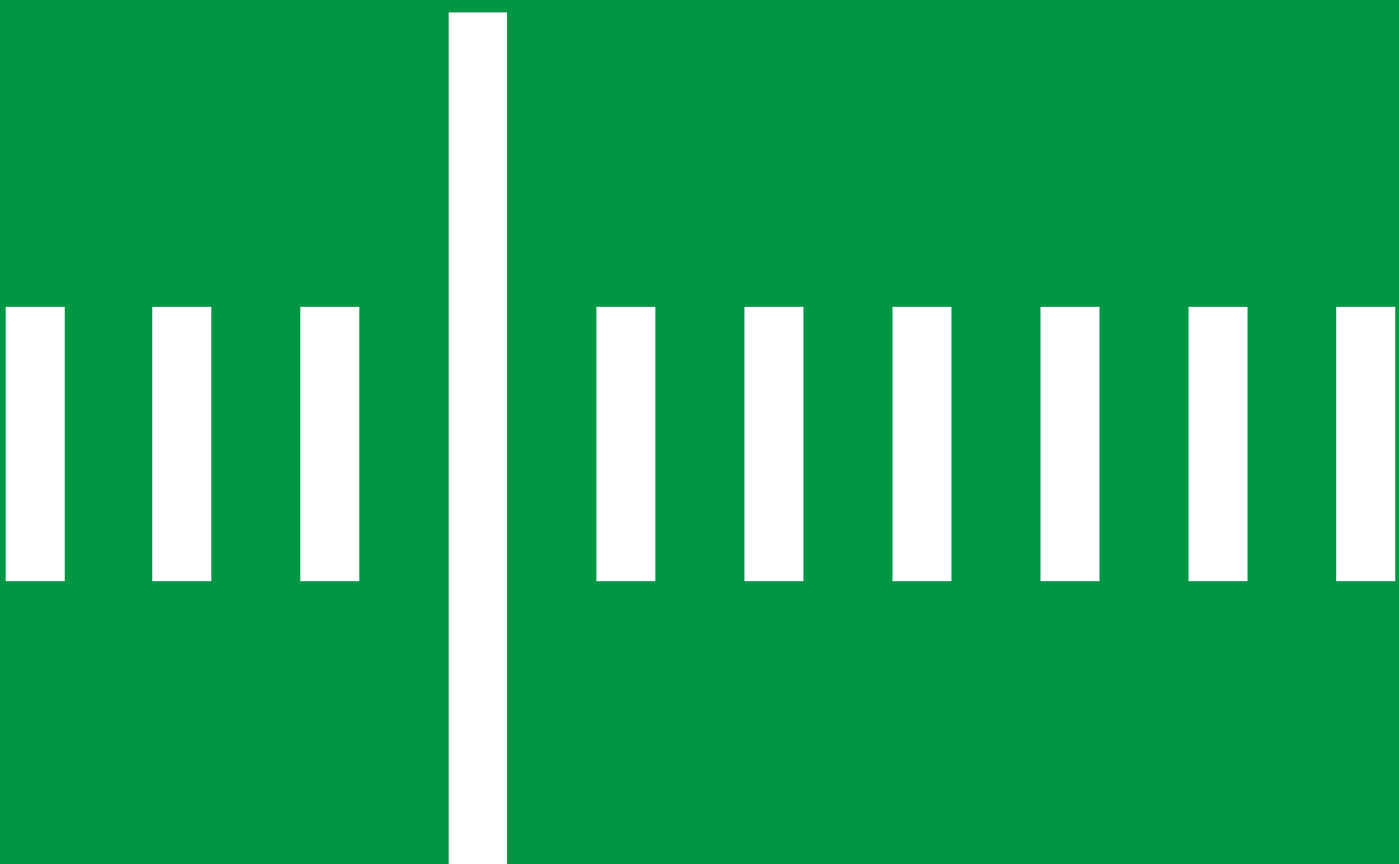
Quy chuẩn có tên chỉ tiêu, nhưng không có mức giới hạn yêu cầu

Ngay sau khi ban hành QCVN 16:2023/BXD Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng, các đơn vị đánh giá sự phù hợp đã phát hiện ra một lỗi sai sót nghiêm trọng. Tất cả các chỉ tiêu về độ hút nước, tải trọng uốn gãy và độ bền rạn men của loại ngói gốm trắng men trong Số thứ tự 2, Phần V tại Bảng 1 của QCVN 16:2023/BXD đều không có mức giới hạn yêu cầu. Nếu thiếu đi mức yêu cầu kỹ thuật, các đơn vị đánh giá sự phù hợp sẽ không có cơ sở để xác định chất lượng hàng hóa có đạt hay chưa đạt tiêu chuẩn.

Hộp
48



Trình tự, thủ tục soạn thảo, ban hành



Việc xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật phải bảo đảm tuân thủ đúng trình tự, thủ tục. Trong đó, nội dung được doanh nghiệp quan tâm nhất là bảo đảm việc đăng tải công khai và tham vấn ý kiến của các doanh nghiệp chịu tác động.

Lấy ý kiến đối tượng chịu tác động

Việc đăng tải công khai dự thảo và lấy ý kiến đối tượng chịu tác động của các quy chuẩn kỹ thuật là yêu cầu bắt buộc trong quá trình soạn thảo các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Đối tượng lấy ý kiến là các tổ chức, cá nhân có liên quan. Hình thức lấy ý kiến là hội nghị. Thời hạn lấy ý kiến là 60 ngày.

Đối với quy chuẩn kỹ thuật, do được coi là văn bản quy phạm pháp luật theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật nên sẽ phải được đăng tải và lấy ý kiến theo quy định của Luật này. Thêm vào đó, quy định của WTO liên quan đến các hàng rào kỹ thuật trong thương mại cũng yêu cầu đăng tải công khai và lấy ý kiến đối với các quy chuẩn kỹ thuật.

Tuy nhiên, tình trạng doanh nghiệp là đối tượng chịu tác động không được thông báo vẫn diễn ra. Tình trạng này có thể do nhiều nguyên nhân, cả từ phía doanh nghiệp và cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, thực tế này cho thấy có thể cải thiện về mặt thực thi để quá trình lấy ý kiến diễn ra thân thiện hơn với cả doanh nghiệp và cơ quan tham mưu soạn thảo.

Công tác tham vấn còn yếu

Doanh nghiệp phản ánh rằng không được tổ chức xin ý kiến, và cũng không nhận được thông tin từ Hiệp hội về QCVN 01-189:2019/BNNTNT Chất lượng phân bón và TCVN 11407:2019 Phân bón - Xác định hàm lượng silic hữu hiệu bằng phương pháp phổ hấp thụ phân tử trong giai đoạn dự thảo. Doanh nghiệp không có thời gian và nhân lực để thường xuyên theo dõi các dự thảo mới trên các website của cơ quan nhà nước.

Vì không được tham gia quá trình tham vấn, doanh nghiệp đã không thể phản ánh kịp thời các vướng mắc về phương pháp thử nghiệm silic hữu hiệu tới Cục Bảo vệ thực vật, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đối với TCCS 772:2020/BVTV Phân bón - xác định hàm lượng silic hữu hiệu trong phân silicat kiểm bằng phương pháp khối lượng, không có ràng buộc pháp lý nào về thủ tục thẩm tra, tham vấn ý kiến các bên liên quan trong soạn thảo nên doanh nghiệp cũng không có cơ hội đóng góp chỉnh sửa tiêu đề tránh gây hiểu nhầm.

Trong trường hợp QCVN dẫn chiếu các phương pháp thử nghiệm trong TCVN thì TCVN sẽ trở thành bắt buộc áp dụng. Tuy nhiên, thủ tục ban hành TCVN lại không chặt chẽ như QCVN, khó tránh khỏi nguy cơ sai sót cao. Trong tương lai, doanh nghiệp hi vọng được tham gia vào các thủ tục soát xét TCVN, QCVN để kịp thời kiến nghị những bổ sung, sửa đổi phù hợp với thực tiễn sản xuất.

Không đăng tải dự thảo QCVN

Khoảng 30 doanh nghiệp trong lĩnh vực thép không gì phản ánh rằng họ chỉ được biết đến QCVN 20:2019/BKHCN Thép không gì sau khi đã được ban hành năm 2019. Trong khi đó, quy chuẩn này ảnh hưởng rất lớn đến các doanh nghiệp vì quyết định nguyên liệu đầu vào được phép sử dụng trong sản xuất, kinh doanh.

Nhóm nghiên cứu đã truy cập website của Bộ Khoa học và Công nghệ, mục lấy ý kiến dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thì không tìm thấy dự thảo này.

Tham vấn đối với quy chuẩn an toàn thiết bị điện và điện tử

Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 04:2009/BKHCN An toàn đối với thiết bị điện và điện tử được ban hành từ năm 2009 và được lấy ý kiến rộng rãi. Tuy nhiên, QCVN sửa đổi 1:2016 QCVN 04:2009/BKHCN năm 2016 không được tham vấn rộng rãi. Phần đông doanh nghiệp trong ngành cáp điện chỉ biết đến bản sửa đổi sau khi QCVN đã được ban hành. Sự thiếu tham vấn này đã dẫn đến một số vướng mắc trong quá trình áp dụng sau đó.

Bản sửa đổi năm 2016 được xây dựng với tư duy “cởi trói” về hợp quy sản phẩm cáp điện. Theo đó, các doanh nghiệp được lựa chọn bất kỳ tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế, khu vực nào để làm hợp quy, chứ không bị bó buộc. Nội dung này có thể phù hợp với dây điện dân dụng, nhưng lại không phù hợp với cáp điện công nghiệp. Do sản phẩm công nghiệp được bán cho các doanh nghiệp khác để làm nguyên vật liệu đầu vào để sản xuất, nên mỗi khách hàng sẽ yêu cầu các tiêu chuẩn rất khác nhau. Điều này khiến cho việc hợp quy hàng hoá trở nên mất thời gian và vô cùng phức tạp.

Doanh nghiệp kiến nghị có thể bỏ toàn bộ dây cáp điện công nghiệp ra khỏi diện phải đáp ứng quy chuẩn vì họ đã phải đáp ứng tiêu chuẩn của bên mua. Việc hợp quy dẫn chiếu đến tiêu chuẩn của bên mua khiến thủ tục hành chính bị kéo dài không cần thiết.

Gần đây, Bộ Khoa học và Công nghệ đưa ra dự thảo bản sửa đổi và đã cải thiện quy trình bằng cách mời doanh nghiệp tham gia góp ý. Tất cả các thông tin mới đều được cập nhật qua kênh giao tiếp của Hiệp hội Kỹ thuật điện Việt Nam, đồng thời cũng là cầu nối thúc đẩy các kiến nghị của doanh nghiệp lên Bộ Khoa học và Công nghệ. Các doanh nghiệp kỳ vọng vấn đề vướng mắc trên sẽ được tháo gỡ.

Quy chuẩn về mức hấp thụ riêng đối với thiết bị vô tuyến

Hộp
52

Dự thảo QCVN 134:2024/BTTTT về SAR đối với điện thoại di động mức hấp thụ riêng đối với thiết bị vô tuyến cầm tay và đeo trên cơ thể người được soạn thảo cẩn thận và lấy ý kiến đầy đủ. Dự thảo tháng 07 năm 2024 đã tiếp thu nhiều ý kiến từ doanh nghiệp và điều chỉnh từ Dự thảo tháng 04 năm 2024, trong đó đã lược bỏ chỉ tiêu giới hạn mức hấp thụ riêng cho toàn cơ thể. Bản thuyết minh Dự thảo QCVN đã bổ sung đánh giá tác động chi tiết về năng lực của các phòng thử nghiệm trong nước và tại các quốc gia có thỏa thuận công nhận lẫn nhau (MRA) với Việt Nam nhằm phục vụ công tác thẩm định. Dựa trên đánh giá toàn diện và khách quan về năng lực phòng đo còn yếu, Dự thảo tháng 07 năm 2024 đã đề xuất lộ trình áp dụng phân kỳ cho các nhóm sản phẩm rủi ro cao và rủi ro thấp. Trước tiên, quy định sẽ có hiệu lực sớm đối với thiết bị điện thoại, sau đó mở rộng áp dụng cho các thiết bị vô tuyến điện khác. Các doanh nghiệp đánh giá đây là một phương án hợp lý, công bằng.

Một số vấn đề khi tham khảo tiêu chuẩn của nước ngoài

Hiện nay, không có bất kỳ một quy định nào liên quan đến việc tham khảo các tiêu chuẩn của nước ngoài trong quá trình xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam. Nhưng trên thực tế, các ý kiến tham gia khảo sát đều đồng tình rằng hầu hết các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam được ban hành dựa trên việc tham khảo các tiêu chuẩn quốc tế và của nước ngoài.

Hộp
53

Tiêu chuẩn hay quy chuẩn kỹ thuật?

Có doanh nghiệp tham gia khảo sát cho rằng vấn đề lớn nhất khi tham khảo tiêu chuẩn nước ngoài là các nước trên thế giới không có khái niệm tương ứng với khái niệm quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam. Theo đó, các nước chỉ có các tiêu chuẩn do các cơ quan, viện nghiên cứu, hiệp hội doanh nghiệp, doanh nghiệp và các tổ chức khác công bố. Việc áp dụng các tiêu chuẩn này theo hướng bắt buộc hay không bắt buộc phụ thuộc vào từng quy định pháp luật cụ thể của quốc gia đó. Trong trường hợp cơ quan nhà nước tham khảo tiêu chuẩn nước ngoài và quốc tế để ban hành quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam sẽ có nguy cơ chỉ tham khảo về nội dung mà không tham khảo về phạm vi áp dụng của tiêu chuẩn đó theo pháp luật nước ngoài. Nhiều ý kiến cho rằng nhiều quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam về tính năng (không phải yếu tố an toàn) của thiết bị điện tử, công nghệ thông tin chỉ tương ứng với tiêu chuẩn của nước ngoài, tức là không bắt buộc.

Hộp
54

Đặc tính điện pin lithium - Tiêu chuẩn hay quy chuẩn kỹ thuật?

QCVN 101:2020/BTTTT Pin lithium cho thiết bị cầm tay quy định tại Mục 2.4, 2.5 về đặc tính điện của pin lithium được sao chép từ tiêu chuẩn quốc tế IEC 61960-3:2017. Tuy nhiên, phạm vi áp dụng của tiêu chuẩn IEC là tập hợp đặc tính điện của pin lithium nhằm đánh giá hiệu năng, chứ không phải mang yếu tố an toàn, nghĩa là không bắt buộc.

Việc phân loại thành tiêu chuẩn (áp dụng tự nguyện) và quy chuẩn kỹ thuật (áp dụng bắt buộc) tương đối cứng nhắc do nhiều trường hợp khó có thể phân biệt được điều này. Một số trường hợp vướng mắc có thể nảy sinh như:

- ❶ Tiêu chuẩn áp dụng cho một bên độc quyền mua thì là bắt buộc hay không?
- ❷ Tiêu chuẩn áp dụng cho các hợp đồng mua sắm công thì nên được hiểu là bắt buộc hay không?
- ❸ Tiêu chuẩn về phương pháp thử nhưng không có phương pháp thử khác thay thế thì nên là tiêu chuẩn hay quy chuẩn kỹ thuật?
- ❹ Tiêu chuẩn áp dụng cho hàng hoá bán cho người tiêu dùng nhưng không cần áp dụng cho hàng hoá cùng loại bán cho khách hàng doanh nghiệp thì nên ở hình thức tiêu chuẩn hay quy chuẩn kỹ thuật?

Không hiểu rõ nội dung của tiêu chuẩn nước ngoài

Do không trực tiếp thực hiện việc nghiên cứu nên xuất hiện khá phổ biến tình trạng cơ quan soạn thảo không hiểu rõ nội dung của các tiêu chuẩn và quy chuẩn nước ngoài, dẫn đến quá trình Việt hoá không đầy đủ, chính xác, từ đó nảy sinh vướng mắc, bất cập trong quá trình áp dụng.

Nhầm lẫn khi soạn thảo QCVN về mức hấp thụ riêng đối với thiết bị vô tuyến

Bộ Thông tin và Truyền thông mới đây ban hành QCVN 134:2024/BTTTT Mức hấp thụ riêng đối với thiết bị vô tuyến cầm tay và đeo trên cơ thể người. Phiên bản Dự thảo tháng 4 năm 2024 đưa ra chỉ tiêu mức hấp thụ riêng toàn cơ thể, tức là phải đánh giá mức hấp thụ bức xạ điện từ của các thiết bị vô tuyến cầm tay trên toàn bộ cơ thể người sử dụng. Trong khi đó, thông lệ quốc tế chỉ đánh giá đối với ba bộ phận trên cơ thể là đầu, thân (ở hông) và các chi (ở tay) vì đây là những bộ phận thường xuyên tiếp xúc với thiết bị vô tuyến cầm tay.

Bất cập này đã được phát hiện thông qua quá trình tham vấn chuyên gia và doanh nghiệp. Sau khi rà soát, cơ quan soạn thảo đã nhận thấy sai sót nằm ở việc tham vấn quy chuẩn nước ngoài chưa chính xác. Việc thử nghiệm trên toàn bộ cơ thể người áp dụng với các thiết bị như trạm phát sóng công cộng, chứ không áp dụng cho các thiết bị cầm tay. Bản QCVN chính thức khi được ban hành đã khắc phục vấn đề này.

Khi tham khảo tiêu chuẩn của nước ngoài để ban hành tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam, các cơ quan quản lý phải tiến hành công việc dịch thuật. Trong một số trường hợp, vấn đề phát sinh do công tác dịch thuật không bảo đảm.

Khái niệm “baby foods” thực phẩm dành cho trẻ em

QCVN 8-1:2011/BYT Giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm được tham khảo và dịch trực tiếp từ Quy định của Liên minh Châu Âu số 1881/2006 thiết lập mức tối đa đối với một số chất gây ô nhiễm trong thực phẩm (Commission Regulation (EC) No 1881/2006). Trong đó, các ngưỡng chỉ tiêu giới hạn các chất ô nhiễm được áp dụng với “loại thực phẩm khác dành cho trẻ dưới 36 tháng tuổi”, tương đương với thuật ngữ “baby foods for infants and young children” tại quy định của Liên minh Châu Âu. Tuy nhiên, QCVN 8-1:2011/BYT đã không dịch chú thích dẫn chiếu tới định nghĩa “baby foods” trong Chỉ thị 2006/125/EC (Commission Directive 2006/125/EC) là sản phẩm không bao gồm sữa các dạng khô và lỏng dành cho trẻ nhỏ. Vì vậy, một loạt sản phẩm sữa dành cho trẻ dưới 36 tháng tuổi cũng được đưa vào diện kiểm soát của QCVN 8-1:2011/BYT. Doanh nghiệp phải tốn kém chi phí thử nghiệm các độc tố dù một số chất này không xuất hiện trong sữa và không gây nguy hiểm tới sức khỏe cộng đồng.

Chậm điều chỉnh theo tiêu chuẩn nước ngoài

Việc tham khảo tiêu chuẩn nước ngoài khi soạn thảo tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam diễn ra phổ biến. Nhiều trường hợp, các tiêu chuẩn và quy chuẩn của Việt Nam chỉ là bản dịch của tiêu chuẩn nước ngoài, mà không có bất kỳ một sự thay đổi nào về nội dung. Tuy nhiên, đến khi tiêu chuẩn nước ngoài đó được điều chỉnh, thì tiêu chuẩn và quy chuẩn của Việt Nam không được tự động điều chỉnh theo mà vẫn phải đợi các cơ quan nhà nước ban hành tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn mới. Trong trường hợp các cơ quan nhà nước chưa kịp làm việc này, sự khác biệt giữa các phiên bản tiêu chuẩn và quy chuẩn có thể gây cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng hoá.

Chậm điều chỉnh quy chuẩn sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ từ 6 tháng - 3 tuổi

Hộp
57

QCVN 11-3:2012/BYT Sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi dẫn chiếu trực tiếp chỉ tiêu từ Tiêu chuẩn CODEX CAC/GL 10-1979: Nguyên tắc thanh tra và chứng nhận thực phẩm xuất nhập khẩu, trong đó có quy định ngưỡng tối thiểu cho chỉ tiêu chất Nicotinamid. Tới năm 2024, CODEX đã sửa đổi tiêu chuẩn theo hướng không bắt buộc áp dụng chỉ tiêu chất Nicotinamide, nhưng QCVN 11-3:2012/BYT chưa được sửa đổi để tương thích. Hệ quả là vô tình tạo ra những rào cản thương mại cho hàng hoá nhập khẩu Việt Nam đạt tiêu chuẩn mới của CODEX nhưng không đạt QCVN 11-3:2012/BYT; và ngược lại với hàng hoá Việt Nam xuất khẩu tới các nước thành viên của CODEX.

Chậm cập nhật tiêu chuẩn cáp điện

Hộp
58

TCVN 5935-1:2013 Cáp điện và Phụ kiện cáp điện lực²⁵ được tham khảo và dịch thuật trực tiếp từ tiêu chuẩn IEC 60502-1:2009. Tuy nhiên, từ năm 2013 tới giờ, TCVN này chưa được cập nhật theo bản tiêu chuẩn IEC 60502-1:2021 mới nhất vào năm 2021. Tương tự, Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 6447:1998 Cáp điện vận xoắn cách điện bằng XLPE điện áp làm việc đến 0,6KV cũng tham khảo tiêu chuẩn AS của Australia, nhưng chưa được cập nhật các nội dung mới nhất. Thông thường, TCVN có độ trễ lớn so với các tiêu chuẩn quốc tế, một phần do thủ tục ban hành phức tạp, phải qua nhiều khâu và nhiều cơ quan, từ Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia đến Bộ Khoa học và Công nghệ, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan. Bên cạnh đó, kinh phí hạn chế cũng không đủ để thúc đẩy tiến độ nhanh chóng.

²⁵ Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5935-1:2013 IEC 60502-1:2009 Cáp điện lực cách điện dạng đùn và phụ kiện cáp điện dùng cho điện áp danh định từ 1kV ($U_m=1,2kV$) đến 30 kV ($U_m=36kV$)-Phần 1: Cáp dùng cho điện áp danh định bằng 1kV ($U_m=1,2kV$) đến 3kV ($U_m=3,6kV$).

Một số giải pháp nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật

Hiện nay, Dự án Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật đang được soạn thảo và trình Quốc hội. Dự kiến Quốc hội sẽ thông qua luật này vào kỳ họp tháng 5 năm 2025. Đây là cơ hội để Việt Nam củng cố quy trình xây dựng các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, nâng cao chất lượng các văn bản này, và góp phần vào sự phát triển kinh tế và xã hội quốc gia.

Các giải pháp đưa ra trong phần sau của báo cáo này phản ánh các mong muốn của cộng đồng doanh nghiệp đối với việc ban hành và thực thi pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Chúng tôi không đưa ra giải pháp cụ thể cho từng quy chuẩn hay tiêu chuẩn vì đây là công việc của các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp tương ứng trong từng ngành hàng, lĩnh vực. Các giải pháp được trình bày ở đây sẽ tập trung vào quy trình xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật cùng với các tiêu chí mà các bên liên quan nên lưu ý trong quá trình soạn thảo. Chúng tôi tin rằng một quy trình tốt với sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan, cùng với nhận thức thấu hiểu tiêu chí đánh giá chất lượng văn bản, là chìa khoá để có được các quy định pháp luật tốt.

1

2

3

Về trình tự thủ tục xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật



Báo cáo đánh giá tác động

Pháp luật cần đưa quy định bổ sung Báo cáo đánh giá tác động vào bộ hồ sơ khi ban hành quy chuẩn kỹ thuật. Như đã nói, QCVN thường có tác động rất lớn đến các doanh nghiệp và người dân, vì là điều kiện tối thiểu để sản phẩm hàng hoá được lưu thông trên thị trường. Do đó, việc đánh giá tác động của việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật cần được thực hiện kỹ lưỡng.

Báo cáo đánh giá tác động này cần đề cập đến một số nội dung sau (các phân tích chi tiết sẽ được trình bày ở phần sau giải pháp về nội dung tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật):

- Sự cần thiết của việc ban hành QCVN tập trung vào việc thuyết minh mục tiêu chính sách cần đạt được.
- Tính hợp lý tập trung vào tác động trên thực tế của quy chuẩn đó lên các yếu tố an toàn cũng như thị trường sản phẩm, hàng hoá có liên quan.
- Tính khả thi tập trung vào khả năng đáp ứng của dịch vụ đánh giá sự phù hợp cùng với lộ trình áp dụng.

Báo cáo đánh giá tác động này phải được cơ quan chủ trì soạn thảo đưa vào hồ sơ lấy ý kiến, hồ sơ thẩm định và hồ sơ trình ban hành quy chuẩn kỹ thuật.

Tham khảo tiêu chuẩn nước ngoài

Việc tham khảo tiêu chuẩn của nước ngoài có thể giúp đẩy nhanh việc xây dựng các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam, nhưng cũng cần được tiến hành một cách thận trọng, kỹ lưỡng. Một số vấn đề sau cần lưu ý:

- Ngoài việc tham khảo nội dung của tiêu chuẩn nước ngoài cũng cần xem xét cả phạm vi áp dụng của tiêu chuẩn đó, tránh việc áp dụng không đúng đối tượng, đặc biệt là khi ban hành QCVN.
- Việc dịch thuật phải được tiến hành kỹ lưỡng để tránh sai khác khi chuyển đổi ngôn ngữ. Trong trường hợp tiêu chuẩn của nước ngoài sử dụng các thuật ngữ được dẫn chiếu thì cần được tìm hiểu rõ và chú giải cẩn thận.
- Khi tiêu chuẩn nước ngoài có sự điều chỉnh thì cần nhanh chóng nghiên cứu để sửa đổi cho phù hợp. Trường hợp chưa thể điều chỉnh tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn của Việt Nam thì cần cân nhắc cho phép doanh nghiệp áp dụng trực tiếp tiêu chuẩn nước ngoài để bảo đảm thuận lợi trong lưu thông hàng hoá.

Đăng tải dự thảo tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật

Trong quá trình soạn thảo, các QCVN và TCVN cần được đăng tải công khai để các đối tượng chịu tác động có thể nắm bắt và góp ý nếu thấy cần thiết.

Việc đăng tải này cần được thực hiện đồng thời trên cổng thông tin điện tử của cơ quan chủ trì soạn thảo và của cơ quan thẩm định các tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật này (chính là Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia). Hồ sơ đăng tải cần bao gồm đầy đủ dự thảo, tờ trình và bổ sung báo cáo đánh giá tác động của QCVN. Việc đăng tải như vậy sẽ tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp dễ dàng theo dõi thay đổi chính sách, tránh việc phải truy cập quá nhiều các cổng thông tin điện tử. Khi hết thời hạn góp ý, hồ sơ lấy ý kiến này vẫn cần được lưu trữ trên cổng thông tin điện tử nhằm tạo điều kiện cho các bên liên quan có thể nghiên cứu khi cần hiểu rõ hơn về quy định.

Tăng cường tham vấn đối tượng chịu tác động

Việc tham vấn đối tượng chịu tác động cần được coi là một trong những vấn đề trọng tâm của trình tự thủ tục soạn thảo tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Đối với các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về sản phẩm hàng hoá thì đối tượng chịu tác động phải bao gồm các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh mặt hàng bị điều chỉnh và các đơn vị đánh giá sự phù hợp trong lĩnh vực liên quan. Việc tham vấn có thể được thực hiện qua con đường công văn hoặc hội thảo trực tiếp hoặc thông qua hiệp hội doanh nghiệp ngành hàng. Quá trình tham vấn cần thực hiện thường xuyên, liên tục cho các phiên bản tiêu chuẩn, quy chuẩn sau mỗi lần cập nhật, sửa đổi, điều chỉnh.

Thẩm định

Công tác thẩm định cần có sự tham gia nhiều hơn của đối tượng chịu tác động của quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn tương ứng. Công tác thẩm định cần có sự tham gia cùng của đơn vị pháp chế nhằm bảo đảm tính thống nhất với các quy định pháp luật trong lĩnh vực khác. Cơ quan chủ trì soạn thảo cần giải trình hoặc tiếp thu các nội dung của báo cáo thẩm định, gửi lại cơ quan thẩm định và cơ quan có thẩm quyền ban hành QCVN.

Ban hành

Thông thường, người ký ban hành QCVN là Bộ trưởng hoặc Thứ trưởng của bộ phụ trách. Nếu trường hợp người ký ban hành am hiểu vấn đề chuyên môn kỹ thuật thì là may mắn. Tuy nhiên, trong đa số các trường hợp, người ký ban hành không có chuyên môn kỹ thuật. Do đó, vai trò của người có thẩm quyền này là yêu cầu đơn vị trình tuân thủ đầy đủ về trình tự thủ tục soạn thảo tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, bao gồm (1) báo cáo đánh giá tác động một cách đầy đủ, chính xác; (2) lấy ý kiến đối tượng chịu tác động và (3) báo cáo đầy đủ, tiếp thu hoặc giải trình các ý kiến góp ý.

Tiến tới bỏ cơ chế quy chuẩn kỹ thuật

Như đã phân tích ở trên, việc đưa ra hai cơ chế tiêu chuẩn (tự nguyện áp dụng) và quy chuẩn kỹ thuật (bắt buộc áp dụng) có nhiều điểm bất cập. Việc tồn tại cơ chế quy chuẩn kỹ thuật dường như là một giải pháp trong giai đoạn Việt Nam mới tham gia WTO, khi đó cần có các quy chuẩn kỹ thuật không quá khắt khe để các doanh nghiệp trong nước có thể đáp ứng. Tuy nhiên, cơ chế này có dấu hiệu bị lạm dụng trong thời gian qua khi nhiều Bộ ngành ban hành quy chuẩn kỹ thuật quá phức tạp gây tổn kém chi phí đánh giá sự phù hợp. Xu hướng này đặc biệt rõ trong trường hợp đơn vị đánh giá sự phù hợp trực thuộc chính Bộ ngành đó. Hơn nữa, ranh giới phân biệt giữa áp dụng tự nguyện và áp dụng bắt buộc là không thực sự rõ ràng.

Một cơ chế phù hợp hơn là các văn bản kỹ thuật đều được ban hành dưới dạng tiêu chuẩn và được ban hành bởi nhiều chủ thể khác nhau. Nhà nước sẽ ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về các trường hợp phải áp dụng tiêu chuẩn và dẫn chiếu đến tiêu chuẩn đó.

Như vậy, thay vì ban hành một quy chuẩn kỹ thuật, Nhà nước có thể ban hành một tiêu chuẩn quốc gia sau đó sử dụng một văn bản quy phạm pháp luật để xác định các đối tượng phải áp dụng tiêu chuẩn đó. Việc đánh giá tác động của chính sách được thực hiện theo trình tự thủ tục thống nhất của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trong giai đoạn đầu, nếu các chủ thể tư nhân như doanh nghiệp, hiệp hội hay viện nghiên cứu chưa thể xây dựng các tiêu chuẩn kịp với tốc độ phát triển của xã hội thì Nhà nước có thể hỗ trợ công tác này bằng cách trực tiếp đầu tư hoặc trợ cấp cho các đơn vị tư nhân.

Cơ chế này mang lại một số lợi thế như sau:

- Nhà nước linh hoạt hơn trong việc xác định phạm vi áp dụng quy định kỹ thuật đó, không bị cứng nhắc vào hai chế độ tự nguyện hoặc bắt buộc như hiện nay.
- Sẽ không còn tồn tại khái niệm quy chuẩn kỹ thuật vừa là quy định kỹ thuật vừa là quy phạm pháp luật như hiện nay, không cần cùng lúc đáp ứng hai thủ tục ban hành.
- Doanh nghiệp không cần phải thực hiện hai thủ tục hợp chuẩn và hợp quy cho cùng một sản phẩm như một số vướng mắc hiện nay.

Về nội dung của các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật



Các giải pháp về nội dung của các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật này tập trung vào các tiêu chí đánh giá chất lượng nội dung của tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Các bên liên quan có thể nhìn vào các tiêu chí này để chuẩn bị nội dung dự thảo cũng như để góp ý hoặc thẩm định tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

Sự cần thiết

Sự cần thiết đề cập đến mục tiêu chính sách của việc ban hành tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Để bảo đảm tốt yếu tố này, việc ban hành tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật cần lưu ý một số vấn đề sau:

- QCVN cần tập trung hướng đến mục tiêu bảo đảm tính an toàn của sản phẩm, hàng hoá. Các mục tiêu khác như bảo hộ thị trường, thúc đẩy giao dịch hay nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hoá cần được cân nhắc hết sức thận trọng trong quá trình nghiên cứu soạn thảo.
- QCVN không phải là giải pháp chính sách duy nhất để bảo đảm tính an toàn của sản phẩm, hàng hoá. Các giải pháp khác như chịu trách nhiệm pháp lý khi rủi ro xảy ra hoặc việc giám sát chặt quá trình sản xuất cần được cân nhắc thay thế cho QCVN.
- Việc ban hành TCVN có thể tác động rất lớn đến thị trường nếu các khái niệm được sử dụng để phân loại, gọi tên là các từ ngữ được sử dụng phổ biến trong xã hội.

Tính hợp lý

Tính hợp lý đề cập đến việc các quy định của quy chuẩn giúp đạt được mục tiêu chính sách đã đề ra với tác động tiêu cực không mong muốn ít nhất. Để bảo đảm tốt yếu tố này, việc ban hành tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật cần lưu ý một số vấn đề sau:

- Việc cân nhắc đưa các chỉ tiêu thử nghiệm vào trong quy chuẩn kỹ thuật cũng cần được dựa trên thuyết minh về tính an toàn của sản phẩm, hàng hoá.
- Các mức chỉ tiêu đạt cần được tham vấn kỹ với các doanh nghiệp. Nếu chỉ tiêu quá nghiêm ngặt, ít doanh nghiệp đáp ứng sẽ gây cản trở hoạt động kinh tế, gây thiếu hụt hàng hoá hoặc tạo vị thế độc quyền cho một vài nhà cung cấp. Ngược lại, nếu các chỉ tiêu quá đơn giản mà bất kỳ doanh nghiệp nào cũng đáp ứng thì gây lãng phí chi phí thử nghiệm không cần thiết.
- Các phép đo trong tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật cần được thiết kế sao cho sử dụng lại được các kết quả đã có, tránh việc phải lấy quá nhiều mẫu hoặc phải thực hiện quá nhiều phép đo không cần thiết.
- Quy định việc chấp nhận kết quả đo kiểm của phòng đo được công nhận đối với các phép đo tương đương với tiêu chuẩn quốc tế, không cần thực hiện lại theo quy chuẩn Việt Nam.

Tính thống nhất

Tính thống nhất tập trung vào việc nội dung của tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật không trái với văn bản pháp luật cấp cao hơn, không gây chồng chéo với quy định khác, và tương thích với các tiêu chuẩn nước ngoài để tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại. Để đạt được tiêu chí này, nội dung của tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật cần được đánh giá một số khía cạnh sau:

- QCVN không được bao gồm điều kiện đầu tư kinh doanh.
- Khi tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật được soạn thảo dựa trên việc tham khảo tiêu chuẩn nước ngoài thì cần đánh giá xem có phù hợp với điều kiện của Việt Nam không, có khác biệt nhỏ với tiêu chuẩn nước ngoài làm cản trở hoạt động thương mại không.
- Phạm vi áp dụng của QCVN và thủ tục hợp quy hàng hoá không chồng chéo, trùng lặp với các quy định khác, đặc biệt là các quy chuẩn đã có của bộ, ngành khác.

Tính khả thi

Tính khả thi đề cập đến các biện pháp bảo đảm thi hành tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, tập trung vào hai nội dung chính là năng lực của các đơn vị đánh giá sự phù hợp và lộ trình áp dụng, quy định chuyển tiếp.

- Khi ban hành QCVN cần có khảo sát về năng lực của các phòng thử nghiệm, đơn vị cung cấp dịch vụ đánh giá sự phù hợp để bảo đảm khi QCVN có hiệu lực thì thị trường đủ khả năng cung cấp dịch vụ.
- Trong trường hợp chỉ có một vài đơn vị đánh giá sự phù hợp có khả năng đáp ứng, đặc biệt là các đơn vị sự nghiệp của chính bộ đang ban hành quy chuẩn thì cần hết sức thận trọng, tránh việc quy chuẩn bị lạm dụng để mang lại lợi ích nhóm.
- Thời hạn áp dụng QCVN cần được thiết kế đủ dài để các bên có thể điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh, trừ trường hợp khẩn cấp. Không nên cứng nhắc áp dụng thời hạn 45 ngày của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật mà nên cân nhắc ở mức từ một đến vài năm từ thời điểm ban hành đến khi có hiệu lực.

Một số ý kiến cho rằng việc xác định năng lực của các đơn vị đánh giá sự phù hợp vào thời điểm ban hành QCVN rất khó. Bởi khi chưa có quy chuẩn thì chưa có nhu cầu của thị trường, do đó, các đơn vị đánh giá sự phù hợp chưa đầu tư máy móc thiết bị và nhân lực để đáp ứng.

Đúng là việc xác định chính xác năng lực của các đơn vị đánh giá sự phù hợp vào thời điểm dự thảo quy chuẩn là tương đối khó. Tuy nhiên, cơ quan nhà nước hoàn toàn có thể thực hiện việc khảo sát các đơn vị đánh giá sự phù hợp đang hoạt động để đánh giá khả năng đáp ứng của họ sau khi quy chuẩn được ban hành, hoặc tham vấn các công ty toàn cầu tại Việt Nam để đánh giá năng lực phòng đo nước ngoài cho phép đo tương tự. Một số nội dung khảo sát có thể tính đến như sau:

- Nếu có nhiều đơn vị đang cung cấp dịch vụ cho các sản phẩm, chỉ tiêu tương tự thì họ có thể dễ dàng đầu tư thêm để đáp ứng nhu cầu đánh giá sự phù hợp cho quy chuẩn mới.
- Nếu chi phí đầu tư máy móc thiết bị và nhân lực để cung ứng dịch vụ không quá cao và sẵn có, các đơn vị đánh giá sự phù hợp sẽ dễ dàng đáp ứng hơn.
- Nếu dung lượng thị trường của loại sản phẩm, hàng hoá cần đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật đủ lớn, các đơn vị đánh giá sự phù hợp sẽ có động lực để đầu tư cao hơn.

Trong trường hợp các đơn vị đánh giá sự phù hợp không có đủ năng lực và việc đầu tư thêm có thể gặp khó khăn, các cơ quan tham mưu có thể cân nhắc lộ trình áp dụng từng bước ban đầu chấp nhận kết quả đo kiểm của phòng đo nước ngoài, hoặc kéo dài thời hạn phải áp dụng quy chuẩn kỹ thuật hoặc có lộ trình từng bước để các bên liên quan có thời gian chuẩn bị.

Việc áp dụng một quy chuẩn mới là không hề đơn giản, bao gồm nhiều khâu và công đoạn, có thể kể đến như: (1) doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu phải thay đổi quy trình sản xuất hoặc thay đổi đối tác thương mại để bảo đảm sản phẩm hàng hoá của mình đáp ứng quy chuẩn mới; (2) đơn vị đánh giá sự phù hợp đầu tư máy móc thiết bị, đào tạo nhân lực để thực hiện dịch vụ; (3) đơn vị đánh giá sự phù hợp nộp hồ sơ xin chỉ định; (4) cơ quan nhà nước phải chỉ định các đơn vị đánh giá sự phù hợp đủ năng lực để chứng nhận hợp quy theo quy chuẩn mới; (5) nhà sản xuất, nhập khẩu phải đàm phán, giao kết hợp đồng với đơn vị đánh giá sự phù hợp để làm thủ tục hợp quy; (6) một số trường hợp sẽ phải sản xuất mẫu điển hình để phục vụ việc thử nghiệm; (7) thử nghiệm sản phẩm, hàng hoá và chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy.

Theo phản ánh của một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, khoảng thời gian để áp dụng các tiêu chuẩn mới tại nhiều nước khác thường kéo dài từ một đến hai năm, thậm chí nhiều trường hợp có lộ trình từng bước nhiều năm cho đến khi phải áp dụng toàn bộ.

Tính minh bạch

Tính minh bạch đề cập đến việc nội dung của tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật đơn giản, dễ hiểu, hiểu đơn nghĩa, không gây tranh cãi trong quá trình áp dụng. Để làm điều này, cơ quan soạn thảo cần đầu tư nhiều hơn cho công tác pháp chế, kỹ thuật soạn thảo văn bản. Cơ quan soạn thảo nên lấy ý kiến các đơn vị pháp chế hoặc một số chuyên gia về kỹ thuật soạn thảo văn bản để bảo đảm bản được ban hành không mắc lỗi kỹ thuật hoặc khó hiểu cho người đọc.

NOTE



Blank lined area for text input.



Blank lined area for text entry.

BÁO CÁO

Đánh giá chất lượng và khuyến nghị
cho việc xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật
của Việt Nam

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng Biên tập
Trương Thu Hiền

Biên tập
Tôn Nữ Thanh Bình

Thiết kế
Nguyễn Thái Dũng

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG
Trụ sở: Số 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 024-3934 1562 | Fax: 024-3938 7164
Website: <http://nhaxuatbanconghuong.com.vn>
E-mail: nxbct@moit.gov.vn

In 400 cuốn, khổ 18.5 x 25.5 cm tại Công ty TNHH In và Thương Mại Trần Gia
Địa chỉ: Số 43 ngõ 406 đường Âu Cơ, Phường Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội
Số xác nhận đăng ký xuất bản: 4841-2024/CXBIPH/1-305/CT.
Số Quyết định xuất bản: 646/QĐ – NXBCT ngày 31 tháng 12 năm 2024
In xong và nộp lưu chiểu: Quý I năm 2025
Mã số ISBN: 978-604-481-951-8

LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Ban Pháp chế

Số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3574 6545 | Fax: (024) 3577 1459

Email: xdphapluat@vcci.com.vn, xdphapluat.vcci@gmail.com

www.vcci.com.vn / www.vibonline.com.vn



SÁCH KHÔNG BÁN